

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

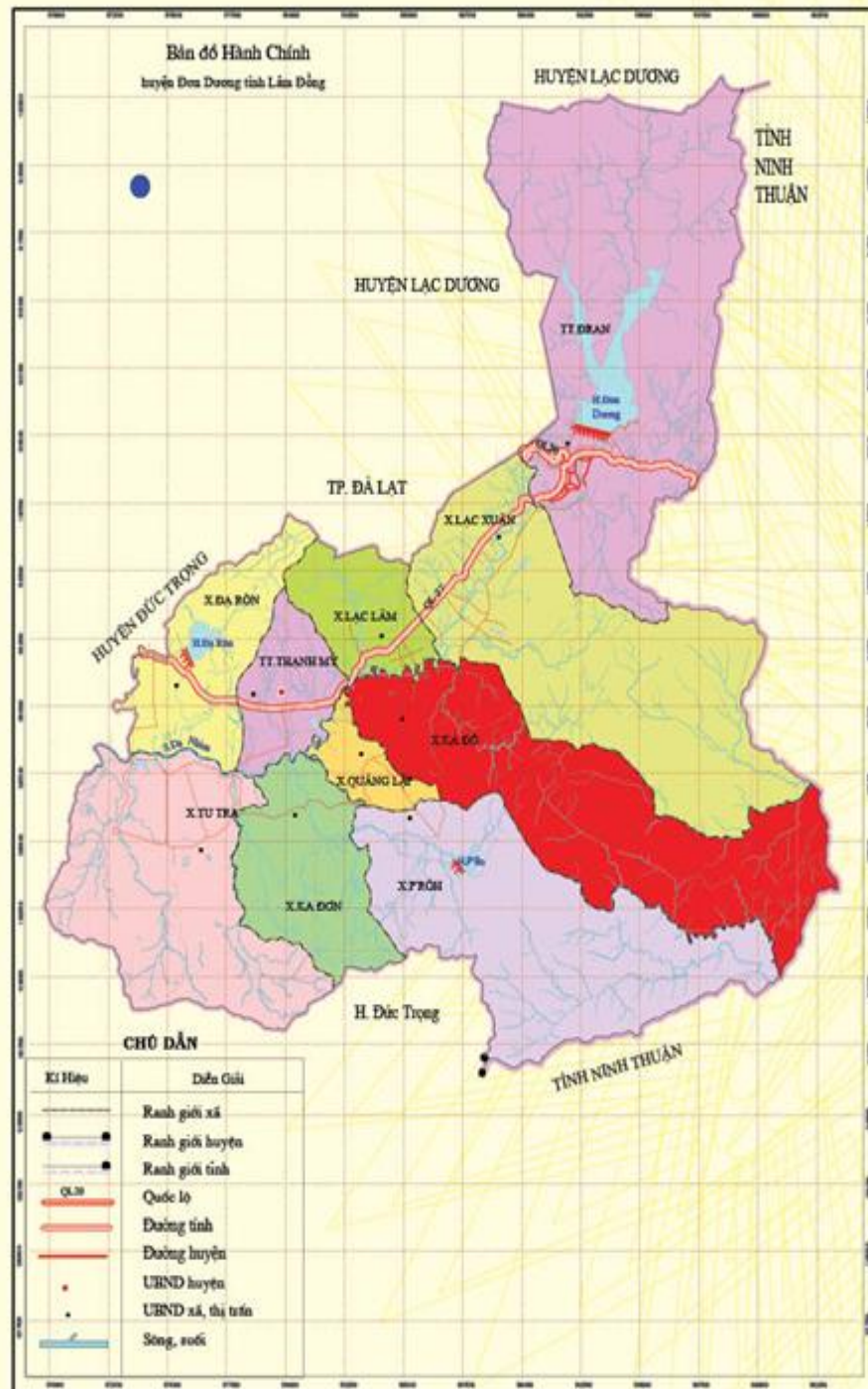


TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN THỊ TRẤN D'RAN (1930 - 2010)



BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN D'RAN
Tháng 4 năm 2016

Bản đồ ranh giới hành chính Thị trấn D'ran



LỜI NÓI ĐẦU

Từ một vùng đất hoang sơ ở Nam Tây Nguyên, nhờ có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị, quốc phòng nên từ đầu thập niên thế kỷ XX thực dân Pháp đã chọn D'ran (Dran) làm nơi đầu tư và khai thác tài nguyên giàu có của vùng đất này.

Hơn 70 năm hình thành và phát triển, một thời gian ngắn so với chiều dài lịch sử của dân tộc, xã Lạc Nghiệp (thị trấn D'ran) đã ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử quan trọng, là một trong những địa bàn mà ở đây giai cấp công nhân sớm được hình thành vào những năm của thập niên 20, 30 thế kỷ XX; nơi có những cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ thời kỳ 1936 - 1939, nơi nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân bị bắt bớ, giam cầm, khủng bố và bị thủ tiêu; là một trong những địa phương sớm khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; những cơ sở hoạt động cách mạng ở ấp Phú Thuận, Lâm Tuyên, Hòa Bình, Càn Rang, Lạc Xuân, Lạc Bình đã tiếp tế, che giấu cán bộ và đã động viên con em thoát ly, lên đường nhập ngũ tham gia chống thực dân, đế quốc. Lạc Nghiệp (thị trấn D'ran) đã có nhiều đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ sau ngày giải phóng đến nay, xã Lạc Nghiệp đã có nhiều chuyển biến trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thực hiện xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, hệ thống chính trị được củng cố, xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh. Tháng 11 năm 1989, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) có quyết định đổi tên xã Lạc Nghiệp thành thị trấn D'ran để tương xứng với vị trí, tiềm năng của một đô thị đang phát triển.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 03/6/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về tăng cường công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống cách mạng” và Kế hoạch số 82-KH/HU ngày 13/5/2013 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đơn Dương “Về tổ chức triển khai thực hiện công tác nghiên cứu, biên soạn truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các xã, thị trấn thuộc huyện Đơn Dương, giai đoạn 1930 - 2010”, Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn tổ chức nghiên cứu, biên soạn cuốn sách truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn D'ran giai đoạn 1930 - 2010. Trong cuốn sách này đã phản ánh, khắc họa một số nét chính hoạt động của Đảng bộ và nhân dân thị trấn trong kháng chiến chống thực dân Pháp

và đế quốc Mỹ xâm lược (1930 - 1975), giải phóng quê hương D'ran, Đơn Dương; cũng như quá trình xây dựng và phát triển từ năm 1975 đến 2010.

Sau gần 2 năm tiến hành sưu tầm, khai thác tư liệu và biên soạn, được sự giúp đỡ của Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy Đơn Dương, các đồng chí lãnh đạo, các đồng chí lão thành cách mạng, các cán bộ đã từng tham gia hoạt động qua các thời kỳ tại thị trấn, Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn hoàn thành cuốn “Truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn D'ran (1930 - 2010)”.

Mặc dù Ban biên soạn đã có nhiều cố gắng nhưng cũng không tránh khỏi thiếu sót, một phần do thời gian trải dài hơn nửa thế kỷ, tư liệu bị hư hỏng, thất lạc, nhân chứng lịch sử không còn nhiều. Ban chỉ đạo biên soạn kính mong nhận được sự tham gia góp ý, sửa chữa, bổ sung của các đồng chí và bà con nhân dân trong và ngoài thị trấn để cuốn sách được hoàn thiện hơn khi có điều kiện tái bản sau này.

Nhân dịp xuất bản cuốn sách, Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn D'ran xin chân thành cảm ơn Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Chỉ đạo, Ban Biên tập, các ban ngành, đoàn thể của huyện, các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí, những nhân chứng lịch sử và các đồng chí lãnh đạo của thị trấn qua các thời kỳ đã giúp đỡ để chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

T.M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN D'RAN
BÍ THƯ

Lê Hữu Chức

PHẦN MỞ ĐẦU

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VỀ TỰ NHIÊN VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRẤN D'ARAN

I. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Thị trấn D'ran là thị trấn cửa ngõ của huyện Đơn Dương cũng như của tỉnh Lâm Đồng giáp với các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Ranh giới hành chính được xác định: Phía Bắc giáp huyện Lạc Dương; phía Nam giáp xã Lạc Xuân; phía Đông giáp huyện Ninh Sơn (tỉnh Ninh Thuận); phía Tây giáp thành phố Đà Lạt.

Diện tích tự nhiên là 13.544,37 ha; mật độ dân số 107 người/km². Thị trấn D'ran nằm trên tuyến quốc lộ 27 và quốc lộ 20 đi các huyện, thành phố Đà Lạt và các tỉnh miền Trung; điểm đầu của đường huyện 412 nằm dưới chân chùa Giác Nguyên (Chùa Bà Xám) đi vào các xã phía Nam sông Đa Nhim.

Thị trấn D'ran ở thượng nguồn sông Đa Nhim, có 2 nhánh sông Đa Nhim và sông Krong Klet chảy vào hồ Đơn Dương. Đây là hồ chứa nước của công trình thủy điện Đa Nhim (nhà máy thủy điện nằm trên địa bàn huyện Ninh Sơn).

Địa hình ở D'ran chủ yếu là đồi núi cao, dốc, mức độ chia cắt lớn; khả năng khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn. Địa hình thấp dần từ Đông sang Tây và từ Bắc xuống Nam. Khoảng 90% diện tích của thị trấn là hồ nước và đồi núi, trong đó diện tích mặt hồ Đơn Dương chiếm 3,7 km² đây là đặc điểm khác biệt của D'ran với các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Những vùng đang sản xuất và có khả năng về nông nghiệp được phân bố chủ yếu dọc theo quốc lộ 27 và sông Đa Nhim, ven đường huyện, đường trục thị trấn. Thị trấn nằm trên vùng có độ cao từ 1.015m đến 1.631m so với mực nước biển.

Địa hình núi cao: phân bố ở phía Nam và phía Tây của thị trấn chiếm khoảng 46,49% diện tích tự nhiên, có độ cao 1200 - 1377m so với **mực** nước biển, độ dốc từ 20 - 25%, phân bố trên nền đất xám và đất đỏ vàng trên đất granit.

Địa hình đồi thoải: phân bố rải rác, chiếm khoảng 18,7% diện tích tự nhiên, độ dốc từ 8 - 20°, nằm tiếp giáp chân núi cao, thuận lợi cho phát triển các loại cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, chủ yếu được hình thành từ sản phẩm phun trào Bazan và phong hoá của đá granit - dacit.

Địa hình lòng chảo: chiếm 34,81% diện tích tự nhiên, độ dốc từ 3- 8°, phân bố chủ yếu ở ven sông Đa Nhim, các con suối nhỏ và thung lũng giữa các quả đồi, núi, với độ cao trung bình 900m so với mực nước biển. Do ảnh hưởng của địa hình nên nguồn gốc thổ nhưỡng chủ yếu được hình thành từ các sản phẩm dốc tụ, đất phù sa ven sông, suối rất thích hợp cho việc trồng rau, hoa, cây ăn trái, cây công nghiệp ngắn ngày.

Nhiệt độ trung bình năm là $21,1^{\circ}\text{C}$; cao nhất là $30,2^{\circ}\text{C}$; thấp nhất là $14,1^{\circ}\text{C}$ thích nghi nhiều loại cây trồng từ ôn đới, á nhiệt đới và nhiệt đới nhưng yếu tố hạn chế lớn nhất về khí hậu là lượng mưa hàng năm không cao, vào khoảng 1.600mm và cường độ tập trung chủ yếu trong 6 tháng mùa mưa.

Các nguồn tài nguyên

Đất đai ở thị trấn được hình thành từ nhiều nguồn gốc khác nhau nên phân loại đất đa dạng, lại phân bố trên nhiều địa hình khác nhau nên khả năng khai thác cũng hết sức đa dạng và phong phú. Những vùng thuận lợi để phát triển nông nghiệp gần như đã khai thác hết.

Với hệ thống sông suối khá nhiều và phân bố đều. Vùng đầu đập sông có nguồn nước dồi dào quanh năm; ngoài nhiệm vụ cung cấp nước cho hồ thủy điện Đa Nhim còn là nguồn cung cấp nước chủ yếu để phục vụ tưới tiêu, cung cấp nước sinh hoạt.

Rừng khu vực thị trấn D'ran với diện tích 10.254,92 ha có hệ thực vật và động vật rất đa dạng và phong phú, với độ che phủ 74,23%; trong đó rừng phòng hộ chiếm 97,64% (kiểm kê năm 2010). Công tác quản lý và bảo vệ rừng những năm qua được quan tâm nên tình trạng đốt rừng làm rẫy, khai thác lâm sản trái phép và cháy rừng giảm hẳn.

Thị trấn D'ran có nhiều cảnh quan đẹp như hồ Đơn Dương (Đa Nhim), thác Hòa Bình, thác Thiên Thai, đèo Ngoạn Mục... rất thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái.

Thị trấn D'ran có vị trí quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng không chỉ cho huyện Đơn Dương tỉnh Lâm Đồng mà cho một số tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.



Đập thủy điện Đa Nhim



Thác Thiên thai

II. Thực trạng về phát triển kinh tế - xã hội (thời điểm 2010)

1. Dân số - lao động

Thị trấn D'ran có 16 thôn và tổ dân phố, được chia thành hai vùng:

Đông Bắc sông Đa Nhim: Gồm các thôn Hamasing, thôn Kănkil và các Tổ dân phố Phú Thuận 1, Phú Thuận 2, Phú Thuận 3, Lâm Tuyên 1, Lâm Tuyên 2, Đường Mới, Hòa Bình.

Tây Nam sông Đa Nhim: **Gồm** các Tổ dân phố 1, Tổ dân phố 2, Tổ dân phố 3, Tổ dân phố Lạc Thiện 1, Tổ dân phố Lạc Thiện 2, Tổ dân phố Quảng Lạc và Tổ dân phố Lạc Quảng.

Thị trấn D'ran có dân số là 3.570 hộ với 15.721 người, chiếm 15,58% so với dân số toàn huyện, đồng bào dân tộc thiểu số gồm các dân tộc K'Ho, Cill, Hoa và các dân tộc khác với 1.774 người, chiếm 11% dân số toàn thị trấn. Dân số phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở trung tâm thị trấn và các trục đường chính.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 19 triệu đồng. Các hộ có thu nhập khá tập trung vào những hộ thương nghiệp, dịch vụ và một số hộ có ngành nghề phát triển. Đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn.

Về tôn giáo, có 04 tôn giáo chính Phật giáo, Cao Đài, Công giáo, Tin Lành. Tổng số tín đồ các tôn giáo khoảng 12.425 người, trong đó, Phật giáo: 8.686 người, Cao Đài: 1.251 người, Công giáo: 1.000 người, Tin Lành: 1.488 người. Cơ sở thờ tự gồm 08 chùa, 03 Thánh thất Cao Đài, 02 Hội thánh Tin Lành và một nhà thờ.

2. Về phát triển các ngành kinh tế

Thị trấn đã thực hiện từng bước chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vật nuôi, cơ bản đã chuyển đổi nhiều diện tích lúa sang trồng một số loại cây có giá trị kinh tế cao như cây rau thương phẩm, hoa và tiếp tục phát huy thế mạnh của cây hồng, cây dừa, thực hiện đa dạng hóa cây trồng. Một số hộ nông dân đầu tư xây dựng nhà kính, nhà lưới, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng.

Chăn nuôi chủ yếu là gia súc, gia cầm, một số hộ chăn nuôi bò sữa nhưng với quy mô nhỏ, lẻ, chưa thực sự mang tính sản xuất hàng hoá.

Các mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn khá đa dạng. Ngoài các cơ sở sản xuất công nghiệp tập trung như xí nghiệp gạch ngói (đã giải thể), lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp chủ yếu hoạt động dưới hình thức hộ gia đình, cá nhân như chế biến nông sản, xì dầu, tương, chao, cơ khí, may mặc, gỗ gia dụng.

Các hoạt động kinh doanh - dịch vụ trên địa bàn cơ bản đáp ứng được nhu cầu về sản xuất và sinh hoạt của người dân.

3. Về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

Đoạn quốc lộ 27 (trước là quốc lộ 21B) qua thị trấn dài 9km và quốc lộ 20 (trước là quốc lộ 11) nối thị trấn D'ran với thành phố Đà Lạt được đầu tư cải tạo nâng cấp.

Đoạn đường huyện 412 đoạn chạy qua thị trấn có chiều dài 4km; đường đô thị có 29 tuyến, tổng chiều dài 15,06km, hầu hết là đường cấp phối sỏi đồi.

D'ran có tuyến đường sắt Phan Rang, Tháp Chàm - Đà Lạt đi qua. Tuyến đường sắt này được xây dựng từ những năm 30 thế kỷ XX, là đường sắt răng cưa duy nhất tại Việt Nam, sau giải phóng đã bị dỡ bỏ.



Đường ray xe lửa răng cưa Đà Lạt - Tháp Chàm

Trên địa bàn thị trấn có 3 công trình **thủy** lợi cung cấp nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt một số khu vực dân cư.

Lưới điện hạ thế đã đến 100% các thôn, tổ dân phố trên địa bàn. Tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn thường xuyên đạt trên 99%.

Hệ thống nước máy của thị trấn cung cấp nước sinh hoạt cho một phần khu dân cư.

4. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Hệ thống giáo dục đào tạo không ngừng phát triển về quy mô, số lượng, chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân. Trên địa bàn thị trấn có 02 trường trung học phổ thông, 01 trường trung học cơ sở, 03 trường tiểu học, 02 trường mầm non.

Ngành tiếp tục duy trì phổ cập giáo dục **tiểu** học và phổ cập trung học cơ sở, huy động 100% trẻ 5 tuổi đến trường mầm non. Cơ sở vật chất trường lớp được đầu tư xây dựng khang trang hơn. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm, hiện nay toàn thị trấn đã có 4/6 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I; đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn, chất lượng được nâng lên. Thị trấn phát triển giáo dục ở cả vùng đông bào dân tộc thiểu số, việc huy động học sinh đến lớp và duy trì sỹ số đạt kết quả tốt.

Về y tế: Trên địa bàn có phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế thị trấn được trang bị các trang thiết bị y tế thiết yếu, bố trí đầy đủ các chức danh chuyên môn, đội ngũ y, bác sĩ tận tình phục vụ. Vì vậy, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh cơ bản được triển khai, thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia theo kế hoạch đề ra, không để các loại dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,02%/năm; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 12% (năm 2010).

Về các công trình văn hóa - thể thao trên địa bàn có Bia tưởng niệm (487m²); trạm truyền thanh thường xuyên phát sóng kịp thời phổ biến những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến người dân; bưu điện thị trấn, bưu điện văn hóa Phú Thuận (24m²) đáp ứng được nhu cầu thông tin liên lạc cho người dân.

Phong trào văn hóa, thể dục thể thao phát triển khá mạnh đáp ứng được trí lực và thể lực trong các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là thanh, thiếu niên trong các trường học, nhất là vào dịp kỷ niệm, chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, dân tộc.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng gia đình văn hóa ở thôn, tổ dân phố có chuyển biến tốt. Hàng năm có trên 85% gia đình đạt gia đình văn hóa, trên 75% thôn, tổ dân phố được công nhận thôn, tổ dân phố văn hóa.

III. Thị trấn D'ran trong quá trình hình thành và phát triển

Ngày 21 tháng 6 năm 1893, Bác sĩ Alexandre Yersin¹ đặt chân lên cao nguyên Lang Biang kết thúc chuyến thám hiểm thành công, mở đầu cho ý đồ khai thác tài nguyên giàu có của vùng đất này, biến vùng cao nguyên mát mẻ thành nơi nghỉ dưỡng và hậu cứ an toàn của thực dân Pháp ở Đông Dương sau này.

Sau thời gian nghỉ lại Đà Lạt, trên đường về đi theo ngã Phan Rang, ông men theo thung lũng sông Đa Nhim, đi ngang qua Diom A (thuộc Lạc Xuân). Tháng 3 năm 1899, ông lại tháp tùng Toàn quyền Paul Doumer cưỡi ngựa từ Phan Rang lên Đà Lạt, Đăng Kia. Đoàn đi rất sớm và đến Càn Rang (D'ran) vào ngày 26 tháng 3 năm 1899. Làng Càn Rang nằm ở hữu ngạn sông Đa Nhim, trên độ cao trung bình 1000m, tại ngã ba đường D'ran - Đà Lạt, D'ran - Phi Nôm, D'ran - Phan Rang. Từ xa xưa, người Churu sinh sống trong lưu vực sông Đa Nhim (sau tộc người này đã chuyển vào Ka Đô). Thời kỳ này D'ran chỉ là một buôn người dân tộc thiểu số sinh sống, dân cư luôn bị bệnh sốt rét hoành hành.

Năm 1899, Bác sĩ Etienne Tardif tháp tùng Guynet nghiên cứu xây dựng con đường từ Nại (thôn Dư Khánh, huyện Khánh Hải, tỉnh Ninh Thuận) lên cao nguyên Lang Biang. Trong tác phẩm *“La Mission du Lang - Bian (1899 - 1900)”* xuất bản năm 1902, ông đã viết về các trạm ở dọc đường từ Phan Rang lên Đăng Kia như sau:

“Trạm Dran nằm trong thung lũng sông Đồng Nai trên độ cao 1000m. Trạm Dran nằm giữa một cánh đồng cỏ và đất vừa mới khai hoang. Xa xa là làng của người Thượng với những cánh đồng lúa rộng lớn.

...Ngày 15 tháng 2 năm 1900, một con đường thực sự, dễ lưu thông, rất tiện dụng, nối Xóm Gòn (Somgon)² với Dran.

Vượt sông Đồng Nai khá dễ dàng nhờ một dây cáp bằng sắt có ròng rọc và một chiếc phà do hai thuyền độc mộc kết lại với những tấm ván gỗ....

Dran còn là căn cứ cung cấp nhu cầu yếu phẩm cho các trạm: Trạm Hành (Arbre Broyé), Cầu Đất (Entrerays)”.

¹ Alexandre Yersin sinh ngày 22/9/1863 tại Thụy Sĩ. Năm 25 tuổi, ông nhập quốc tịch Pháp và đỗ bác sĩ y khoa. Tháng 9/1890, ông theo một tàu biển đến Viễn Đông, với tư cách bác sĩ thực hành. Ngày 29/7/1891, ông đặt chân đến Nha Trang, ông là người có công phát hiện cao nguyên Lang Biang... Ông mất vào ngày 1/3/1943. Năm 1990, Cụm di tích thư viện Alexandre Yersin (ở viện Pasteur Nha Trang), chùa Linh Sơn (trước đây là nhà làm việc của Alexandre Yersin ở Suối Dầu) và khu mộ Alexandre Yersin được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia. Cụm di tích này không chỉ là di sản quốc gia của Việt Nam mà còn là di sản của nhân loại. Năm 2013, Nhà nước Việt Nam đã truy tặng Alexandre Yersin danh hiệu “Công dân Việt Nam danh dự”.

² Xóm Gòn là địa danh cũ nay thuộc xã Lâm Sơn - huyện Ninh Sơn - tỉnh Ninh Thuận.



Thuyền độc mộc vượt sông Đa Nhím

Trong thập kỷ đầu tiên thế kỷ XX, nhiều người Pháp, Châu Âu đã thám hiểm, làm việc và nghỉ mát trên cao nguyên Lang Biang. Năm 1904, bà Gabrielle M. Vassal lên cao nguyên Lang Biang để thay đổi không khí. Bà đã viết tác phẩm “*On and off duty in Annam*” xuất bản tại London năm 1910, sau đây là đoạn viết về D’ran:

... “Sau khi vượt qua sông Đa Nhím, phụ lưu chính của sông Đồng Nai, chúng tôi đến Dran ở lưng chừng đồi. Hai người Âu ở Sở công chánh sống ở đây... Cuộc sống ở đây thật khác xa với cuộc sống trước đây. Mọi người phải mang bánh mì đến và biết cách nướng trên nôi đất. Thức ăn chủ yếu là thịt rừng...

Chúng tôi nhìn lần cuối thung lũng sông Đa Nhím, sương mù dày đặc khi chúng tôi khởi hành nhưng tan dần theo ánh mặt trời, chúng tôi có thể nhìn rõ thung lũng xinh đẹp, dòng sông rộng chảy giữa những bãi cỏ xanh bằng phẳng với rừng thông trên sườn đồi bên kia sông”.

Năm 1908, P. Duclaux đi ngựa từ Hà Nội vào Sài Gòn. Từ Vinh đến Sài Gòn ông đi mất 42 ngày. Trên đường đi, ông rẽ từ Phan Rang lên Đà Lạt. Ông viết về D’ran:

“Cuối cùng, đoàn người đến hồ cao nguyên, con đường dẫn xuống một dòng sông vài nơi rộng đến hàng trăm mét đổ xuống thành thác nước, chảy xa dần về hướng Tây và Sài Gòn, quanh co trong thung lũng không sâu trên cao nguyên. Dưới thung lũng nhỏ là Dran, nơi nhân viên công chánh dựng trại”

Không rõ chính xác làng Càn Rang được thành lập từ năm nào, có lẽ vào một trong những năm 10 của thế kỷ XX. Đình Càn Rang còn lưu giữ văn bản sắc tứ dưới triều vua Duy Tân¹.

Từ năm 1901 đến năm 1902, vùng đất làng Càn Rang thuộc huyện Tân Khai, tỉnh Ninh Thuận. Sau đó, làng Càn Rang thuộc quận D’ran - Fyan (Phi

¹ Ở D’ran, ngoài đình Càn Rang được công nhận di sản văn hóa cấp Tỉnh, còn có đình Phú Thuận được vua Khải Định ban sắc tứ vào năm 1917.

Vàng) thường gọi D'ran. Quận này rất rộng, gồm các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Lạc Dương, Đam Rông ngày nay và phần đất phía Nam núi Chứa Yang Sin thuộc tỉnh Đắk Lắk.

Làng Càn Rang là một trong 274 làng của tỉnh Đồng Nai Thượng. Nhờ nằm trên tuyến đường Đà Lạt - Phan Rang, giữa hai đèo D'ran và Ngoạn Mục (Bellevue), có vị trí thuận lợi cho giao thông nên trung tâm quận D'ran - Fyan (Phi Vàng) đặt ở làng Càn Rang. Các sự kiện chính trị quan trọng cũng diễn ra nơi đây.

Ngày 19 tháng 5 năm 1958, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Tuyên Đức gồm đô thị Đà Lạt và 3 quận: Đơn Dương, Lạc Dương, Đức Trọng; ấp Càn Rang thuộc xã Đại An, quận Đơn Dương.

Đại An là phiên âm của D'ran, về sau đổi thành xã Lạc Nghiệp. Xã Lạc Nghiệp thuộc tổng Xuân Lạc, có 10 ấp: Càn rang, Quảng Lạc, Lạc Quảng, Đường Mới, Hòa Bình, Lâm Tuyên, Phú Thuận, Lạc Thiện, Lạc Xuân và Lạc Bình.

Ấp Hamasing, Kănkil lúc bấy giờ thuộc xã Linh Gia, tổng Linh Nhân.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, do yêu cầu chỉ đạo, Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên đã quyết định chia quận D'ran - Fyan thành 2 khu vực gọi là huyện Chiến Đấu và huyện Chiến Thắng. Làng Càn Rang của quận D'ran thuộc huyện Chiến Thắng.

Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, sau nhiều lần thiết lập lại hệ thống hành chính, xã Lạc Nghiệp gồm 3 khóm, 9 thôn; Càn Rang chia thành 3 khóm: I, II và III; thôn Lạc Quảng, thôn Lạc Thiện, thôn Quảng Lạc, thôn Đường Mới, thôn Hòa Bình, thôn Lâm Tuyên, thôn Phú Thuận, thôn Hamasing (trước thuộc xã Linh Nhân) và thôn Kănkil (trước thuộc xã Killplagnol Thượng). Tháng 4 năm 1977, tách Lạc Xuân, thôn Lạc Bình, thôn Châu Sơn cùng với thôn Đồng Thạnh, thôn Labouye, thôn Diom A, thôn Diom B, thôn B'kan thành lập xã Lạc Xuân; huyện lỵ Đơn Dương chuyển từ ấp Càn Rang cũ về Thạnh Mỹ, tạo thuận lợi cho sự chỉ đạo và phát triển.

Là khu vực có vị trí thuận lợi cho giao thông, là cửa ngõ của tỉnh Lâm Viên nằm trên tuyến đường Phan Rang - Đà Lạt; tuyến quốc lộ 20 về Sài Gòn, chịu ảnh hưởng trực tiếp nhiều mặt chính trị xã hội của Đà Lạt nên khi đặt ách thống trị, thực dân Pháp đã có dự án xây dựng nhằm biến quận lỵ D'ran và vùng phụ cận Đà Lạt thành nơi giao lưu kinh tế, văn hóa phục vụ cho chủ nghĩa thực dân. Lợi dụng chính sách đó, một số nhà tư sản Pháp và người Việt tranh thủ thời cơ mở mang đồn điền, nhà máy, khai thác tài nguyên giàu có, bóc lột nhân công rẻ mạt của vùng cao nguyên. Từ năm 1920 đến năm 1945, toàn bộ ruộng đất màu mỡ và cơ sở kinh tế ở D'ran đều là tài sản của các nhà tư sản Pháp - Việt.

Bằng các thủ đoạn như bỏ vốn đầu tư, sử dụng máy móc khai phá đất đai, thực dân Pháp đã chiếm hàng ngàn ha đất để lập đồn điền, nhà máy ở D'ran. Năm 1962, sở canh-ki-na được thành lập ở Lạc Xuân với diện tích 1500ha. Tại

quận lỵ D'ran, công ty Aviat của một tư sản Pháp thầu làm tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt đã chiếm đất, xây dựng nhà máy cưa xẻ gỗ Aviat, lập vườn cam, sau này là chi khu quân sự D'ran; các chủ người Pháp Vermouth, Kirtz, Ogeri lập trang trại ở Hòa Bình, Lạc Thiện, Lạc Quảng, Phú Thuận ngày nay. Đi đôi với công cuộc khai thác kinh tế, thiết lập bộ máy cai trị, thuận tiện cho các hoạt động đàn áp quân sự, thực dân Pháp đã mở mang đường sá, xây dựng đồn bót từ năm 1920 đến 1935, quốc lộ 11, 21B, đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt qua địa phận D'ran được xây dựng.

Từ lâu đời, đồng bào các dân tộc ít người với phong tục tập quán, sống du canh, du cư, kinh tế tự cung tự cấp đã canh tác cây lương thực, trồng lúa nước tạo ra sản phẩm chính phục vụ đời sống. Ngoài cơ sở kinh tế của các nhà tư sản Pháp - Việt, nền kinh tế của D'ran chủ yếu là nông nghiệp¹

Người Kinh sinh sống ngày càng đông. Thời kỳ khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, chúng điều lao động từ các tỉnh miền Trung vào làm đường, khai thác đồn điền. Đây là những tầng lớp bần cùng bị bóc lột nặng nề. Khi đồn điền, đường giao thông xây dựng xong, họ ở lại khai khẩn đất đai, lập làng sinh sống, trồng rau và các loại cây lương thực,... Từ đó đã hình thành một số địa danh như làng Lạc Xuân, Phú Thuận, Lâm Tuyên, Hòa Bình,... Thời kỳ Mỹ - Diệm, do chế độ hà khắc diệt cộng, tổ cộng của Luật 10/59, phần lớn những người kháng chiến cũ bỏ làng quê vào đây ẩn lánh sinh sống. Một bộ phận khác vào xây dựng đập đa nhim - đó là những nhân tố tích cực cho cách mạng bám rễ đồng thời cũng thể hiện tính phức tạp trong một bộ phận dân cư đã bị địch dụ dỗ, mê hoặc.

Đến năm 1945, dân số quận D'ran có khoảng 20.000 người, tập trung đông nhất ở làng Càn Rang. Thực dân Pháp thực hiện chính sách đô hộ thuộc địa, chiếm đất đai phi nhiêu làm đồn điền, trang trại. Một bộ phận người dân tộc thiểu số phải bỏ nương rẫy, bán sức lao động cho chủ đồn điền, tư sản Pháp.

Lợi dụng yếu tố lạc hậu, mê tín dị đoan, thực dân Pháp tìm cách thực hiện âm mưu chia để trị và đẩy đồng bào ta vào cuộc sống đói khổ. Chính sách sưu thuế nặng nề, chính sách lừa mị đầu độc về tinh thần đã đục chạm ảnh hưởng lớn đến bản chất chân thực, truyền thống bất khuất của đồng bào dân tộc ít người, từ đó đã nhen lên ngọn lửa căm thù trong các buôn làng. Vì vậy, cuộc

¹ Cơ cấu cây trồng nông nghiệp D'ran chủ yếu là rau, hoa. Trung úy Barber là người Pháp đầu tiên trồng rau ở D'ran từ cuối thế kỷ XIX. Bác sĩ Etienne Tardif cho biết rõ về vườn rau: *"Trung úy Barber, trồng một vườn rau chứng tỏ độ phi nhiêu kỳ diệu của vùng đất hoang này. Cà chua và bắp cải rất to tuy trồng trong một thời gian ngắn"* về sau, nghề trồng rau ở Dran ngày càng phát triển. Trong bài *Le chemin de fer du Langbian* (Đường sắt Langbian) đăng trong tạp chí *L'Asie Nouvelle Illustrée* xuất bản năm 1937 tại Sài Gòn, F. Lefevre cho biết:

"Chính vùng Langbiang và nhất là thung lũng sông Đa Nhim phải trở thành một trung tâm trồng rau cải cung cấp rau cho phía Nam Đông Dương, trước hết là Sài Gòn và chợ Lớn, sau đó là các thành phố khác... Những cánh đồng trong thung lũng sông Đa Nhim, giữa Ngọn Mực và Dran, giữa Lapá và Phi Nôm khá phi nhiêu, dễ tưới nước và gia súc sẽ cung cấp phân chuồng cần thiết, không có vùng nào ở phía Nam có thể cạnh tranh nổi,..."

... Trong 5 năm, Langbiang sản xuất rau cải hàng năm tăng từ 300 tấn lên 1.200 tấn, hoa từ 70 tấn lên 90 tấn. Hầu hết số lượng này (chính xác hơn là 96 - 97%) được sản xuất từ Ngọn Mực, Dran và chuyên chở đến Sài Gòn".

đấu tranh chống Pháp, bất hợp tác với bọn thực dân đã nung nấu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Về văn hóa xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân. Trước năm 1945, có trên 95% người dân bị mù chữ, toàn quận có 2 trường sơ học yếu lược, học sinh là con em những gia đình khá giả, giàu có. Năm 1947, chính quyền thực dân mới mở trường tiểu học D'ran (Ecole de Dran)¹. Cuộc sống của người lao động ở Càn Rang - D'ran dưới thời Pháp thuộc rất khổ cực vì phải lao động nặng nhọc. Những khi bị sốt rét, bệnh tật chỉ có một cơ sở chữa bệnh với vài y tá. Thuốc men thiếu, người dân không có điều kiện đến bệnh viện, khi ốm đau phải chữa bằng lá cây rừng hoặc tìm đến thầy mo, thầy cúng.

Về tôn giáo, tại D'ran, đạo Phật, hệ phái Cao đài xuất hiện rất sớm, nhà thờ Công giáo được xây dựng vào năm 1946. Đồng bào dân tộc ít người từ lâu đời đã giao lưu và chịu ảnh hưởng văn hóa, tôn giáo người Chăm. Khi đặt chân lên D'ran, nhiều linh mục người Pháp đã mở nhà thờ, truyền đạo Công giáo. Sau năm 1954, đạo Tin Lành đã xuất hiện và đi vào hoạt động, xây dựng nhà thờ tại D'ran và ở hai thôn đồng bào dân tộc thiểu số.

Về giai cấp, Càn Rang là trung tâm quận lỵ, xã hội bị phân hóa khá rõ. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân (tuy số lượng còn hạn chế nhưng đã từng bước hình thành) và những người lao động ở đây với bọn thực dân, tư sản Pháp ngày càng trở nên gay gắt.

Dưới chế độ hà khắc của thực dân đế quốc, dù bị bóc lột nặng nề về kinh tế cùng với sự nô dịch đời sống văn hóa tối tăm, kích động chia rẽ gây thù hằn dân tộc của kẻ thù, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động ở Càn Rang vẫn vượt qua khó khăn, thử thách, đồng bào các dân tộc trong thị trấn đã tỏ rõ tinh thần đoàn kết một lòng, đấu tranh chống kẻ thù chung là bọn thực dân, đế quốc phong kiến. Cuộc đấu tranh đó vô cùng gian khổ, lâu dài và chỉ được giải quyết bằng cuộc cách mạng vô sản do Đảng lãnh đạo.

¹ Ecole de Dran có ba lớp: lớp 1, lớp 2, lớp 3. Theo thời gian, ngôi trường tuần tự được mang các tên: Ecole de Dran, Ecole Primaire de Dran, Ecole Primaire de Dran, trường tiểu học cụ thể Dran, trường tiểu học Đơn Dương, trường tiểu học cộng đồng Đơn Dương.

Thoạt đầu, trường chưa có hiệu trưởng - Hiệu trưởng kiêm nhiệm là thầy Đào Hữu Hanh làm việc tại quận hành chính. Qua niên khóa sau mới có Hiệu trưởng là thầy Ngô Văn Sòng.

... Học sinh của Ecole de Dran tham dự kỳ thi Primaire đầu tiên vào năm 1951, đậu 100% (7/7 học sinh).

Mãi đến năm học 1960 - 1961, trường trung học Đơn Dương mới được thành lập, tuyển sinh một lớp Đệ thất (lớp 6) với 50 học sinh... Qua năm học thứ ba 1962 - 1963, thêm lớp Đệ ngũ (lớp 8) mới có ngôi trường đang hoàng được xây dựng trên đồi cao... Vị Hiệu trưởng chính thức và đầu tiên của trường trung học Đơn Dương là thầy Lê Thanh Phúc. Sau một thời gian, thầy Phúc chuyển về Đà Lạt thì Hiệu trưởng kế tiếp là Thầy Phùng Quyền (Trích Lamnguyen Lam - D'ran xưa).

PHẦN THỨ NHẤT

QUÂN DÂN D'ARAN ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC, THAM GIA NỔI DẬY GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930 - 1954)

CHƯƠNG I

ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC VÀ NỔI DẬY GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1930 - 1945)

I. Những cuộc đấu tranh chống áp bức từ năm 1930 đến năm 1945

Đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp đẩy mạnh tốc độ khai thác kinh tế ở Việt Nam. Tại quận D'ran thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng, chính quyền thực dân khởi công xây dựng các nhà máy, đồn điền, đường giao thông. Giới chủ tư sản thực dân tuyển mộ công nhân từ các nơi, đông nhất là các tỉnh miền Trung, áp dụng các biện pháp bóc lột tham lam và tàn bạo. Người công nhân lao động sống kham khổ, làm việc cực nhọc cùng với khí hậu khắc nghiệt vùng rừng thiêng nước độc, nhiều người bị bệnh tật, bị chết, cuộc sống vô cùng khắc khổ. Đi đôi với việc bóc lột về kinh tế và chính sách xâu thuế nặng nề, chính quyền thực dân cho xây dựng đồn bót, thiết lập một hệ thống gồm mật thám khép chặt để đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Người Pháp đứng đầu bộ máy cai trị và làm chủ các cơ sở kinh tế ở quận D'ran. Chúng thực hiện thủ đoạn chia để trị, truyền bá thần quyền giáo lý hòng làm mê muội và thủ tiêu tinh thần đấu tranh của nhân dân.

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đây là một sự kiện quan trọng nhằm xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, đưa phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và những người lao động bị áp bức tiến lên trên con đường giải phóng dân tộc.

Tại Đà Lạt (Lâm Viên), tháng 4/1930, chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Đà Lạt thành lập, với 03 đảng viên, đồng chí Trần Diệm được cử làm Bí thư, đã tác động đến phong trào cách mạng ở D'ran.

Hưởng ứng chủ trương của chi bộ Đảng, tối 30/4/1930, cờ đỏ búa liềm được treo ở chợ, ga Cầu Đất; truyền đơn xuất hiện tại Cầu Đất, làng Càn Rang mang nội dung đánh đổ đế quốc, phong kiến, đòi hủy bỏ thuế chợ, thuế thân... Những nội dung đó đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, gây được lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Trong thời kỳ từ năm 1930 đến trước năm 1945, với sự thành lập các tổ chức Đảng, các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động ở D'ran liên tục nổ ra, nhưng kết quả thắng lợi còn hạn chế. Qua đấu tranh, giai cấp công nhân và nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động đã thể hiện tinh thần bất khuất, lòng yêu nước nồng nàn, đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc chống kẻ thù

chung. Truyền thống đó là cơ sở cho cuộc vận động cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân.

II. Quá trình tổ chức lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa ở quận D'ran

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945) đã ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình Việt Nam. Giữa năm 1940, nhân cơ hội nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng, Nhật nhảy vào xâm lược Đông Dương.

Tại Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, Nhật tìm cách lôi kéo những người trong tổ chức “cách mạng”, người vào đoàn thanh niên “Tiền Tuyến” thực hiện ý đồ xâm lược.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập “Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh” nhằm tập hợp lực lượng rộng rãi đánh Pháp, đuổi Nhật. Phong trào Việt Minh đã nhanh chóng phát triển rộng khắp trong nước.

Cuối năm 1940, tổ chức Đảng cấp trên bố trí đồng chí Bùi Tấn Tu, đảng viên vào làm công nhân sở Trà Cầu Đất và một đảng viên khác vào làm công nhân xưởng cưa Aviat (Cần Rang). Với danh nghĩa là một mục sư đạo Tin Lành, đồng chí Trịnh Lý có điều kiện đi lại trên các địa bàn để tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho các tầng lớp nhân dân, trong đó có cả trí thức, lý hào ở địa phương. Đầu năm 1944, đồng chí Trịnh Lý đã bắt liên lạc với đồng chí Lê Trực, Trần Diêu, những đảng viên đang làm công nhân ở ga xe lửa Trạm Hành thành lập chi bộ Cầu Đất, lấy nhà ga Trạm Hành làm chỗ sinh hoạt. Đồng chí Trịnh Lý được cử làm Bí thư chi bộ. Trong năm 1944, thông qua các hình thức hoạt động từ thiện, thể dục thể thao, tổ chức nhóm cứu bần,... Chi bộ đã tập hợp, giác ngộ được một số công nhân, công chức, thanh niên làm nòng cốt xây dựng phong trào, từng bước giáo dục quần chúng đi theo cách mạng. Mặt khác, chi bộ vận động, tranh thủ những người làm việc trong bộ máy chính quyền và các sở, hãng thầu như hương lý, thầy thông (phiên dịch cho Pháp), thầy ký (thư ký), cai, xếp để họ có cảm tình với cách mạng. Từ thực tiễn phong trào, nhiều công nhân, thanh niên tiên tiến đi theo cách mạng, có người sau này trở thành cán bộ, được kết nạp vào Đảng.

Đầu năm 1945, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Đêm ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính lật đổ chính quyền Pháp. Sau khi lật đổ chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương, phát xít Nhật vừa ra sức vơ vét tài nguyên phục vụ chiến tranh, vừa tuyên truyền thuyết Đại Đông Á, lôi kéo thanh niên vào các tổ chức do chúng lập ra. Trước chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước có những thuận lợi, ngày 12/3/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, phát động phong trào chống Nhật, chuẩn bị tiến tới giành chính quyền khi có thời cơ. Phong trào cách mạng cả nước lên cao, tổ chức Việt Minh phát triển rộng rãi, tập hợp đông đảo quần chúng tham gia. Tại Cầu Đất, Cần Rang, chi bộ Đảng tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân không tin vào những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của Nhật, đồng thời lợi dụng các tổ chức của chính quyền tay sai thân Nhật

để tập hợp lực lượng, luyện tập quân sự, thành lập đội tự vệ và chuẩn bị điều kiện để khi có thời cơ đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Vào thời điểm này, tổ chức thanh niên Tiền Tuyến sau khi ra đời đã tập hợp đông đảo thanh niên tham gia bằng các hoạt động xã hội và luyện tập thể dục thể thao. Đoàn thanh niên Tiền Tuyến ở thị trấn quận lỵ D'ran do ông Lê Văn Uẩn, một trí thức yêu nước có xu hướng tiến bộ phụ trách.

Tháng 5/1945, Ủy ban Mặt trận Việt Minh Đà Lạt, Tỉnh bộ Việt Minh lâm thời tỉnh Lâm Viên được thành lập, đã bố trí một số đồng chí thanh niên tiên bộ giữ những cương vị chủ chốt trong đoàn thanh niên Tiền Tuyến. Tháng 6/1945, đồng chí Lê Quang Liệu được tỉnh bộ Việt Minh phân công về D'ran hoạt động với danh nghĩa huấn luyện viên thể dục, thể thao. Thông qua hoạt động của đoàn thanh niên Tiền Tuyến, ta từng bước tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách của Mặt trận Việt Minh, tập hợp lực lượng thanh niên, huấn luyện thể dục, thể thao kết hợp với huấn luyện quân sự, biến tổ chức đoàn thanh niên Tiền Tuyến trở thành đoàn thể cách mạng.

Cuối tháng 6/1945, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của 2 tổ chức Việt Minh ở Đà Lạt và Lâm Viên bị địch bắt cùng với các đồng chí đảng viên, cán bộ lãnh đạo Đảng ở Đà Lạt. Đồng chí Nguyễn Ngự được giao nhiệm vụ liên lạc với một số thanh niên do đồng chí Trịnh Lý giác ngộ đưa vào hoạt động cách mạng ở Cầu Đất, D'ran để tổ chức các đoàn thể, vận động binh lính, chuẩn bị lực lượng.

III. Khởi nghĩa giành chính quyền Cách mạng tháng 8 năm 1945

Sau khi phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và đồng minh, Hồng quân Liên Xô đã tuyên chiến và tiêu diệt hoàn toàn đội quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Trước tình hình đó, đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước. Ngày 15/8/1945 phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh vô điều kiện. Quân Nhật ở Đà Lạt và nhiều nơi khác thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng tinh thần hoang mang, bỏ dở các công trình đang xây dựng, co cụm vào một số vị trí chờ ngày về nước.

Tại Cầu Đất và quận lỵ D'ran, quân Pháp không còn, quân Nhật đang điều khiển một số nhân viên người Việt ở các công sở nhưng tâm trạng đang hoang mang, chán nản, sau đó cũng rút đi hết. Bộ máy ngụy quyền tại quận tê liệt, phân hóa, không còn khả năng chống đối. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ, nông cốt cách mạng của ta đã sẵn sàng khí thế, chờ lệnh là xông lên giành chính quyền.

Tối ngày 21/8/1945, đồng chí Trịnh Lý triệu tập cuộc họp chi bộ tại khu vực ga Trạm Hành bàn kế hoạch khởi nghĩa. Hội nghị được quán triệt phương châm hành động: có thời cơ là tổ chức quần chúng kịp thời khởi nghĩa, giành chính quyền một cách nhanh gọn, tránh đổ máu. Hội nghị phân công đồng chí Trịnh Lý phụ trách chung và cùng các đồng chí Trần Luân, Nguyễn Đình Túc lãnh đạo nhân dân Cầu Đất khởi nghĩa, các đồng chí Lê Trực, Trần Diêu, Nguyễn Ngự lãnh đạo khởi nghĩa ở Trạm Hành. Sau đó, cùng một số cốt cán,

đội tự vệ xuống phối hợp với lực lượng ở D'ran giành chính quyền, làm xong nơi này tiếp tục làm sang nơi khác. Kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở D'ran dự kiến ngày 22/8/1945.

Thực hiện theo đúng kế hoạch, sáng 22/8/1945, đồng chí Trịnh Lý, Trần Luân vận động nhân dân, công nhân đồn điền Cầu Đất khởi nghĩa giành chính quyền. Đích thân đồng chí Trịnh Lý vào đồn bảo an thuyết phục đồn trưởng nộp súng, giao đồn. Khoảng 10 giờ sáng, nhân dân tập trung ở sân vận động, đồng chí Trịnh Lý tuyên bố xóa bỏ chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng do đồng chí Trần Luân làm Chủ tịch, Nguyễn Đình Uyển (tức Túc) làm thư ký. Quần chúng vô cùng phấn khởi, chính quyền từ nay đã thực sự về tay nhân dân.

Sau khởi nghĩa thắng lợi ở Cầu Đất và Trạm Hành, chiều ngày 22/8/1945 đồng chí Trịnh Lý, Nguyễn Ngự cùng một số cốt cán và đội tự vệ xuống giành chính quyền ở D'ran. Đoàn trung dụng một xe hơi, bốn súng trường, có khoảng 25 người đi theo đường 11 và đường tắt xuống quận lỵ.

Tại D'ran, để chủ động thời cơ, một số công chức, thanh niên khẩn trương vận động khởi nghĩa theo đúng kế hoạch. Khoảng 15 giờ ngày 22/8, lực lượng thanh niên tập trung huấn luyện quân sự sẵn sàng chờ lệnh là hành động. Đúng 17 giờ 30, keng đồn bảo an báo hết giờ làm việc, binh lính nghỉ để ăn cơm, đồng chí Lê Quang Liệu chỉ huy lực lượng thanh niên chiếm đồn. Việc lấy đồn bảo an thuận lợi do ta đã vận động từ trước, đồn trưởng Nguyễn Nhật Thăng thỏa thuận sẽ giao đồn cho lực lượng cách mạng khi thời cơ đến. Cùng lúc đồng chí Lê Văn Uẩn dẫn một số anh em vây bắt bang tá Hoàng Hữu Thê, thu con dấu, giấy tờ, tiếp quản các công sở trong quận. Khi đoàn của các đồng chí ở Cầu Đất xuống đến nơi, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại D'ran đã cơ bản hoàn thành.

Sáng ngày 23/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa quận D'ran tổ chức mít tinh tại ngã ba (nay là Đài tưởng niệm). Các tầng lớp nhân dân từ các nơi trong quận tập trung đầy đủ, mang theo cờ đỏ sao vàng, băng rôn khẩu hiệu, với khí thế hân hoan phấn khởi. Đồng chí Trịnh Lý tuyên bố cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở quận D'ran đã thắng lợi. Từ nay các tầng lớp nhân dân lao động thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến trở thành người chủ của địa phương, đất nước. Cách mạng tháng Tám năm 1945 và khởi nghĩa giành chính quyền ở D'ran thắng lợi là sự kiện quan trọng của phong trào cách mạng ở địa phương mang lại cho nhân dân lao động những quyền lợi thiết thực, tạo thêm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng. Niềm tin đó sẽ trở thành sức mạnh khi chuyển sang thời kỳ xây dựng bảo vệ chính quyền và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

CHƯƠNG II

QUÂN DÂN D'LAN THAM GIA XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG VÀ TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI

I. Quân dân D'ran xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng chiến đấu chống Pháp tái chiếm (9/1945 - 01/1946)

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, đất nước ta đứng trước những khó khăn thử thách mới. Nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân ta lúc này là diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Tại Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh tỉnh lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ trước mắt nhằm nhanh chóng khắc phục khó khăn, củng cố chính quyền nhân dân, bảo vệ những thành quả đạt được của Cách mạng tháng Tám.

Chỉ trong một thời gian ngắn, chính quyền cách mạng làng Càn Rang, trung tâm quận lỵ và nhiều nơi khác trong quận đã được thành lập, tăng thêm hiệu lực quản lý của chính quyền dân chủ nhân dân từ cơ sở. Đi đôi với xây dựng hệ thống chính quyền, các đoàn thể quần chúng như Thanh niên cứu quốc, Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc,... được phát triển rộng rãi đến thôn, ấp và hoạt động tích cực trong công tác vận động quần chúng tham gia xây dựng chính quyền mới. Không khí phấn khởi, tự hào bao trùm trong đồng bào các dân tộc, người Kinh cũng như người Thượng.

Nhằm từng bước khắc phục khó khăn về kinh tế, chính quyền cách mạng vận động nhân dân hăng hái tham gia sản xuất, hưởng ứng chương trình của Việt Minh xây dựng “quỹ độc lập”, “tuần lễ vàng”, giúp chính phủ tái thiết đất nước, củng cố quốc phòng an ninh, ổn định đời sống nhân dân. Trong phong trào đó, đồng bào các dân tộc ở D'ran đã tích cực tham gia.

Hưởng ứng sắc lệnh “diệt giặc dốt”, đồng bào các dân tộc trong quận hăng hái tham gia các lớp bình dân học vụ, phong trào xóa nạn mù chữ phát triển sôi nổi khắp các thôn, ngõ xóm. Công tác y tế bước đầu được quan tâm, các lớp y tá cứu thương đào tạo cấp tốc đã kịp thời đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân. Phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú: tổ chức ca hát, luyện tập đội ngũ,... để động viên cổ vũ nhân dân. Trong khí thế chung đầy phấn khởi, tin tưởng, chị em phụ nữ Càn Rang quyết góp mở một nhà ăn tập thể tại D'ran phục vụ cán bộ đi công tác qua không thu tiền. Hình thức nhà ăn tập thể này tồn tại đến khi Pháp tái chiếm D'ran thì giải tán. Điều đó thể hiện tấm lòng của nhân dân đối với chế độ mới, với cán bộ cách mạng.

Được sống trong độc lập, tự do chưa bao lâu, thành quả cách mạng mới hưởng trong một thời gian ngắn, thực dân Pháp đã rắp tâm cướp nước ta một lần nữa, nhân dân Càn Rang và quận D'ran chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới.

Thực hiện âm mưu thôn tính Việt Nam, ngày 23/9/1945 thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Ngày 24/9/1945, dưới sức ép của quân đồng minh, quân Nhật đòi chính quyền tỉnh Lâm Viên phải giải tán lực lượng vũ trang, giao nộp vũ khí. Giữa tháng 10/1945, Ủy ban kháng chiến tỉnh sơ tán lực lượng gồm các cơ quan hành chính, đoàn thể, người già, trẻ em xuống Cầu Đất, Càn Rang... Quận lỵ D'ran trở thành hậu cứ kháng chiến của tỉnh Lâm Viên.

Tại D'ran, Ủy ban kháng chiến quận được thành lập, tổ chức chiến đấu. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến, bộ đội địa phương phối hợp cùng lực lượng vũ trang của tỉnh lập phòng tuyến cản giặc trên địa bàn quận. Nhân dân đã cùng tự vệ, bộ đội địa phương đồn ngã cây, đặt chướng ngại vật, xây dựng công sự dọc đường 21Bis để ngăn chặn bước tiến của địch. Công tác hậu cần, lương thực, thực phẩm được chính quyền, đoàn thể vận động quần chúng nhân dân khẩn trương chuẩn bị, sẵn sàng phục vụ khi chiến sự xảy ra. Tại khu vực ngã ba đã diễn ra nhiều cuộc chiến đấu ác liệt, nhiều chiến sỹ của ta đã hy sinh anh dũng nơi đây.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước vào ngày 6/1/1946 để bầu Quốc hội và Chính phủ chính thức. Được sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, chính quyền quận chuẩn bị chu đáo mọi mặt để nhân dân thực hiện quyền công dân của mình. Trong thời điểm lịch sử lúc đó, nhân dân quận D'ran bầu cử ở hai đơn vị, bầu đại biểu của cả tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng.

Ngày 6/1/1946 thực sự là ngày hội của đồng bào các dân tộc quận D'ran. Trong không khí nô nức thực hiện quyền làm chủ của mình, nhân dân đã nêu cao tinh thần đoàn kết chiến đấu, lòng yêu nước, ý chí thống nhất, tin tưởng vào Đảng, trung thành với chế độ mới.

Ngày 28/1/1946, thực dân Pháp phối hợp tấn công phòng tuyến Trại Mát. Cuộc chiến đấu không cân sức, chiều cùng ngày lực lượng ta phải rút khỏi phòng tuyến tản cư xuống Ninh Thuận.

Sau gần 5 tháng sống dưới chế độ mới, chính quyền cách mạng đã mang lại những quyền lợi thiết thực mà bao đời nay nhân dân hằng mong ước. Đó là những dấu ấn không thể phai mờ trong tâm trí của nhân dân về sự lãnh đạo của Đảng và tin tưởng vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

II. Đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân Pháp, củng cố và xây dựng lực lượng cách mạng (tháng 02/1946 đến tháng 01/1950)

Sau khi tái chiếm D'ran, thực dân Pháp tăng cường bộ máy cai trị. Về quân sự, Pháp lập đồn ở Cầu Đất, D'ran - Fyan, đưa một đại đội lính Partisan đóng tại thị trấn quận lỵ. Chúng tổ chức lại chính quyền xã, thôn, sử dụng những tên trung thành với Pháp nắm chính quyền, thay thế người Kinh bằng người dân tộc thiểu số trong bộ máy chính quyền; chia rẽ Kinh Thượng. Mặt khác, chúng ráo riết khủng bố, bắt bớ cán bộ và cơ sở, lùng sục càn quét vùng ven thị trấn, nông thôn nhằm ngăn chặn cách mạng mọc nổi, xây dựng phong trào.

Được sự chỉ đạo của chính quyền và Mặt trận Việt Minh tỉnh, Ủy ban kháng chiến lâm thời quận D'ran được tái lập, hoạt động bí mật trong lòng địch, lấy chùa Giác Nguyên làm trụ sở, Ủy ban kháng chiến chỉ định ông Lê Văn Xương làm Chủ tịch, ông Phạm Huy Anh làm Phó Chủ tịch và một số thành viên, trong đó có thầy trụ trì chùa Giác Nguyên. Ủy ban kháng chiến đã tích cực

hoạt động tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, xây dựng phong trào, cơ sở trong quần chúng.

Những tháng đầu năm 1946, tình hình đất nước rất khó khăn phức tạp. Phía Bắc, quân đội Tưởng Giới Thạch cấu kết với bọn tay sai phản động tìm cách chống phá cách mạng; phía Nam, quân Pháp đánh chiếm Nam bộ và cực Nam Trung bộ. Nhằm tranh thủ thời cơ củng cố lực lượng và phân hóa kẻ thù, Chính phủ ta quyết định ký hiệp ước sơ bộ với Chính phủ Pháp.

Ngày 3/4/1946, đồng chí Trịnh Lý được Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên cử lên hoạt động ở D'ran đã liên lạc với Ủy ban kháng chiến quận tổ chức mít tinh công khai nhân ngày Chính phủ ta và Chính phủ Pháp ký Hiệp định sơ bộ, cuộc mít tinh thu hút hàng trăm người tham gia mang cờ đỏ sao vàng điều hành qua quận lỵ, tổ chức rải truyền đơn tuyên truyền về nội dung Hiệp ước, phản đối những hành động khủng bố của thực dân. Ngày 12/4/1946, Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Lâm Viên chủ trương tăng cường lực lượng cho hoạt động vùng tạm chiếm. Từ Đà Lạt xuống D'ran chia làm 3 khu để tiện việc chỉ đạo: Khu I từ Đà Lạt xuống Dốc Đu do đồng chí Lê Trực làm Trưởng khu; Khu II từ Dốc Đu xuống Trạm Hành do đồng chí Nguyễn Nam Hải làm Trưởng khu; Khu III từ Trạm Hành xuống D'ran do đồng chí Hoàng Minh Đức làm trưởng khu. Cơ quan lãnh đạo của tỉnh đóng gần khu II mé sông Đa Nhim (La Bá) giữa xã Xuân Trường và Xuân Thọ (hiện nay). Từ khi tăng cường sự chỉ đạo, phong trào ở D'ran phát triển mạnh, nhiều hoạt động công khai như tuyên truyền vận động quần chúng và mít tinh được tổ chức. Ngày 19 và ngày 25/10/1946, cơ sở của ta đã rải truyền đơn tại Cầu Đất, M'lon, Càn Rang kêu gọi nhân dân không sử dụng giấy bạc do Ngân hàng Đông Dương phát hành sau ngày 6/3; tuyên truyền các chủ trương của Đảng. Hoạt động mạnh mẽ của phong trào cách mạng trong quận đã làm cho bọn cầm quyền thực dân lo lắng tìm mọi cách đối phó.

Khoảng từ cuối tháng 4/1946 đến đầu năm 1947, giặc Pháp điên cuồng khủng bố, bắt giam hàng trăm đảng viên và cơ sở cách mạng tại quận lỵ. Đồng chí Trịnh Lý bị bắt và bị thủ tiêu ở D'ran. Chúng đã dã man xử bắn một số đảng viên, quần chúng tại ngã ba, trong đó, ngày 26/11/1946 chúng xử bắn các đồng chí Lê Đồng, Lê Giáo và Nguyễn Thiệu (còn gọi là Tư); ngày 25/12/1946 chúng xử bắn các đồng chí Trần Đình Công, Nguyễn Ngọc Lân và Văn Trà; ngày 5/1/1947 chúng xử bắn các đồng chí Huỳnh Cự, Văn Oanh và Trần Đình Sinh¹.

¹ Trong số các tù tù có thầy giáo Trần Đình Công (Khuông), thầy dạy Cour Enfantin (lớp Một), quanh năm thầy mặc chiếc áo dài đen bạc phếch (trong khi thời ấy, nam công chức và giáo viên đều mặc âu phục). Thầy Khuông vóc người nhỏ thấp, da ngăm đen, gương mặt khắc khổ chỉ có đôi mắt sáng một cách kỳ lạ.

Một hôm, trong lúc học trò đang chăm chú làm bài, bỗng có tiếng xe dừng trước cổng trường, hai tên mật thám Pháp vào thẳng lớp Một, còng tay rồi đưa thầy đi mà chẳng nói một lời trước sự ngỡ ngàng của cả trường.

... Nguyễn vọng của thầy và các đồng chí trước khi bị xử bắn được đi quanh làng để chào mọi người.

... Buổi sáng ngày xử bắn, từ sớm tinh mơ bọn lính Pháp đã vào từng nhà lừa đồng bào ra tập trung tại ngã ba (nơi đặt Đài tưởng niệm hiện nay). Trên khoảng đất đó, ba cái trụ đã được dựng lên đầu từ đêm hôm trước - ba người đàn ông tiều tụy, rách rưới bị trói vào cột, mắt bị băng vải đen. Một loạt súng vang lên, ba con người gục xuống trong đó có thầy Khuông. Thầy đã chết vì Thầy là Việt Minh...



Đài tưởng niệm liệt sỹ, cây nhãn (bên phải ảnh) nơi thực dân Pháp xử bắn các chiến sỹ cách mạng năm 1946, 1947

Trong một cuộc càn quét, phát hiện được truyền đơn và tài liệu Việt Minh giấu trong Tổ đình sắc tứ Giác Nguyên tự, quân Pháp bắt, đem đi xử bắn sư trụ trì là Hòa thượng Khế Tín cùng một vài cư sĩ tại Thác Hòa Bình¹... bí mật thủ tiêu nhiều cán bộ, cơ sở quần chúng khác ở nhiều nơi trong quận. Các vụ tra tấn, thủ tiêu, sát hại của địch không hề làm cho nhân dân khiếp sợ mà càng tăng thêm lòng căm thù và ý chí quyết tâm chiến đấu giành độc lập, tự do cho Tổ quốc và nhân dân.



Tổ đình sắc tứ Giác Nguyên tự

¹ Theo Thông tin lịch sử tôn giáo Phật giáo Lâm Đồng:... Hoà Thượng Khế Tín không rõ thế danh. Việc Ngài bị Pháp xử bắn, người chứng kiến là Ni sư Thích Nữ Hoa Liên (hiện đang trụ trì Tịnh xá Ngọc Ban tại Buôn Mê Thuột), lúc bấy giờ còn là một cô bé nhỏ tuổi. Di ảnh đặt tại chùa Giác Hoàng, hàng năm, chùa đều làm lễ giỗ.

Bước sang năm 1949, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giành được thắng lợi trên các chiến trường, tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta.

Tháng 4/1949, Ban Cán sự Đảng Lâm Viên và Đồng Nai Thượng được thành lập. Đây là một sự kiện chính trị quan trọng đánh dấu bước phát triển của phong trào cách mạng địa phương. Đường lối, chủ trương của Đảng được vận dụng vào thực tiễn để đưa phong trào quần chúng tiến lên những bước mới.

III. Phát triển cơ sở, mở rộng phong trào, kháng chiến thắng lợi (1950 - 1954)

Bị thất bại trên chiến trường Tây Bắc, quân Pháp tập trung xây dựng vùng chiến lược Tây Nguyên. Tại Lâm Viên, địch đóng thêm hàng chục đồn bót lớn dọc đường 11 và Đà Lạt, thường xuyên tổ chức càn quét, lùng sục các khu vực.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, tháng 10/1950 Liên khu ủy V quyết định sát nhập hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng.

Thực hiện quyết định của hội nghị Tỉnh, đầu năm 1952 huyện Chiến Đấu hình thành 4 đội xây dựng cơ sở hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc. Tháng 6/1952 đội công tác khu vực D'ran chính thức được thành lập, lấy phiên hiệu là đội 122, đặt dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Tây Bắc Lâm Đồng, do đồng chí Đào Khắc Độ, nguyên là cán bộ của khu V tăng cường làm đội trưởng, đồng chí Lê Dũng làm đội phó. Đội chia làm 2 tổ công tác: Đồng chí Đào Khắc Độ chịu trách nhiệm địa bàn M'lone, Lạc Lâm Làng, Đồng Thạnh; Đồng chí Lê Dũng từ Lạc Bình, Lạc Xuân từ quận lỵ D'ran đến Trạm Hành. Khu vực đội 122 không những mở được cơ sở, phát triển một số tổ chức quần chúng cách mạng mà còn là cầu nối quan trọng của đường dây Bá Ghe - Đà Lạt, giúp cho sự chỉ đạo của Tỉnh đến phân ban cán sự Tây Bắc thuận lợi. Nhiều cán bộ tăng cường cho Lâm Đồng đã qua liên lạc với đội 122 để bổ sung cho các nơi. Đội công tác đã xây dựng được các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, du kích ở Lạc Lâm Làng, hội thanh niên dưới hình thức sinh hoạt Gia đình Phật tử ở Trạm Hành và một số cơ sở ở làng Càn Rang, ...

Tháng 2/1953, đội 122 đang hoạt động ở Trạm Hành thì một cơ sở quần chúng phản bội khai báo dẫn lính đến vây bắt. Nhờ có báo trước, đội tránh được tổn thất nhưng cơ sở ở Trạm Hành bị khủng bố không dám liên lạc với đội. Trước tình hình đó, đội chuyển xuống liên lạc với đội Lạc Xuân, Đồng Thạnh, Càn Rang. Tại thị trấn D'ran, đội đã móc nối với một số viên chức làm việc trong bộ máy của quận có cảm tình với cách mạng nên nắm được tình hình địch và tiếp tục hoạt động.

Cuối năm 1953, nhờ tích cực xây dựng phong trào cách mạng trong quần chúng, cơ sở từ Càn Rang đến Thạnh Nghĩa - M'lone đã có bước phát triển với chất lượng tốt hơn nhiều, cơ sở được phục hồi, tập hợp vào hội cứu quốc hàng trăm hội viên (thanh niên, phụ nữ, nông dân).

PHẦN THỨ HAI

QUÂN DÂN LẠC NGHIỆP (D'ran) TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

CHƯƠNG I

GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐỊA PHƯƠNG (7/1954 - 7/1961)

I. Phong trào đấu tranh đòi hòa bình ở D'ran (tháng 7/1954 đến cuối năm 1955)

Thắng lợi vang dội của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc chế độ thống trị tàn bạo của thực dân Pháp trên bán đảo Đông Dương. Thất bại thảm hại của thực dân Pháp là thời cơ để đế quốc Mỹ thực hiện ý đồ biến miền Nam nước ta thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ. Để thực hiện âm mưu đó, chính quyền Mỹ đưa Ngô Đình Diệm lên thay thế. Mỹ - Diệm thực hiện chính sách “tổ cộng” nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tổ chức mạng lưới kèm kẹp đến tận xã, ấp.

Lâm Đồng là một tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng của Tây Nguyên. Do đó, sau khi nắm chính quyền, Mỹ - Diệm đã tập trung xây dựng Lâm Đồng làm chỗ dựa lâu dài.

Bằng thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc, lừa bịp và cưỡng bức, địch đã đưa hàng ngàn đồng bào Công giáo, đồng bào dân tộc Nùng, Hoa ở miền Bắc di cư vào Nam, bố trí các tụ điểm dọc theo đường giao thông và ở các vị trí quân sự quan trọng tại địa phương, hình thành vành đai bảo vệ xung quanh Đà Lạt.

Mỹ - Diệm tập trung mở rộng, nâng cấp các công trình giao thông chính: đường 11 từ Phan Rang đến Đà Lạt qua D'ran, Cầu Đất, Xuân Thọ, đường 21Bis đoạn thị trấn D'ran - Phi Nôm, sửa chữa các sân bay Liên Khương, B'lao để dễ dàng cơ động, sẵn sàng đưa lực lượng quân sự đàn áp khi cần thiết. Chi khu quân sự, đồn bót ở quận D'ran được củng cố, xây dựng.

Trước tình hình D'ran là nơi có nhiều cơ sở quần chúng nhưng chưa nổi được liên lạc với tổ chức Đảng, cuối năm 1954, đồng chí Võ Trọng Yêm từ Đà Lạt xuống móc nối với cơ sở quần chúng ở ấp Hòa Bình, chuẩn bị điều kiện tiến hành phát triển phong trào.

Tháng 3/1955, Ban cán sự Đảng Đà Lạt được thành lập do đồng chí Đỗ Đạt Khoáng làm Bí thư. Ban cán sự chủ trương sớm ổn định tổ chức, xây dựng cơ sở nội thị và phát triển ra vùng ven. Ban cán sự phân công một số cán bộ được khu tăng cường cho Lâm Đồng hoạt động xây dựng cơ sở ở Đơn Dương, lấy Đồng Thạnh (xã Thạnh Mỹ) làm địa điểm liên lạc, tiếp nhận thư từ, công văn của cấp trên.

Bất chấp sự đàn áp, khủng bố của kẻ thù, trong một thời gian móc nối, xây dựng của một số cán bộ, đảng viên với cơ sở quần chúng ở địa phương,

phong trào từ D'ran, Lạc Xuân, Lạc Lâm Làng đến M'lon, Bắc Hội tiếp tục được duy trì phát triển.

Tháng 8/1954, một số trí thức yêu nước tại Sài Gòn khởi xướng phong trào “Bảo vệ hòa bình”. Để tạo thế đấu tranh cho quần chúng và hưởng ứng nhân dân Sài Gòn, Ban cán sự Đảng Đà Lạt cử đảng viên trực tiếp chỉ đạo phong trào, tập hợp những người yêu nước tham gia. Các đồng chí cán bộ hoạt động ở D'ran đã liên lạc tiếp nhận chỉ thị của trên, tổ chức quần chúng đấu tranh. Phong trào sôi nổi từ D'ran, Lạc Xuân và Lạc Lâm Làng.

Phong trào đấu tranh “Bảo vệ hòa bình” có chiều hướng phát triển thì bị lộ, địch tập trung đàn áp. Tại D'ran, chúng bắt 13 cơ sở cách mạng bị tình nghi (trong đó có những nhân sỹ yêu nước cốt cán như ông Tou Tiang Đôn, người dân tộc Churu¹, ông Hồ Thời, ông xã Phó, ông Dương Tấn Đại,...).

Phong trào đấu tranh bảo vệ hòa bình ở Đơn Dương chỉ tồn tại trong vòng 01 tháng (tháng 11/1954) nhưng đã khơi dậy được tinh thần yêu nước, nguyện vọng mong muốn hòa bình của nhân dân, tạo khí thế cách mạng mới.

II. củng cố lực lượng, chuyển hướng đấu tranh trong tình hình mới (1956-1961)

Sang năm 1956, cách mạng miền Nam đứng trước tình hình khó khăn phức tạp. Tháng 3/1956, chính quyền Sài Gòn tổ chức tuyển cử riêng rẽ, bầu Ngô Đình Diệm làm tổng thống. Mỹ - Diệm đã hoàn toàn xé bỏ hiệp định Genève, phá bỏ hiệp thương thống nhất, biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ.

Tại Tuyên Đức và các tỉnh Tây Nguyên, chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung lực lượng đánh phá phong trào cách mạng, đẩy mạnh chiến dịch tổ cộng lên mức độ cao, mở rộng địa bàn hoạt động.

Để củng cố ranh giới hành chính, đồng thời tạo thế phòng thủ cho Đà Lạt, ngày 19/5/1958 chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành sắc lệnh số 261/NV về việc thành lập tỉnh Tuyên Đức, chia D'ran thành 3 quận: Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương và đô thị Đà Lạt. Ranh giới quận Đơn Dương về phía Nam từ ấp Phú Thuận đến vùng K67 (giáp Ninh Thuận); về phía Bắc và phía Tây từ Cầu

¹ Tou Tiang Đôn, một nhân sỹ yêu nước, người dân tộc Churu, sinh năm 1917 tại thôn M'răng, xã Lạc Lâm.

Năm 1938, sau khi tốt nghiệp trường Tiểu học Pháp - Việt, ông nghỉ học, làm công nhân tại Đà Lạt, tham gia nhiều phong trào bãi công, mít tinh của thanh niên, công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm tại Đà Lạt, D'ran.

Năm 1939, lập gia đình, sinh sống tại Proh và tiếp tục tham gia phong trào đấu tranh của thanh niên, nông dân ở địa phương. Năm 1945, ông đã tham gia vận động đồng bào dân tộc thiểu số khởi nghĩa giành chính quyền và thành lập chính quyền ở tổng Đình Văn (nay thuộc Đức Trọng). Năm 1954, ông tham gia các phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Geneve, đòi hiệp thương tổng tuyển cử ở D'ran, Lạc Xuân,... bị địch đàn áp và bắt giam ở Đà Lạt và khám Chí Hòa. Năm 1956, sau khi ra tù, ông tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng bí mật ở Proh, Tu Tra. Năm 1967, ông thoát ly ra công tác tại chiến khu.

Ngày 6/6/1969, ông được cử làm Phó Chủ tịch UBND cách mạng lâm thời tỉnh Tuyên Đức cho đến ngày giải phóng.

Sau giải phóng, do tuổi cao, sức yếu lại bị bệnh nặng, ông qua đời ngày 18/5/1977, được phong tặng nhiều danh hiệu cao quý của Đảng và Nhà nước.

Đất (Xuân Trường) đến Thanh Mỹ, Bắc Hội, Bồng Lai (giáp Đức Trọng). Đồng thời với việc thành lập tỉnh mới, chia quận để tăng cường biện pháp quản lý, không chế quần chúng; thành lập các hội đồng xã gồm trưởng, các phó và ban giúp việc. Các làng trước đây đổi thành ấp, xã Lạc Nghiệp có 10 ấp: Lạc Bình, Lạc Xuân, Lạc Thiện, Lạc Quảng, Càn Rang, Quảng Lạc, Đường Mới, Hòa Bình, Lâm Tuyên, Phú Thuận. Về bộ máy có ấp trưởng, ấp phó. Trong mỗi ấp được chia ra từng khu, từng liên gia. Ngoài bộ máy hành chính ra, địch còn tổ chức hệ thống mật vụ gồm những tên ác ôn, chỉ điểm giúp việc cho ngục quyền, củng cố lại lực lượng quân sự, công an, dân vệ; lập ra các tổ chức đoàn thể như thanh niên cộng hòa, phụ nữ liên đới, các thân hòa, nhân sĩ trí thức. Bên cạnh đó, địch còn lợi dụng tín ngưỡng để tranh thủ nắm và quản lý dân với mục đích thanh lọc lực lượng cách mạng và phát hiện tổ chức cách mạng.

Cuối năm 1957, đồng chí Hứa Thanh Bình từ Quảng Nam vào, sau khi tạo thế sống hợp pháp đã bắt liên lạc với các đồng chí kháng chiến cũ công tác đường 20 nhận nhiệm vụ móc nối sang cơ sở Quảng Lạc, xây dựng tổ chức cách mạng ban đầu dưới hình thức các tổ chức văn đội công, qua đó tuyên truyền về cách mạng cho quần chúng nhân dân.

Tại Đơn Dương, cuối năm 1960 đầu năm 1961, chính quyền Diệm đã triển khai xây dựng thủy điện Đa Nhim, toàn bộ số dân sống trong lòng hồ phải di dời về Ka Đô, chỉ còn một số ít sống dưới chân đập hiện nay là Tổ dân phố Quảng Lạc. Để bảo đảm an toàn việc xây dựng, địch bố trí lực lượng mạnh và tập trung quân bảo vệ. Một đại đội bảo an đóng tại chi khu Đơn Dương, tiểu đoàn I, sư đoàn 23 đóng tại Phú Thuận, một đại đội lính cộng hòa khác canh gác kho vật liệu xây dựng, bảo vệ chuyên gia người Nhật (tại cư xá Đa Nhim hiện nay). Quận lỵ Đơn Dương có lực lượng chính quyền quận và lực lượng quân sự hỗ trợ khi xảy ra tác chiến.

Tháng 1/1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị: Cách mạng miền Nam tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh vũ trang, tiến công địch cả hai mặt chính trị và quân sự.

Để đẩy mạnh phong trào quần chúng nổi dậy giành chính quyền đang phát triển ở các tỉnh cực Nam, dùng lực lượng vũ trang đánh hỗ trợ cho phong trào. Lực lượng quân sự Liên tỉnh 3 do đồng chí Mười Trung, Ủy viên Ban Thường vụ và một số cán bộ chỉ huy Liên tỉnh 3 quyết định đánh vào chi khu quận lỵ. Đêm 15, rạng ngày 16/5/1961, dưới sự chỉ huy của đồng chí Lê Phương, lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với du kích huyện Bắc Ái nổ súng tấn công chi khu Đơn Dương. Sau 30 phút chiến đấu, ta diệt gọn đơn vị bảo an. Cùng lúc một cánh quân đánh vào trung tâm quận lỵ diệt 4 tên địch và bắt sống quận trưởng; một cánh quân khác tấn công vào đồn bảo vệ kho vật liệu Nhật và đơn vị công binh địch; bị địch phản kích. Kết quả trận đánh ta tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên địch, phá hủy 01 xe Jeep, thu 27 súng các loại, đạn dược, tài liệu, phá hỏng một số phương tiện kỹ thuật.

Trận đánh vào chi khu quận lỵ đã làm chấn động quân địch cả miền Nam, mang nhiều ý nghĩa quan trọng, đó là: Sau một thời gian thi hành Luật 10/59 lê

máy chém khắp miền Nam khủng bố trắng nhưng lực lượng vũ trang của ta vẫn đủ mạnh để tấn công vào căn cứ quân sự cấp quận ở tỉnh Tuyên Đức. Đây là trận mở màn nhưng đã giành được thắng lợi, củng cố niềm tin xây dựng cơ sở trong quần chúng, Đơn Dương là vùng khó khăn nhất của chiến trường khu 6 cực Nam Trung bộ, xa sự chỉ đạo của trên, xa hậu phương lớn, việc tiếp tế gặp nhiều khó khăn nhưng ta vẫn tổ chức trận đánh lớn, phối hợp với chiến trường toàn miền tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên địch thu nhiều vũ khí, đạn dược làm cho bọn đầu xỏ, binh lính địch hoang mang dao động, giảm sút ý chí chiến đấu. Trận đánh thể hiện tính đúng đắn của đường lối, chủ trương của Đảng cho cách mạng miền Nam, dù trong lúc khó khăn, gian khổ nhất nhưng vẫn đề ra chiến lược, sách lược hợp lý cho mỗi thời kỳ cách mạng.

CHƯƠNG II

QUÂN DÂN LẠC NGHIỆP TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, ĐẨY MẠNH ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ KẾT HỢP ĐẤU TRANH VŨ TRANG

(Tháng 6/1961 - 1968)

I. Từ phong trào đấu tranh chính trị, đẩy mạnh phát triển cơ sở cách mạng, chống âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược của địch (1961 - 1964)

Sau phong trào đồng khởi của nhân dân miền Nam, tình hình cách mạng chuyển biến mạnh mẽ. Tại các tỉnh Tây Nguyên và cực Nam Trung bộ, phong trào đang trên đà phát triển, nhiệm vụ xây dựng bàn đạp, mở hành lang chiến lược được đẩy mạnh.

Tháng 7 năm 1961 Trung ương Đảng quyết định sát nhập Liên tỉnh 3 với tỉnh Đắc Lắc của Liên tỉnh 4 thành lập Khu ủy 6 trực thuộc Trung ương cực miền Nam.

Tháng 8 năm 1961 Khu ủy 6 thành lập tỉnh Tuyên Đức với mục đích nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đưa phong trào của Tuyên Đức - Đà Lạt phát triển.

Năm 1961 là năm trên chiến trường miền Nam, quân giải phóng càng đánh càng mạnh, đẩy địch vào thế cô lập, bị động, mất nhiều vùng làm chủ ở nông thôn. Đế quốc Mỹ buộc phải triển khai chiến lược “chiến tranh đặc biệt” mà quốc sách là “lập ấp chiến lược”.

Do có vị trí chiến lược quan trọng, quận Đơn Dương được địch tập trung lực lượng quân sự mạnh và coi là một trong những trọng điểm bình định của chúng ở tỉnh Tuyên Đức. Chúng củng cố các đơn vị chiến đấu ở nhiều khu vực để tạo thế liên minh tác chiến trong vùng.

Sau khi lực lượng quân sự Liên tỉnh ba đánh vào quận lý, cuối tháng 5/1961 địch củng cố các đơn vị chiến đấu thuộc quận D’ran cũ để tạo thế liên hoàn tác chiến trong vùng. Chúng đưa một tiểu đoàn bộ binh thuộc sư đoàn 23 nguy về chốt giữ ở Phú Thuận. Địch tiếp tục bổ sung quân số cho tiểu đoàn, đại

đội lính cộng hòa khu vực thủy điện Đa Nhim và đại đội lính bảo an khu vực điểm cao đồi Lạc Thiện (chi khu quận Đơn Dương), thành lập ty cảnh sát Đa Nhim với nhiệm vụ bảo vệ công trình thủy điện, thanh lọc đội ngũ công nhân xây dựng công trình.

Cũng trong năm 1961, địch hành quân bình định nhiều vùng trong tỉnh, còn ta tiến hành phát động quần chúng giữ dân làm cho vùng làm chủ trong tỉnh của cách mạng được mở rộng.

Bước sang năm 1962, địch tiếp tục tập trung thực hiện bình định ở Đà Lạt và các quận của tỉnh Tuyên Đức; xây dựng thí điểm áp chiến lược như Đường Mới (Lạc Nghiệp), áp kiểu mẫu ở nhiều nơi. Địch tăng cường hoạt động quân sự, sử dụng các đơn vị vũ trang càn quét sâu vào căn cứ của ta, dồn dân về vùng do chúng kiểm soát. Ở Lạc Nghiệp, chúng dồn dân ở KrongLa về Kalkill để dễ kiểm soát¹. Đi đôi với lập áp chiến lược, chính quyền ngay tiến hành phân loại quần chúng, lập sổ đen theo dõi những gia đình tham gia kháng chiến, kiểm soát chặt chẽ các liên gia, cài cắm chỉ điểm phân hóa chia rẽ nhân dân với cách mạng.

Để kịp thời đánh bại âm mưu, thủ đoạn của địch, tháng 3 năm 1962, Tỉnh ủy Tuyên Đức mở Hội nghị mở rộng chỉ rõ chủ trương cụ thể ở từng vùng, vận động quần chúng đấu tranh chính trị, kết hợp với hoạt động vũ trang tiêu hao sinh lực địch, diệt ác trừ gian, hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh chống dồn dân lập áp chiến lược.

Cuộc đấu tranh chống địch bình định, dồn dân diễn ra vô cùng quyết liệt trên địa bàn tỉnh trong suốt năm 1962. Thời gian này, địch đã xây dựng tại Đơn Dương một số áp chiến lược kiểu mẫu, dùng lực lượng quân đội, cảnh sát, dân vệ cường bức dân rào làng lập áp ở Phú Thuận, Hòa Bình, Lạc Xuân,... Chúng thường xuyên có lực lượng kiểm soát hoạt động của dân trong các áp chiến lược vùng nông thôn, phát hiện trấn áp cơ sở, ngăn chặn quần chúng liên lạc, móc nối với cách mạng. Đi đôi với chính sách dồn dân, lập áp chiến lược, địch còn dùng nhiều thủ đoạn mua chuộc bằng vật chất, chữa bệnh không lấy tiền dưới danh nghĩa từ thiện để tranh thủ lòng dân.

Năm 1963 là năm địch tiếp tục tập trung phản kích quyết liệt, khu địa bàn hoạt động của ta bị thu hẹp, nhiều nơi trong vùng giải phóng thiếu lương thực, thiếu muối nghiêm trọng, thiếu thuốc men để điều trị.

Trước tình hình đó, tháng 5 năm 1963, Khu ủy 6 quyết định giải thể Tỉnh ủy Tuyên Đức, rút gọn bộ máy thành Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt. Đội công tác do đồng chí Lê Dũng phụ trách từ phía Tây Bắc chuyển về hoạt động gây cơ sở phía Bắc đường 20, từ địa bàn này, các đồng chí phát triển sang hướng Đơn Dương tổ chức móc nối cơ sở. Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt chỉ đạo một bộ phận công tác đứng chân tại Xuân Trường (do đồng chí Nguyễn

¹ Riêng ở Cà Tọt, năm 1959 chính quyền Ngô Đình Diệm lợi dụng dịch bệnh đã dồn dân về Xóm Gòn - Krongfa (Sông Pha). Có 07 hộ dân, 19 nhân khẩu không chịu về Krongfa mà vào lập nghiệp tại Hamasing và làng Hamasing được hình thành từ năm 1959.

Lâm phụ trách) liên lạc, giao nhiệm vụ cho đồng chí Đoàn Văn Hải (Tám Hải) chấp nối xây dựng các cơ sở ở Phú Thuận như cơ sở các ông Trương Bửu, Nguyễn Tứ, Hà Văn Phú, Nguyễn Hòa (Nguyễn Đánh)... trong đó có những cơ sở bị mất liên lạc nay trở lại hoạt động.

Phong trào cách mạng được xây dựng ngày càng phát triển, cơ sở quần chúng tích cực hoạt động, cung cấp cho ta tình hình địch, nuôi giấu cán bộ, dự trữ lương thực, thực phẩm tiếp tế cho cách mạng.

Cùng với phong trào cách mạng trong tỉnh, cơ sở quần chúng ở Lạc Nghiệp, Ka Đô, Xuân Trường được xây dựng đã có tác động hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành vùng đứng chân phía Nam Thị xã Đà Lạt, giúp cho sự phát triển phong trào cách mạng tiến lên đồng đều trong toàn tỉnh. Cuối năm 1964, thực lực tại chỗ ở Đơn Dương đã có bước phát triển mới.

Đầu năm 1965, do chiến lược “chiến tranh đặc biệt” thất bại buộc Mỹ phải chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Lực lượng vũ trang cách mạng càng đánh càng mạnh, tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta, ta đã mở nhiều cuộc tấn công tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng làm chủ ở nông thôn, tạo thế và lực mới.

Ở Đơn Dương, nguy quyền tăng cường bộ máy từ quận đến ấp. Mỗi xã chúng bố trí từ một đến hai trung đội dân vệ làm chỗ dựa cho bộ máy kèm kẹp. Trên các trục đường và khu dân cư chúng xây dựng các cứ điểm do quân nguy chốt giữ. Ngoài hệ thống hành chính, quân sự địch còn hình thành các tổ chức chính trị phản động đánh phá phong trào cách mạng ở địa phương gây cho chúng ta nhiều bất lợi, đời sống nhân dân nhiều vùng thiếu đói, việc tiếp tế cho cách mạng gặp nhiều khó khăn.

Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt chủ trương động viên quân và dân kết hợp đấu tranh vũ trang, chính trị với binh vận, tích cực phá kèm, phá ấp chiến lược, tiêu hao và làm tan rã sinh lực địch.

Tháng 10 năm 1965, Khu ủy 6 quyết định thành lập lại Tỉnh ủy Tuyên Đức. Sau khi thành lập, Tỉnh ủy tiến hành củng cố tổ chức, sắp xếp bộ máy nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Nghị quyết của Trung ương cục miền Nam và Khu ủy 6.

Nhận thấy ở Đơn Dương phong trào tuy có phát triển nhưng chưa đồng đều với các nơi, Tỉnh ủy quyết định tăng cường cán bộ để xây dựng cơ sở cách mạng với yêu cầu đề ra là nâng cao chất lượng, tăng cường số lượng, nhanh chóng đưa cơ sở hoạt động ra vùng nông thôn, vùng ven, tạo hành lang tiếp tế, gấp rút hình thành các đội công tác hoạt động hợp pháp và bất hợp pháp, phát triển cơ sở mới, chú trọng nhất là các vùng bàn đạp, cửa ngõ của Đơn Dương, Đà Lạt dọc theo quốc lộ 20, 11 (nay là quốc lộ 27) như Phú Thuận, Càn Rang, Lạc Xuân,..., mở rộng địa bàn làm chủ. Giữa năm 1966, các đồng chí Chế Đăng, Lê Dũng và một số cán bộ, chiến sĩ được tăng cường về hoạt động ở Đơn Dương. Từ khi về Đơn Dương đồng chí Chế Đăng bắt đầu móc nối hệ thống cơ sở cách mạng ở Lạc Nghiệp. Đề tập trung sự lãnh đạo, đưa phong trào phát triển,

ngày 10/6/1966 hội nghị Tỉnh ủy họp ở chân núi K'rét (Tây Đức Trọng) quyết định thành lập Ban cán sự Đảng Đơn Dương gồm 3 đồng chí, chỉ định đồng chí Chế Đăng làm Bí thư và 2 ủy viên là đồng chí Lê Dũng và đồng chí Sơn Hải. Sự ra đời của Ban cán sự Đảng có ý nghĩa rất quan trọng. Việc thành lập Ban cán sự Đảng là kết quả tất yếu của quá trình cách mạng bền bỉ, vượt qua gian lao thử thách, vừa xây dựng cơ sở, phong trào vừa từng bước hoàn thiện về mặt tổ chức của Đảng bộ Đơn Dương.

Ban cán sự Đảng chia làm hai bộ phận thực hiện nhiệm vụ. Đồng chí Chế Đăng phụ trách chung nắm lại toàn bộ tình hình, củng cố đường dây cơ sở. Từ Ka Đô đồng chí Chế Đăng và một số cán bộ đi Phú Thuận móc nối lại các cơ sở do đồng chí Đoàn Văn Hải xây dựng. Sau một thời gian ngắn, cơ sở cách mạng đã phát triển đến ấp Hòa Bình; ta đã móc nối với gia đình ông Dương Tấn Đại, ông Nguyễn Hữu Liễn, ông Nguyễn Hữu Dân, bà Thái Thị Xuyên... Đây là lực lượng cốt cán của ta trong ấp Hòa Bình. Đường dây từ Bắc Hội qua Ka Đô đến Lạc Xuân, Hòa Bình, Phú Thuận dần dần được nối thông, lực lượng quần chúng cách mạng phát triển.

Cơ sở cách mạng ở xã Lạc Nghiệp từng bước tạo lập các mối quan hệ, liên lạc với nhau bằng hộp thư mật, mở rộng địa bàn hoạt động trong quận, cài cắm một số cơ sở trong binh lính địch để nắm bắt tình hình hoạt động ở xã Lạc Nghiệp và Xuân Trường.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển và mở rộng phong trào, trong năm 1966 Ban cán sự Đảng thành lập các mũi công tác từ 5 đến 6 đồng chí. Sang năm 1967, chính thức thành lập 4 đội công tác vùng Kinh và một tổ công tác vùng dân tộc thiểu số. Đội K1 từ Bắc Hội đến Đồng Thạnh. Đội K2 khu vực Labouye đến Lạc Thiện, kể cả thôn Châu Sơn. Đội K3 do đồng chí Sơn Hải làm đội trưởng, chịu trách nhiệm các ấp của xã Lạc Nghiệp. Đồng chí Lê Đình Biểu, Trần Ngọc Anh (Sáu Mù) đều là đảng viên đứng chân tại vùng Cà Tọt để chỉ đạo và phát triển phong trào. Đội K4 khu vực Nam Nghĩa Hiệp (Ka Đô) - Hòa Lạc. Đội công tác KT vùng dân tộc¹ từ Krangơ, Krangchơ đến Diom. Sau năm 1971, khi K67 sáp nhập thì đội công tác hoạt động đến R'Lom, Ma Đanh (Tu Tra). Kể từ đây phong trào cách mạng của xã Lạc Nghiệp (cũng như các xã khác trong huyện) đã có tổ chức Đảng lãnh đạo toàn diện cho đến ngày giải phóng. Sau khi củng cố tổ chức, đề ra chủ trương và phân công địa bàn hoạt động cụ thể, Ban cán sự Đảng Đơn Dương chỉ đạo các đội công tác trên tinh thần quán triệt các Nghị quyết của Đảng, nâng cao nhận thức tư tưởng, bám cơ sở, phối hợp với lực lượng của tỉnh diệt ác trừ gian, phát động quần chúng đấu tranh chống địch. Phong trào cách mạng đã chuyển biến mạnh mẽ, mỗi đội công tác đều phát triển thêm cơ sở quần chúng mới. Đội công tác K2, K3 phối hợp với bộ phận vũ trang Tỉnh, trinh sát tiến hành điều tra thực lực, cách bố phòng của địch ở Phú Thuận, Hoà Bình, Lạc Xuân, Lạc Bình, chi khu Đơn Dương, chi cảnh sát, tiểu đoàn công binh 577 của Mỹ ở chân đập Đa Nhim, tạo điều kiện cho lực

¹ Đội công tác KT vùng dân tộc thiểu số lúc đầu đồng chí Hà Tự đội trưởng, sau đó đồng chí Amalé Nghèo đội trưởng.

lượng đột nhập vào ấp đánh địch, rải truyền đơn, tập hợp dân tổ chức tuyên truyền đường lối cách mạng, vận động thanh niên trốn lính, gia đình kêu gọi chồng con đào ngũ,...

Cùng với những hoạt động vũ trang của đội công tác K2, K3 đã tạo niềm tin phấn khởi, tin tưởng trong quần chúng, thúc đẩy phong trào thanh niên thoát ly tham gia cách mạng ở Lạc Xuân, Lạc Bình. Nơi đây đã phát triển hơn 12 cơ sở¹ và một số cảm tình cốt cán, 01 tổ du kích mật², kết nạp 2 đoàn viên.

Nhiệm vụ của chi bộ đội công tác K3 là xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang bên trong thôn ấp; xây dựng cơ sở kinh tế, vận động các cơ sở mua lương thực, thực phẩm (gạo, muối, mắm, thuốc Tây) tiếp tế cho cách mạng, chỉ đạo cơ sở nắm tình hình, báo cáo hoạt động của địch, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương diệt ác, phá kềm.

Bước vào mùa khô năm 1966 - 1967, bọn địch ở Tuyên Đức tập trung lực lượng thực hiện kế hoạch tìm diệt và bình định, trọng tâm là bình định vùng nông thôn hòng đẩy lực lượng ta ra xa đô thị và căn cứ của chúng. Tại Đơn Dương, địch ráo riết mở các cuộc càn quét ở Phú Thuận, Hòa Bình, khu vực Suối Tre (Ka Đô) ngăn cản ta từ căn cứ đột nhập vào ấp xây dựng cơ sở, nhận tiếp tế. Chúng tiếp tục củng cố các ấp chiến lược, bắt đồng bào rào làng, tăng cường mật báo, gián điệp để phát hiện cơ sở, ngăn lực lượng ta vào liên lạc.

Trước tình hình trên và diễn biến của phong trào cách mạng, cuối năm 1966 Tỉnh ủy Tuyên Đức mở hội nghị kiểm điểm công tác trong năm, đề ra chủ trương đẩy mạnh tiêu diệt địch, bám dân của lực lượng vũ trang và các đội công tác, đánh vào đoàn bình định diệt ác phá kềm, xây dựng lực lượng cách mạng tại chỗ, chú trọng ở địa bàn công tác, trực giao thông. Để phối hợp cùng quần dân trong tỉnh, Ban cán sự Đảng Đơn Dương một mặt ổn định tổ chức, cơ sở và thực lực cách mạng, mặt khác chủ trương vũ trang đột nhập ấp, tiêu diệt địch, hỗ trợ phong trào quần chúng mở rộng vùng làm chủ khi có điều kiện. Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào quần chúng, địch tìm mọi cách ngăn chặn bằng cách rải các đoàn bình định xây dựng nông thôn ra ở các gia đình. Địch tăng cường các biện pháp quản lý việc đi lại, làm ăn của dân, tìm cách khống chế, đàn áp, bắt bớ cơ sở ta, đẩy mạnh việc bắt thanh niên tham gia nhân dân tự vệ, tăng thêm quân cho đại đội 266 địa phương quân chốt ở đồi Thạnh Mỹ, trung đội pháo binh ở đập Đa Nhím, địa phương quân thuộc tiểu đoàn 48, rải quân chốt ở các ấp Phú Thuận, Lâm Tuyên, Hòa Bình, thay một số trưởng ấp. Tình hình tranh chấp giữa ta và địch diễn ra căng thẳng, cán bộ của ta ở ngoài bàn đạp không thể vào bắt liên lạc với bên trong, hạn chế việc tiếp tế lương thực, thực

¹ Cơ sở cốt cán ở khu lò gạch Lạc Xuân như bà Cao Thị Khảm (bà Trường), bà Đặng Thị Chư, bà Nguyễn Tài Khẩn, anh Nguyễn Lượng ở Lạc Bình, ông Nguyễn Thòa ở Châu Sơn, ông Đỗ Trọng ở xưởng cưa Châu Sơn, các chị Huỳnh Thị Minh Tâm (nay ở Đà Lạt), Nguyễn Thị Bích Chiêu (Thạnh Mỹ), Võ Thị Ký (nay về Quảng Ngãi), Ka Lâm (Labouye - Lạc Bình), bà Trương Thị Đồn sau giải phóng về Bình Định sinh sống được phong tặng Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, đau bệnh chết năm 2003.

² Tổ du kích mật Lạc Bình có đồng chí Trần Lôi (Phương), sau giải phóng về quê công tác giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Tam Quan, Bắc Hoài Nhơn - Bình Định nay đã nghỉ hưu; đồng chí Nguyễn Liều thoát ly năm 1970 hy sinh ở Bình Định.

phẩm cho các đội công tác và lực lượng vũ trang, một số cơ sở của đội công tác K2, K3 bị địch bắt bớ, đánh đập, giam cầm, các đội công tác không tiếp cận được với dân, một số cơ sở phải chuyển hướng hoạt động. Trước tình hình đó, chi bộ kịp thời chỉ đạo tiến hành công tác tư tưởng, công tác tổ chức, quy định lại các hòm thư bí mật, các địa điểm tiếp tế để tránh bị địch phát hiện. Với những phương pháp trên đã tạo điều kiện cho các đội công tác bám trụ vững chắc, xây dựng phong trào, thường xuyên nắm tình hình địch, tiếp nhận sức người sức của từ bên trong tiếp tế ra. Ở Lạc Nghiệp, các cơ sở quần chúng được củng cố vững chắc như ấp Phú Thuận, móc nổi và phát triển trên 10 cơ sở bên trong, lực lượng cốt cán xây dựng từ những ngày đầu được kết nạp Đảng, đó là Đoàn Văn Hải (bí số T1), Nguyễn Tứ (Tư thợ mộc T2), Trương Bửu (T3); ấp Hòa Bình phát triển thêm 4 cơ sở, trong đó xây dựng tổ du kích mật¹. Thông qua các hòm thư mật, cơ sở cách mạng thường xuyên thông báo tình hình địch để ta chủ động đánh địch hoặc kịp thời đối phó khi chúng mở các cuộc càn quét.

Tháng 2/1967, chi bộ Phú Thuận thành lập có 3 đảng viên do đồng chí Đoàn Văn Hải làm Bí thư. Chi bộ Phú Thuận đã hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của các đoàn thể như Đoàn Thanh niên giải phóng, Hội phụ nữ giải phóng, du kích mật. Chi đoàn thanh niên giải phóng Việt Nam thôn Phú Thuận có đồng chí Đoàn Thị Liêu - Bí thư chi đoàn, Phan Tuấn Kiệt, Đoàn Câu (Thắng), Nguyễn Thị Giỏi (Thủy). Chi bộ Phú Thuận đã rút gần 40 thanh niên thoát ly²,... bổ sung cho các đơn vị của huyện và tỉnh. Chi bộ đã cùng bộ đội và đội công tác diệt ác trừ gian ở Phú Thuận, Hòa Bình, đánh mìn phá 4 đầu máy xe lửa tuyến Tháp Chàm - Đà Lạt, chủ yếu là tàu mở đường chở quân vụ cho địch, trong đó đánh một đầu máy xe lửa tại cầu xe lửa xóm Rẫy (Phú Thuận) giữa ban ngày lúc 10 giờ trưa, cách đồn nguy 1000m. Hoạt động của chi bộ được nhân dân tín nhiệm và làm cho địch lúng túng, nhiều tên ác ôn lo sợ không dám ra mặt chống đối như trước. Âm mưu lập ấp chiến lược khu vực Phú Thuận, Hòa Bình địch không thực hiện được.

Trong suốt quá trình tồn tại, mặc dù bị địch theo dõi, khủng bố³ nhưng chi bộ Phú Thuận, chi bộ đầu tiên của Đơn Dương trong thời kỳ chống Mỹ đã có những đóng góp quan trọng cho phong trào cách mạng ở Đơn Dương.

Trong năm 1967, Ban cán sự Đảng Đơn Dương chủ trương tích cực dùng lực lượng vũ trang đột nhập ấp, đẩy mạnh hơn nữa phong trào xây dựng cơ sở. Đại đội 830 công binh của tỉnh liên tục bám đường 11 và đường xe lửa, dùng mìn đánh các đoàn tàu và xe vận tải ở tất cả các tuyến đường, gây thiệt hại lớn quân lực và vật chất của địch. Như vậy, kể từ khi thành lập Ban cán sự Đảng Đơn Dương, phong trào cách mạng phát triển rộng từ Xuân Trường đến Lạc

¹ Tổ du kích mật Hòa Bình gồm 3 đồng chí: Nguyễn Thị Trị (Thủy) hiện ở Tổ dân phố Hòa Bình, Nguyễn Thị Xuân là thương binh sau năm 1975 về quê Bình Định; Nguyễn Thị Lan (Lan) hiện ở xã Hoài Hương (Bình Định).

² Trong số thanh niên thoát ly đầu tiên có Huỳnh Giỏi, Dương Hữu Minh,... hiện sinh sống ở Tổ dân phố Phú Thuận.

³ Đồng chí Đoàn Văn Hải, Bí thư Chi bộ bị bắt giam, sau đó địch thả ra vì không khai thác được gì. Huyện ủy Đơn Dương rút đồng chí ra hậu cứ đầu năm 1969. Chi bộ Phú Thuận hoạt động đến cuối năm 1972, các đảng viên Chi bộ bị địch bắt, tù đầy không còn đủ điều kiện để hoạt động.

Nghiệp, Lạc Xuân, Ka Đô, Thanh Mỹ, Bắc Hội. Các đội công tác và cơ sở quần chúng tích cực đưa phong trào tiến lên những bước mới, thực lực cách mạng được củng cố ở cả vùng đồng bào Kinh và dân tộc. Cùng với quân dân tỉnh và huyện nhà, quân dân xã Lạc Nghiệp đã sẵn sàng bước vào cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968.

II. Quân và dân Lạc Nghiệp trong cuộc tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968

Chiến lược “chiến tranh cục bộ” thất bại buộc Mỹ phải chuyển từ thế tấn công sang phòng ngự bị động. Cuối năm 1967, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở cuộc tấn công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam, đánh mạnh vào ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ. Tại Tuyên Đức, Đà Lạt có những thuận lợi cơ bản, nhất là phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng và hoạt động của lực lượng vũ trang gây cho địch nhiều thiệt hại. Ở Đơn Dương, với phương châm kiên trì bám dân, xây dựng cơ sở, tích cực tiêu hao sinh lực địch, phát động quần chúng đấu tranh phá kềm, phong trào cách mạng phát triển đều khắp các xã phía Đông và Đông Bắc của tỉnh, các cơ sở quần chúng ở Phú Thuận, Hòa Bình, xã Xuân Trường phối hợp với hoạt động của các đội công tác, các đơn vị bộ đội của tỉnh và quân khu đã tạo khả năng khống chế địch trên đường 11. Ở phía Đông Nam tỉnh, lực lượng cách mạng làm chủ vùng K67 giáp giới với Di Linh, kéo dài đến xã Ka Đơn. Chuẩn bị bước vào chiến dịch, ngoài các đội công tác, quân khu còn tăng cường thêm đại đội C3 tiểu đoàn 610 với phiên hiệu 815 hoạt động trên địa bàn huyện. Những thuận lợi đó là điều kiện để quân dân Đơn Dương bước vào cuộc tấn công nổi dậy mùa Xuân năm 1968. Ban cán sự Đảng Đơn Dương chỉ đạo các đội công tác nhanh chóng triển khai trên các hướng.

Tại Phú Thuận, Hòa Bình, Lạc Xuân các đội công tác đã vũ trang đánh địch, tổ chức quần chúng và giao nhiệm vụ cho cơ sở treo cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng, rải truyền đơn, vận động binh lính bỏ hàng ngũ địch trở về với cách mạng. Bọn địch vô cùng hoang mang dao động.

Hòa cùng khí thế tiến công và nổi dậy, hưởng ứng cuộc vận động của Ban cán sự Đảng, đầu Xuân năm 1968, tại Phú Thuận và một số xã khác nhiều quần chúng gia nhập lực lượng vũ trang hoặc vào căn cứ đi kháng chiến.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu, lực lượng vũ trang giải phóng đã tấn công nhiều mục tiêu trên các hướng của Đà Lạt. Tuy vậy, quân ta không chiếm được các mục tiêu đã định vì địch tăng cường phản kích. Cuối tháng 02 năm 1968, Đảng ủy mặt trận và Tỉnh ủy Tuyên Đức chủ trương để lại một phần lực lượng tiếp tục đánh địch, phần lớn các đơn vị vũ trang ra hoạt động ở vùng nông thôn, đại đội 815 rút về Đơn Dương tiếp tục công tác.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cuộc tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968 đã phát triển lên một bước mới. Khởi nghĩa giành chính quyền của quân dân Ka Đô xuân Mậu Thân 1968, cùng với việc giữ chính quyền cách mạng lâu nhất của tỉnh đã cổ vũ rất lớn tinh thần chiến đấu của quân dân Lạc Nghiệp góp phần

cùng với huyện, tỉnh và cả nước tiếp tục làm nên chiến thắng vẻ vang, đập tan chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Tháng 4 năm 1968, Tỉnh ủy quyết định chuyển Ban cán sự Đảng Đơn Dương lên thành lập Huyện ủy, thành lập Huyện đội.

CHƯƠNG III

QUÂN VÀ DÂN LẠC NGHIỆP (D’RAN) TRONG ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐỊCH, NẮM VỮNG THỜI CƠ TIẾN LÊN GIẢI PHÓNG XÃ NHÀ, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG (1969 - 1975)

I. củng cố thực lực cách mạng tại chỗ, làm thất bại âm mưu bình định ở địa phương (1969 - 1972)

Tháng 11 năm 1968, Khu ủy mở Hội nghị kiểm điểm tình hình và đề ra chủ trương: *Nắm vững thời cơ, đẩy mạnh tấn công địch ở cả thành phố, vùng ven, vùng xung yếu ở nông thôn, phá tan âm mưu “quét và giữ” của chúng.*

Tại Đơn Dương và các địa phương khác trong tỉnh, đầu năm 1969 địch tiếp tục dồn dân ở vùng sâu, vùng xa đường giao thông, đồn bót về nơi tập trung do chúng kiểm soát, âm mưu cắt đứt liên lạc giữa lực lượng bên ngoài với cơ sở cách mạng bên trong. Để củng cố bộ máy kèm, tăng cường lực lượng bổ sung cho những nơi yếu, địch đưa các đoàn bình định nông thôn, các đơn vị lính bảo an xuống ấp, sử dụng bọn gián điệp, mật báo theo dõi hoạt động của cơ sở và lực lượng ta từ bên ngoài vào.

Quyết tâm thực hiện Nghị quyết của Khu ủy, quân dân Đơn Dương liên tiếp đánh địch ở các địa bàn Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Thạnh Mỹ. Bằng nhiều hình thức linh hoạt như phục kích, diệt đồn, bắn tĩa, dùng nhiều loại vũ khí, bom mìn tự tạo, chiến sĩ lực lượng vũ trang đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Tháng 3/1969, tiểu đoàn 200C kết hợp với bộ đội địa phương đánh vào trận địa pháo Đa Nhím, đại đội bảo an bảo vệ công trình thủy điện, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Cùng thời gian này, đại đội 815 đánh đồn Eo Gió, đội công tác K3 đột áp Phú Thuận, Hòa Bình, các đội công tác hoạt động trên đường 21Bis tiến hành đột nhập các ấp Lạc Bình, Lạc Xuân, Quảng Hiệp, Bắc Hội, rải truyền đơn, diệt ác phá kềm, hỗ trợ và tạo thế làm chủ cho phong trào quần chúng.

Trên đà thắng lợi của những hoạt động vũ trang, Tỉnh ủy Tuyên Đức mở Hội nghị, nêu quyết tâm mở rộng địa bàn vùng ven Đà Lạt và nông thôn, gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh lớn mạnh, sẵn sàng phối hợp với chiến trường Khu 6 đưa phong trào quần chúng tiến lên.

Ngày 6 tháng 6 năm 1969, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời của tỉnh Tuyên Đức và huyện Đơn Dương được thành lập trên địa bàn huyện, làm cơ sở

pháp lý để tiến hành đấu tranh chính trị với địch tại địa phương phục vụ cho đấu tranh chính trị ở nghị trường quốc tế theo chỉ đạo của Trung ương.

Những tháng giữa năm 1969, lực lượng vũ trang của huyện liên tục tấn công các ấp chiến lược gây cho địch nhiều thiệt hại. Liên tiếp trong tháng 7 và tháng 8 lực lượng vũ trang phối hợp với các đội công tác đột nhập ấp Lạc Xuân, Phú Thuận,... vừa tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, vừa diệt ác trừ gian, bắt giáo dục một số tề điệp làm cho địch vô cùng hoang mang, hoảng sợ.

Trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang trên đà thắng lợi, ngày 2/9/1969, Bác Hồ kính yêu của dân tộc ta từ trần, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân biến đau thương thành hành động cách mạng. Đảng bộ, nhân dân các dân tộc bằng nhiều hình thức đã tổ chức lễ tang, lập bàn thờ truy điệu Bác. Tưởng nhớ công ơn Bác Hồ và hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Huyện ủy phát động phong trào thi đua giết giặc lập công. Các đơn vị vũ trang và đội công tác tích cực hoạt động đánh địch gây tổn thất lớn cho địch. Địch tập trung đánh phá, phản ứng quyết liệt trên địa bàn xã, ấp nhưng phong trào trong huyện vẫn đứng vững, hiệu quả tấn công địch đạt cao. Hoạt động của quân dân Đơn Dương năm 1969 đã đẩy lùi âm mưu bình định cấp tốc, làm thất bại kế hoạch “quét và giữ” của địch. Ở nhiều nơi như Lạc Xuân, Lạc Bình, Phú Thuận, Hòa Bình... địch không thực hiện được ý đồ dồn quân bắt lính, bộ máy ngụy quyền ở cơ sở mất tác dụng khống chế nhân dân, binh lính và bọn ác ôn, tề điệp hoang mang, giảm sút tinh thần.

Đêm 19 rạng 20/1/1970, tiểu đoàn 200C được quân khu tăng cường cho huyện phối hợp với đại đội 815, đội công tác đánh chi khu, chi cảnh sát quận Đơn Dương và Hội đồng xã Lạc Nghiệp. Kết quả ta phá hủy chi cảnh sát, tiêu diệt hàng chục tên gồm bảo an, cảnh sát, trong đó có tên quận trưởng và 01 tên thiếu tá cố vấn Mỹ; số địch còn lại bỏ chạy. Cũng ngay trong đêm đội công tác K2 do đồng chí Phan Công Chúng chỉ huy đánh bọn phòng vệ dân sự ấp Lạc Thiện, giải tán 02 tiểu đội và thu 10 súng; đội công tác K3 vào Lâm Tuyên rải truyền đơn, gài mìn vào cờ, địch tháo gỡ cờ, mìn nổ gây sát thương. Trận đánh vào trung tâm quận lỵ lần này là lần thứ hai các lực lượng vũ trang của ta tiến công cứ điểm quan trọng cấp quận làm tổn thất nặng nề cho địch và lần đầu tiên có một sỹ quan cấp tá của Mỹ bỏ mạng tại chiến trường Đơn Dương.

Thực hiện đợt hoạt động Xuân Hè (lấy tên là đợt tập kích TK), từ cuối tháng 3 đến tháng 6 năm 1970, lực lượng vũ trang và các đội công tác liên tiếp tổ chức đánh địch trên địa bàn huyện. Các đội công tác phối hợp tác chiến chặt chẽ với bộ đội địa phương đột nhập các ấp Phú Thuận, Lạc Xuân,... đánh bọn bình định nông thôn, phòng vệ dân sự làm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phần lớn bộ máy kèm ở cơ sở tan rã.

Đội công tác K3, lãnh đạo phong trào trong hoàn cảnh thực sự khó khăn, bên ngoài địch hành quân mai phục, bên trong chúng tăng cường khủng bố. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Chi bộ Đội công tác K3 đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, giữ vững được phong trào cách mạng trong hoàn cảnh đói cơm lạt

muối, quân số ít và nhiều đồng chí lãnh đạo của Đội lần lượt hy sinh¹ nhưng toàn đội không dao động, bi quan thể hiện ý chí kiên trung không sợ hy sinh.

Sau thắng lợi của đợt hoạt động Xuân Hè năm 1970, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Đức lần thứ I được tiến hành từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 1970. Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Đơn Dương mở Đại hội Đại biểu lần thứ I tại hậu cứ, đồng chí Trương Bửu (T3) thay mặt tổ chức cơ sở Đảng K3 vinh dự được dự Đại hội. Đại hội bầu Ban Chấp hành mới, đồng chí Chế Đăng làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Phú Hộ - Ủy viên Ban Thường vụ làm Thường trực Đảng.

Huyện ủy quyết định thành lập Đoàn thanh niên giải phóng, đồng chí Trần Kim Nhựt được cử làm Bí thư Đoàn thanh niên giải phóng.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện, tình hình mọi mặt ở huyện nhà có bước chuyển biến. Về quân sự, đơn vị 185 tách thành Đại đội 814 và 815; về chính trị, chỉ đạo của Huyện ủy từ K67 (đầu năm 1971 đã sáp nhập về Đơn Dương) đến các xã phía Nam sông Đa Nhim, dọc đường 21 bis đã có sự tập trung, thống nhất, tạo sức mạnh cho quần chúng đấu tranh chống địch, củng cố thực lực cách mạng ở cơ sở.

Sau khi được củng cố và tăng cường, Huyện ủy phân công hoạt động của các đơn vị như sau: Đại đội 815 đứng chân tại khu vực tam giác Hồ Tiên, chịu trách nhiệm tuyến đường 21 bis và 11, đại đội 814 phía Nam sông Đa Nhim, đơn vị 830 hoạt động từ vùng Càn Rang, Eo Gió, Phú Thuận. Cùng phối hợp với các đơn vị vũ trang, các đội công tác đẩy mạnh hoạt động móc nối xây dựng cơ sở, củng cố những nơi bị mất liên lạc.

Về phía địch, địch đẩy mạnh vũ trang cho lực lượng phòng vệ dân sự, đưa thám báo, biệt kích lùng sục hậu cứ, phát triển hệ thống mật vụ, nghĩa quân kèm chặt, kiểm soát việc đi lại làm ăn của nhân dân, gây nhiều khó khăn cho ta.

Những tháng đầu năm 1971, đại đội 814, 815 liên tục đánh vào các ấp Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp (Ka Đô), Phú Thuận, Hòa Bình (Lạc Nghiệp) vừa tiêu diệt lực lượng kèm, tề điệp, mật báo vừa phục kích đánh bọn dân vệ trong ấp. Ngoài ra, các đơn vị còn vận dụng cách đánh theo phân đội nhỏ, tháo gỡ bom mìn địch cài để đánh lại chúng.

Tháng 11/1971, đơn vị A16 (tức 200C) của quân khu cùng đội công tác K3 đột áp Hòa Bình vũ trang tuyên truyền và diệt một ác ôn, bắt một số nhân dân tự vệ cảm hóa tại chỗ rồi thả về, có người được ta cảm hóa giáo dục, giao nhiệm vụ, tạo điều kiện cho cơ sở cách mạng hoạt động. Cũng trong thời gian này ta liên tục vũ trang tuyên truyền ở các ấp Đường Mới, Lâm Tuyền, cơ sở bên trong rải truyền đơn sát chân đập Đa Nhim ấp Quảng Lạc gây khí thế cách mạng trong quần chúng.

¹ Đồng chí Trần Ngọc Anh, Đội trưởng kiêm Bí thư chi bộ hy sinh, sau đó đồng chí Trần Sướng, Đội trưởng lên thay cũng hy sinh vào đêm 30 Tết Canh Tuất (1970) tại Phú Thuận

Trên địa bàn huyện Đơn Dương, lực lượng vũ trang của huyện vẫn tích cực chủ động tấn công, không cho chúng tạo vành đai trắng ngăn lực lượng cách mạng thâm nhập. Đội công tác K3 tăng cường củng cố lực lượng bên trong, lấy ấp Phú Thuận và Hòa Bình làm chỗ dựa để phát triển cơ sở mới ở Càn Rang, Đường Mới, Lâm Tuyên, Quảng Lạc, tiếp tục xây dựng cơ sở mới bí danh Đường 1 hoạt động nội tuyến; ở Phú Thuận xây dựng tổ du kích mật gồm B8, B10 và B12¹ trong đó B8 nằm trong lực lượng phòng vệ dân sự của địch; ở Đường Mới do móc nối cơ sở Phú Thuận phát triển cơ sở Z52, Z53; xây dựng cơ sở thanh niên hoạt động tại chỗ và hoạt động tại ấp Quảng Lạc²; tăng cường nắm tình hình của địch, rải truyền đơn, móc nối cơ sở ở trung tâm thị trấn. Tuy nhiên, địch đánh phá ác liệt cũng gây cho ta nhiều tổn thất, cơ sở bên trong bị kềm kẹp, khủng bố, nhưng dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ Đội công tác K3 đã không ngừng hoạt động xây dựng và giữ vững phong trào; phát triển thêm nhiều cơ sở bên trong, phối hợp với đại đội 830 tăng cường hoạt động vũ trang, tạo được niềm tin trong nhân dân vào thắng lợi của cách mạng. Trong giai đoạn này, Huyện ủy tăng cường đồng chí Hoàng Trinh, Huyện ủy viên về chỉ đạo, đồng chí Nguyễn Hiến, Đội trưởng kiêm Bí thư. Cuối năm 1971, Huyện ủy rút đồng chí Hoàng Trinh về chỉ đạo Đội K4, đồng thời tăng cường đồng chí Thượng Nam, cán bộ an ninh Tỉnh về chỉ đạo. Sau khi đồng chí Nguyễn Hiến hy sinh, Huyện ủy điều đồng chí Nguyễn Văn Luận về làm đội trưởng K3. Năm 1972, đồng chí Thượng Nam rút về Tỉnh; Huyện ủy điều đồng chí Phi Sơn, Trưởng Ban an ninh của huyện về trực tiếp chỉ đạo phong trào; đồng chí Nguyễn Văn Luận về Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Thị Hiền (cô Ba Biểu) được phân công đội trưởng K3 trong thời gian ngắn (hơn 8 tháng) sau về lại Huyện ủy. Lúc này Đội công tác chỉ có 5 đồng chí hoạt động cùng với đại đội 830 đứng chân trên địa bàn.

Bước sang năm 1972, địch chủ trương quân sự hóa bộ máy ngụy quyền đến ấp, chúng tập trung lực lượng ngoan cố thực hiện chương trình bình định với nhiều âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt; mở những cuộc càn quét có phi cơ, pháo binh yểm trợ đánh phá hậu cứ ta.

Thực hiện chủ trương của Hội nghị Tỉnh ủy về đánh phá kế hoạch bình định của địch từ cuối năm 1971, Huyện ủy tiến hành củng cố lực lượng vũ trang, tập trung các đơn vị và đội công tác đánh vào bộ máy kèm của địch ở các ấp dọc đường 21 bis. Đêm ngày 6 rạng ngày 7/5/1972, các đơn vị vũ trang và đội công tác đột nhập ấp Hòa Bình, Phú Thuận rải truyền đơn, dùng cơ sở cách mạng vận động chuyển hóa bộ máy ngụy quyền, xây dựng thêm nhiều cơ sở cách mạng.

Cuối năm 1972, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ phá sản, Mỹ buộc phải chấp nhận sự liên hiệp do Chính phủ ta đưa ra tại Hội nghị Paris (08/10/1972). Ở Đơn Dương, bọn địch đẩy mạnh hoạt động nhằm thực hiện âm mưu chiếm đất, giành dân, mở rộng vùng chúng kiểm soát, củng cố đồn bót,

¹ B8 là đồng chí Nguyễn Minh Quang (Chi huy), B10 là đồng chí Huỳnh Ngân, B12 là đồng chí Nguyễn Trọng Hợp.

² Cơ sở gồm 3 người, đó là các anh Nguyễn Huy Hoàng (Nhân), Hà Hồng và chị Hà Thị Minh Tâm.

tăng cường hành quân càn quét lấn chiếm vùng ta làm chủ. Chúng đặt các trạm quân sự trên trục lộ, củng cố chi khu Đơn Dương, thành lập phân chi khu ở mỗi xã.

Thực hiện “Kế hoạch thời cơ”¹ của toàn miền Nam, từ tháng 10 năm 1972 lực lượng vũ trang liên tục đột nhập ấp, cấm cò Mặt trận dân tộc giải phóng ở các địa bàn trong toàn huyện, vận động quần chúng đấu tranh giành đất, giành dân; nổi bật là hoạt động của các đơn vị 814, 815, 830 kết hợp với các đội công tác đột vào ấp Phú Thuận, Hòa Bình, Lạc Xuân, Lạc Bình, Quảng Hiệp, Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp.

Tháng 12 năm 1972, Huyện ủy quyết định thành lập Ban chỉ huy tiền phương ở đội công tác K3 do đồng chí Trần Mười, Huyện đội trưởng trực tiếp chỉ đạo. Lực lượng lúc bấy giờ được tăng cường Đại đội 830, Đại đội 815 phối hợp với đội công binh A17 của tỉnh Ninh Thuận (tuy phiên hiệu là 3 đơn vị nhưng thực chất quân số có 20 đồng chí); K3 có 3 đồng chí và Huyện đội 5 đồng chí. Nhiệm vụ chủ yếu là vũ trang tuyên truyền đánh địch đột nhập tạo khí thế bên trong. Ấp Phú Thuận lúc này được chia làm 3 khu: Khu A, B, C²; các ấp Hòa Bình, Lâm Tuyên, Quảng Lạc, Đường Mới vẫn giữ nguyên. Trước và sau Hiệp định Pari 27/1/1973, tuy lực lượng ta có ít nhưng đã thực hiện được nhiều nhiệm vụ: đột nhập vũ trang tuyên truyền thường xuyên vào các ấp Hòa Bình, Phú Thuận, Lâm Tuyên, Quảng Lạc; tổ chức phục đánh địch ở đèo Ngoạn Mục, tiêu diệt một số tên sỹ quan của tiểu đoàn 48; đánh địch ở đồi miếu Ông Cọp (Phú Thuận); đánh sập Cống Bể (Phú Thuận), gài mìn trụ điện ở Phú Thuận... khí thế cách mạng dâng cao, địch hoang mang nao núng.

Sau bốn năm chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1972), do lực lượng của ta ít, phải trải ra đánh địch trên diện rộng nên đã gặp không ít khó khăn, tổn thất, nhưng với sự lãnh đạo của Huyện ủy, của tổ chức cơ sở Đội công tác K3, quân dân Lạc Nghiệp không ngừng phấn đấu, vượt qua mọi thử thách cùng quân dân trong huyện, tỉnh và toàn miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc đế quốc Mỹ phải ký hiệp định Paris chấm dứt sự can thiệp trực tiếp vào miền Nam Việt Nam.

II. Chống địch lấn chiếm, chuẩn bị lực lượng đón thời cơ góp phần giải phóng huyện Đơn Dương (1973 - 1975)

Chiến thắng to lớn và liên tiếp về quân sự ở cả hai miền Nam Bắc buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ký kết hiệp định Paris vào ngày 27/1/1973. Thắng lợi của hiệp định Paris đánh dấu bước ngoặt lịch sử làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng nước ta, tạo ra khả năng sớm hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

¹ “Kế hoạch thời cơ” là tranh thủ vận động nhân dân cùng các lực lượng vũ trang nổi dậy giành đất, giành dân, tranh chấp với địch.

² Khu A từ xóm ga đến thác Thiên Thai

Khu B từ xóm chùa chạy về cầu Phú Thuận

Khu C từ khu vực xóm Rẫy đến nhà ông Jean de Lachaise (Laxe).

Chờ đón hiệp định được chính thức ký kết và có hiệu lực thi hành, các tầng lớp nhân dân lao động ở Đơn Dương rất phấn khởi, không khí hòa bình lan rộng. Đêm ngày 26 rạng ngày 27/1/1973, quân và dân Đơn Dương đồng loạt vũ trang tuyên truyền chiến thắng, cắm cờ giành đất, đơn vị 815, đội công tác K3, K2, K4 đã rải truyền đơn ở Phú Thuận, Lạc Xuân, Ka Đô.

Trong năm 1973, các đơn vị vũ trang và đội công tác trên địa bàn huyện gặp không ít khó khăn do quân số giảm sút; bên cạnh đó, địch tăng cường khủng bố, bắt bớ cơ sở, gây tổn thất cho phong trào. Các đơn vị vũ trang và đội công tác nhiều lần đột nhập áp bị phục kích, vướng mìn. Ngày 5/3/1973 đội công tác K3 và một tổ vũ trang của đại đội 814 đột nhập vào ấp Phú Thuận. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, trên đường trở về căn cứ đơn vị bị địch phục đánh. Trong trận đánh này, ta tổn thất 7 đồng chí, trong đó có 4 đồng chí hy sinh, 3 đồng chí bị thương. Đội công tác K3 có nguy cơ bị xóa phiên hiệu. Toàn đội chỉ còn 01 đoàn viên (Phan Tuấn Kiệt), 01 đồng chí ở Đại đội 830 (đồng chí Tông) và 01 đồng chí ở Đại đội 815 (đồng chí Vũ Xuân Bịch) cùng với đồng chí nữ y tá Võ Thị Cận¹.

Trước tình hình đó, tháng 3 năm 1973, Huyện ủy triệu tập các đơn vị vũ trang, đội công tác về hậu cứ học tập, phổ biến nhiệm vụ của Khu ủy, Tỉnh ủy. Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ cụ thể là tiếp tục tấn công địch về chính trị, binh vận, có vũ trang hỗ trợ, đẩy mạnh sản xuất ở hậu cứ, chuẩn bị lương thực, thực phẩm bảo đảm cho công tác, chiến đấu và hỗ trợ đồng bào vùng hậu cứ đang bị mất mùa, thiếu muối, vải mặc,...

Hoạt động Đội công tác K3 thực sự khó khăn nhưng vẫn duy trì. Đầu năm 1974, đồng chí Phan Tuấn Kiệt được kết nạp vào Đảng. Bên Đội K2 hai đồng chí Trọng và đồng chí Diễm (chưa rõ họ) hy sinh, không có người bổ sung nên Huyện ủy quyết định sáp nhập K3 vào K2. Phạm vi hoạt động của K2 từ Phú Thuận đến Lạc Bình - Labouye.

Tháng 6 năm 1974, trong một trận càn của địch, đồng chí Vũ Tâm - Tỉnh ủy viên dự khuyết, Bí thư Huyện ủy Đơn Dương hy sinh, Tỉnh ủy quyết định thu gọn Huyện ủy Đơn Dương thành Ban cán sự Đảng.

Do quân số giảm, Ban cán sự Đảng huyện tiến hành sáp nhập các đơn vị 830, đơn vị 814 và 815 thành Đại đội 815, chuyển vị trí đóng quân về khu tam giác Hồ Tiên. Các đội công tác cũng chuyển về bám địa bàn khu tam giác Hồ Tiên - lảng tránh Lạc Bình hoạt động, tiếp tục công tác đánh địch lấn chiếm, bảo vệ địa bàn hoạt động của ta.

Cuối năm 1974, Tỉnh ủy quyết định giải thể Ban cán sự Đảng Đơn Dương thành lập Ban cán sự Đảng đứng chân khu tam giác Hồ Tiên trực thuộc Thị ủy Đà Lạt, chỉ định đồng chí Nguyễn Lâm - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Bí thư Ban cán sự. Đồng thời sáp nhập các đội công tác thành ba đội: Đội K1 (được sáp nhập từ đội K1 và K4) do đồng chí Huỳnh Minh Xuyên làm đội trưởng, Đội K2 (được sáp nhập từ đội K3 và K2) do đồng chí Phan Công Chúng

¹ Hiện sống ở Bến Tre

làm đội trưởng, Đội công tác Xuân Trường do đồng chí Phạm Báng làm đội trưởng.

Trước khi sáp nhập, đội công tác K2 chỉ còn 4 người; sau khi sáp nhập Đội có 7 người: đồng chí Phan Công Chúng, đội trưởng; đồng chí Đoàn Việt Thắng, đội phó; đồng chí Phan Tuấn Kiệt, đội phó phụ trách địa bàn hoạt động K3 cũ; Lê Thị Hoa, y tá; về quần chúng có đồng chí Lê Hoài Thanh (Nô), Lê Hữu Công (Chỉ), Trần Thiên (Hoán). Tuy số lượng đội viên ít nhưng địa bàn hoạt động rộng trên cả tuyến Nam, Bắc sông Đa Nhím, hoạt động của Đội công tác từ Lạc Bình, Labouye, Lạc Xuân, Châu Sơn đến Càn Rang, Quảng Lạc, Lâm Tuyên, Hòa Bình, Phú Thuận được duy trì và phát triển, giáo dục, tuyên truyền, vận động Đan viện Châu Sơn, vận động ông Nguyễn Văn Phú, chủ xưởng cửa tiếp tế, ủng hộ, giúp đỡ cách mạng gạo, muối, tiền bạc,...

Dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự, chi bộ Đội K2 giữ vững hoạt động ở địa bàn phụ trách, giữ vững các đầu mối cơ sở ở Lạc Bình, Lạc Xuân, Labouye, móc nối thêm 02 cơ sở ở ấp Châu Sơn là ông Nguyễn Khắc Viện, bà Nguyễn Thị Hân; phát triển thêm một số quần chúng cảm tình cách mạng, các cơ sở nội tuyến hoạt động trong hàng ngũ địch; liên tục giữ vững các đầu mối N2, N4, N6 tại Càn Rang; giữ vững việc móc nối với ông Nguyễn Văn Phú, Đan viện Châu Sơn, anh Nguyễn Lượng (bí danh T5) ở Càn Rang, anh Thiện, ấp phó hành chính Càn Rang, giáo dục cảm hóa thành cơ sở của ta,...Ngoài ra, Đội còn phối hợp với phong trào chung khi Đội công tác khu tam giác diệt áp trưởng Xuân Sơn như rải truyền đơn từ Lạc Bình đến Lạc Thiện kêu gọi tề ngụy bỏ ngũ, chỉ đạo cơ sở bên trong hàng ngũ nhân dân tự vệ ấp Lạc Xuân bí mật chuyển thư cảnh cáo của cách mạng đến áp trưởng.

Bước vào Đông Xuân năm 1974 - 1975, quân dân hai miền liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn. Hội nghị Bộ Chính trị họp từ ngày 30/9 đến ngày 8/10/1974 quyết định phương án giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976. Tiếp đến, đầu tháng 1/1975, Bộ Chính trị tiếp tục bổ sung những phương án giải phóng miền Nam, dự kiến phương án tranh thủ thời cơ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Cuối năm 1974, Tỉnh ủy họp chủ trương tập trung lực lượng tấn công, thực hiện chiến dịch Đông Xuân 1974 - 1975. Tại chi khu Đơn Dương, quận lỵ D'ran địch hoang mang nhưng vẫn tìm cách đối phó, chúng tăng cường lùng sục, gài mìn, đồn đốc việc tuần tra canh gác, bố trí lực lượng cơ động chiến đấu. Chúng cố tình bung bít, xuyên tạc thông tin chiến thắng của ta, bắt bớ những người nghi vấn, tiếp tục thực hiện lệnh giới nghiêm. Trước tình hình đó, Ban cán sự Đảng khu tam giác chỉ đạo các đội công tác và đơn vị vũ trang bám địa bàn, chủ động đánh địch đi lẩn chiếm; lực lượng vũ trang tiến hành đặt chướng ngại vật cản trở giao thông, treo cờ Mặt trận, dán áp phích, rải truyền đơn kêu gọi sĩ quan, binh lính ngụy bỏ súng quay về với nhân dân. Đại đội 815 cùng đội công tác K1, K2 tiếp cận địa bàn ở các khu vực Phú Thuận, Hòa Bình, Lạc Xuân, Ka Đô đến Đa Ròn (Thanh Mỹ), Bắc Hội,...

Diễn biến trên chiến trường Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng,... có ảnh hưởng đến tình hình trong tỉnh và tình hình của Đơn Dương. Sáng ngày 28/3/1975, quân ta giải phóng Bảo Lộc và đến ngày 31/3/1975 giải phóng hoàn toàn tỉnh Lâm Đồng (cũ). Đội công tác, lực lượng vũ trang tiến hành giải phóng Đức Trọng, gây chấn động mạnh đến tình hình Đà Lạt. Bọn địch ở tiểu khu Tuyên Đức, Đại tá Tỉnh trưởng ngụy Nguyễn Hợp Đoàn hoang mang, cùng với binh lính tháo chạy từ Đà Lạt xuống Phan Rang - Tháp Chàm. Cầu Đất được giải phóng, được tin của cơ sở, Đội công tác K2 và lực lượng vũ trang của huyện nhanh chóng tổ chức tiếp quản chiếm chi khu Đơn Dương, chỉ cảnh sát ngụy thu toàn bộ hồ sơ, vũ khí, tài liệu mật. Đúng 8 giờ sáng ngày 2/4/1975, tại sân trung tâm quận, cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được kéo lên, báo hiệu ngày giải phóng quê hương, đánh dấu bước đường đấu tranh cách mạng đầy hy sinh gian khổ của nhân dân Đơn Dương đã hoàn toàn thắng lợi. Chi bộ, Đội công tác K2 hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tại địa phương.

Sáng ngày 2/4/1975, các đội công tác triển khai tiếp quản Thạnh Mỹ, Lạc Lâm, Linh Nhân,... Chính quyền cách mạng được thành lập ở các địa phương trong huyện. Thực hiện nhiệm vụ trước mắt, chính quyền cách mạng tổ chức lực lượng bảo đảm an ninh, kêu gọi binh lính và ngụy quyền trình diện, hướng dẫn nhân dân từng bước ổn định sản xuất, đời sống, triển khai lực lượng du kích bảo vệ các công trình quốc gia như thủy điện Đa Nhim, nhà máy điện, cầu cống trên đường quốc lộ,... không để các phần tử xấu gây rối phá hoại, giữ gìn an ninh trật tự.



*Đồng chí Phan Công Chúng,
Bí thư Chi bộ kiêm Đội trưởng Đội công tác K2*

Sau gần 30 năm trải qua chiến tranh ác liệt, gian khổ, hy sinh, ngày đêm giáp mặt với quân thù, chấp nhận cuộc chiến không cân sức, trong mọi hoàn cảnh quân dân xã Lạc Nghiệp (D'ran) dưới sự lãnh đạo của Đảng đã vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân, đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận giành nhiều thắng lợi; chỉ đạo việc phối hợp của các Đội công tác trên địa bàn, nơi này đánh đồn thì nơi khác đột áp phá kèm diệt tề điệp, ác ôn; rải truyền đơn làm cho kẻ thù khiếp sợ. Trong xây dựng thực lực cách mạng đã chú ý công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên cho trước mắt cũng như phục vụ lâu dài. Kết hợp có hiệu quả việc xây dựng địa phương với cung cấp sức người, sức của theo yêu cầu của cấp trên. Đã có nhiều đồng chí lãnh đạo của đội công tác hy sinh, Đội công tác bị tổn thất nhưng cán bộ của Đảng vẫn anh dũng, kiên trì bám trụ giữ vững phong trào cách mạng cho đến ngày toàn thắng.

Trong đấu tranh, trải qua những năm kháng chiến gian khổ, mất mát hy sinh, quân và dân xã Lạc Nghiệp (D'ran), hệ thống cơ sở trong thôn ấp tuy bị địch bắt, tra tấn, tù đầy nhưng vẫn kiên trung bất khuất một lòng một dạ làm cách mạng từng bước trưởng thành, tích lũy nhiều kinh nghiệm thực hiện mục tiêu đánh thắng kẻ thù bằng chính nội lực của mình.

Trong khói lửa của chiến tranh ác liệt, các cơ sở cách mạng bền gan chịu đựng, không quản hiểm nguy, nuôi giấu cán bộ, tiếp tế cho phía trước, động viên quần chúng thoát ly tham gia cách mạng, đó là nguồn động viên thôi thúc cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ tiếp bước noi theo truyền thống cha anh dũng cảm, ngoan cường chiến đấu tiêu diệt quân thù, giành thắng lợi cho đến ngày toàn thắng 30 tháng 4, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, cùng cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

PHẦN THỨ BA **LẠC NGHIỆP (D'ran) TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ** **BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **(THÁNG 4/1975 - 2010)**

CHƯƠNG I **THIẾT LẬP XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, GIỮ GÌN AN** **NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI, KHÔI PHỤC SẢN** **XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (Tháng 4/1975 - 1976)**

I. Củng cố thực lực cách mạng, xây dựng chính quyền, ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh

Ngày 2/4/1975, D'ran, Đơn Dương hoàn toàn được giải phóng, cùng cả nước kết thúc 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, bước sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập - tự do, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng chí Phan Công Chúng,

đội trưởng K2 được phân công giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban quân quản xã Lạc Nghiệp. Ủy ban quân quản còn có các đồng chí Phan Tuấn Kiệt, Phó Chủ tịch, Trưởng Công an xã¹; đồng chí Lê Hoài Thanh, xã Đội trưởng. Về đoàn thể cách mạng đồng chí Trần Thiên, phụ trách nông dân; đồng chí Phan Văn Minh phụ trách thanh niên,...

Tháng 6/1975, đồng chí Phạm Báng, Bí thư Chi bộ Xuân Trường được điều về Lạc Nghiệp giữ chức vụ Bí thư kiêm Chủ tịch xã thay cho đồng chí Phan Công Chúng về Thanh Mỹ.

Những ngày đầu sau ngày 30/4/1975, nhiệm vụ tiếp quản, ổn định tình hình, thiết lập chính quyền cách mạng ở địa phương để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ diễn ra trong bối cảnh tình hình chính trị xã hội của xã có nhiều diễn biến phức tạp, nguy quân, nguy quyền khá nhiều, thành phần dân cư có hơn 1/3 theo các tôn giáo; một số ít đồng bào dân tộc thiểu số với trình độ nhận thức hạn chế đã lén lút móc nối với bọn phản động FULRO, số nguy quân, nguy quyền không chịu cải tạo cùng với bọn phản động cũ và mới trỗi dậy, chống phá cách mạng.

Tình hình trên đã đặt ra cho cấp ủy, Ủy ban quân quản xã nhiệm vụ rất nặng nề, đầy khó khăn, thử thách: vừa ổn định đời sống, khôi phục sản xuất, vừa đấu tranh trấn áp bọn phản động chống đối chính quyền cách mạng.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy Đơn Dương, Chi bộ và ủy ban quân quản xã đã kịp thời đề ra các nhiệm vụ cụ thể, tạo điều kiện từng bước ổn định tình hình.

Ủy ban quân quản xã tiến hành tiếp quản các cơ sở của chế độ cũ; vận động thu gom các loại vũ khí, chất nổ của địch bỏ lại sau khi tháo chạy; nắm và quản lý các đối tượng nguy quân, nguy quyền, các đảng phái phản động ra kê khai trình diện; có kế hoạch phân loại cho tập trung học tập cải tạo, tuyên truyền giải thích chính sách 10 điểm của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Triển khai thực hiện Nghị quyết của tỉnh, huyện chuẩn bị nhân sự để thành lập các tổ chức đoàn thể và ban nhân dân các thôn.

Tháng 6/1975, hệ thống chính quyền các đoàn thể quần chúng như Hội Nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên từ xã đến thôn được thành lập. Ban công an xã, công an thôn, Ban chỉ huy xã đội, trung đội dân quân tập trung, lực lượng du kích thôn, khóm được xây dựng. Ngoài ra, Công an huyện còn tổ chức một đồn công an đóng tại địa bàn. Số cán bộ trong bộ máy chính quyền, các đoàn thể chủ yếu từ những đồng chí chiến khu trở về, những cơ sở cách mạng tại chỗ và những quần chúng tốt trong phong trào cách mạng.

¹ Tháng 6/1976 đồng chí Phan Tuấn Kiệt chuyển công tác về Xuân Trường, đồng chí Nguyễn Phương Triều lên làm Trưởng Công an xã.

Thực hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sau ngày giải phóng, Ủy ban quân quản xã đã lập hồ sơ 1.176 đối tượng nguy quân, nguy quyền ra trình diện.

Ngày 9/6/1975, số nguy quyền tập trung tại khu cư xá (Lâm Tuyền), số nguy quân tập trung tại nhà thờ Tin Lành (thôn Lạc Thiện) để học tập cải tạo. Các đối tượng học tập cải tạo được tiếp thu đường lối chính sách của Đảng, Chính phủ cách mạng lâm thời; hiểu rõ hơn chính sách của chính quyền cách mạng, được tạo điều kiện để sớm hòa nhập vào đời sống xã hội và trở về đoàn tụ với gia đình.

Tuy mới thành lập, nhưng các tổ chức chính quyền, đoàn thể xã, ban nhân dân các thôn đã phát huy vai trò giáo dục, động viên quần chúng tham gia hoạt động cách mạng bằng việc tổ chức các buổi học tập chính trị giúp cho nhân dân từng bước hiểu về Đảng, về cách mạng, thấy rõ ý nghĩa thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, từ đó xác định trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người dân đối với địa phương, đất nước.

Các tổ chức đoàn thể phối hợp làm tốt công tác phát động quần chúng bảo vệ chính quyền cách mạng; phát động nhân dân bài trừ văn hóa nô dịch phản động; xóa cờ Việt Nam cộng hòa, các khẩu hiệu của chế độ cũ còn tồn lưu, thu hồi sách báo, băng nhạc đòi truy phản động; phát động phong trào đẩy mạnh khai hoang phục hóa nhiều đất đai ở Cà Tọt (nay thuộc tỉnh Ninh Thuận), Hamasing, Châu Sơn, tăng gia sản xuất, trồng hoa màu rau đậu,... tạo nguồn lương thực cứu đói, được nhân dân trong xã hội tích cực tham gia. Trong một thời gian ngắn, hệ thống chính trị mới được hình thành, chính quyền cách mạng và các đoàn thể tuy còn non trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm nhưng đã phát huy được tinh thần trách nhiệm, thực hiện đường lối chủ trương của Đảng đạt được nhiều thành tích. Thành tích đó là động lực thúc đẩy phong trào thi đua hành động cách mạng ở xã trong những ngày đầu đất nước được giải phóng, hòa bình thống nhất.

II. Tiếp tục củng cố chính quyền cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị (1977 - 1986)

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã, với ý chí quyết tâm và nhiệt tình cách mạng, với tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong lao động sản xuất, đã khắc phục khó khăn phấn đấu vươn lên, giành nhiều thành tích trên các mặt như:

Về sản xuất nông nghiệp: Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, V; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, Chi bộ xã Lạc Nghiệp đã quán triệt và vận dụng những quan điểm tư tưởng trên mặt trận phát triển kinh tế mà trước tiên xác định rõ cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp, đặc biệt coi trọng sản xuất lương thực, thực phẩm kết hợp phát triển cây công nghiệp ngắn và dài ngày.

Qua các năm diện tích các loại cây trồng được mở rộng, đến niên vụ 1984 - 1985, diện tích lúa 02 vụ tăng lên 241 ha, cây mì 250 ha, dong riềng, các loại

đậu đỗ. Tổng sản lượng lương thực 3.074 tấn tăng 274 tấn (so với năm 1984); bình quân lương thực đầu người 315kg/năm; duy trì diện tích cây mía 80 ha, tăng 30 ha (so với năm 1984), hàng năm có trên 300 tấn đường thô bán cho Nhà nước.

Ngoài phát triển cây lương thực, Chi bộ quan tâm chỉ đạo phát triển cây công nghiệp như cây dâu tằm ở Quảng Lạc, Lạc Quảng, đặc biệt cây cà phê trồng mới 10 ha trong kinh tế vườn hộ; cây ăn trái như hồng, bơ, mít,... được trồng mới với diện tích 05 ha.

Cùng với trồng trọt đã đẩy mạnh chăn nuôi tạo thế cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, giải quyết phân bón và sức kéo cho sản xuất nông nghiệp, đồng thời cung cấp được nguồn thực phẩm giải quyết cho đời sống nhân dân và làm nghĩa vụ với Nhà nước. Tổng đàn heo 1.583 con, tăng 183 con (so với năm 1983), tăng 680 con (so với năm 1978); đàn trâu bò 998 con, tăng 152 con (so với năm 1978) và các loại gia súc, gia cầm khác như ngựa, gà, vịt,... cũng tăng, nghề nuôi cá nước ngọt được phát triển. Nhờ có chăn nuôi trong khu vực gia đình nên hàng năm cung cấp lượng phân hữu cơ bình quân 3.600 tấn/năm phục vụ cho cây trồng. Mạng lưới thú y từ xã đến thôn và tập đoàn, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được chú ý chỉ đạo nên công tác phòng ngừa dịch bệnh gia súc, gia cầm có kết quả.

Về lâm nghiệp, Nghị quyết Huyện ủy có nêu *"Rừng, trong đó chiếm đại bộ phận rừng thông thuần chủng, là một trong những thế mạnh của huyện"*. Xã Lạc Nghiệp có diện tích rừng khá lớn 9.750ha. Do nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của rừng, xã đã đề ra nhiều biện pháp tổ chức thực hiện như thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm trưởng ban; bố trí lực lượng dân phòng phối hợp ngành kiểm lâm huyện phân công từng khu vực quản lý, bảo vệ rừng; phòng chống và chữa cháy rừng mùa khô, số vụ cháy rừng giảm hàng năm; 1985 cháy 6ha rừng; giảm 6 ha so với năm 1984 và giảm 11 ha (so với năm 1983),... chỉ đạo và phát động trồng cây gần 2 ha trên đất trống, đồi trọc ở Lạc Thiện để chống xói mòn, thắng bằng chống gió, năm 1984 hợp đồng với xí nghiệp lâm nghiệp trồng mới 6,5ha rừng thông; năm 1985 trồng mới rừng tập trung 67 ha, trong đó có 60 ha rừng thông.

Về công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp: Chi bộ xã xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên; trong bước đi ban đầu yêu cầu phải khẩn trương nhưng vững chắc, năm 1978, xây dựng 14 tập đoàn sản xuất ở các thôn, khóm. Năm 1979, củng cố các tập đoàn sản xuất theo nội dung 5 quản; tập thể hóa trên 305 ha canh tác, hơn 150 sức kéo (chủ yếu trâu, bò); 934 hộ vào tập đoàn sản xuất. Một số tập đoàn thời gian đầu đã tổ chức sản xuất đúng hướng, kinh doanh có kế hoạch; năng suất cây trồng và năng suất lao động tăng; thu nhập của tập đoàn viên và việc bán nghĩa vụ đối với Nhà nước qua các năm cao hơn đã tạo được không khí đoàn kết, hăng hái tham gia lao động sản xuất; trong các tập đoàn đã xuất hiện nhiều tập thể điển hình tiên tiến như tập đoàn sản xuất khóm III, tập đoàn sản xuất thôn Hòa Bình, thôn Đường Mới,... năng suất lúa bình quân từ 46,6 tạ đến 53,3 tạ/ha; thu nhập bình quân ngày công lao

động của xã viên là 4,2kg thóc và 1,6 đồng (năm 1979). Cuối năm 1979 Chi bộ thống nhất chủ trương tổ chức chia lại kinh tế phụ gia đình cho 14 tập đoàn; việc quản lý ruộng đất được tiến hành chặt chẽ hơn và việc công khai tài chính dần đi vào nề nếp, được hộ xã viên đồng tình.

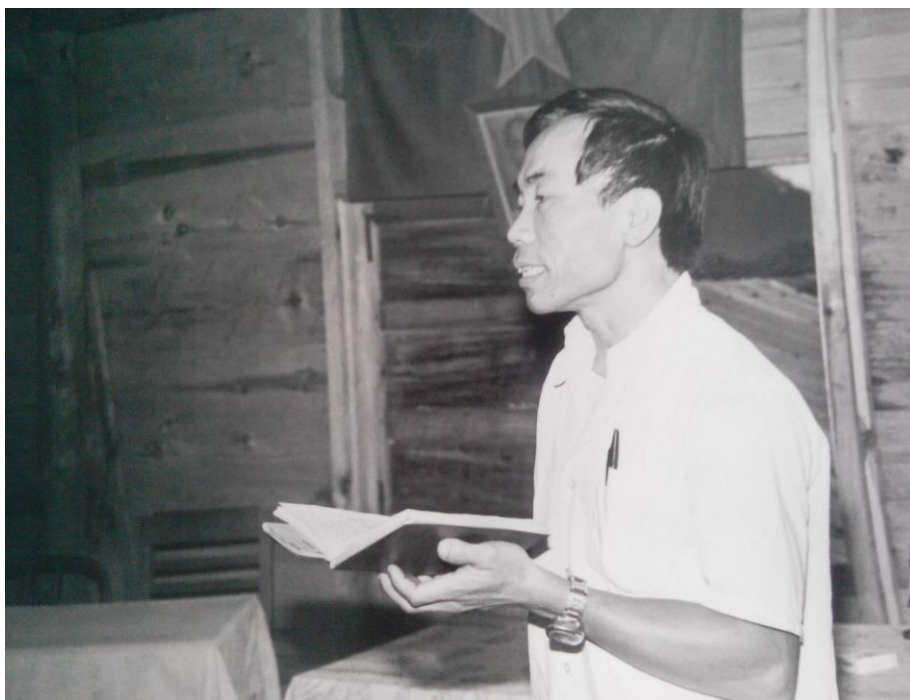
Trong công tác cải tạo công thương nghiệp, đã sắp xếp cho 87 hộ buôn bán, các hộ thiếu đất chuyển sang sản xuất nông nghiệp, giãn dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Cà Tọt (nay thuộc Ninh Thuận), Hamasing, Châu Sơn và Tu Tra.

Chi bộ tập trung phát động quần chúng, giúp nhân dân hiểu rõ đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Từ năm 1983, đã xây dựng được 02 hợp tác xã nông nghiệp, đó là hợp tác xã nông nghiệp Tân Hòa gồm các thôn Đường Mới, Hòa Bình và Kănkil; hợp tác xã Quảng Thiện gồm các thôn Lạc Thiện, Lạc Quảng; xây dựng mô hình liên tập đoàn sản xuất Lâm Tuyên, củng cố các tập đoàn sản xuất khóm III, các tập đoàn sản xuất Phú Thuận; Hamasing; Quảng Lạc.

Phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp thời kỳ này có nhiều mô hình tốt và cách làm hay; xã vinh dự được đón đồng chí Võ Chí Công, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước về thăm động viên phong trào (năm 1986).



Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công thăm và làm việc tại hợp tác xã nông nghiệp Tân Hòa, xã Lạc Nghiệp (Ảnh từ trái sang: Đồng chí Nguyễn Văn Minh, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng chí Phạm Báng, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy)



Đồng chí Nguyễn Văn Luân, Bí thư Chi bộ xã Lạc Nghiệp báo cáo với đồng chí Võ Chí Công - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thăm và làm việc tại hợp tác xã nông nghiệp Tân Hòa, xã Lạc Nghiệp

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông: Công tác phân phối lưu thông có tầm quan trọng rất lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lạc Nghiệp là địa bàn trọng điểm, là nơi giao lưu giữa các tuyến đường liên tỉnh và nội tỉnh, nơi tập trung buôn bán tương đối sầm uất, có tác động ảnh hưởng đến giá cả, sinh hoạt đời sống của nhân dân.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện; Lạc Nghiệp xây dựng hợp tác xã mua bán. Hoạt động của hợp tác xã thời gian đầu có tiến bộ trong phục vụ cho sản xuất, thu mua năm nguồn hàng, đấu tranh với thị trường tự do, tránh nâng giá, ép giá. Kết quả niên vụ 1984 - 1985, tổng huy động lương thực 292,395 tấn, đạt 99,7% so với kế hoạch, thu mua 20 tấn đậu đen, 315 tấn đường tán (năm 1984 có 307 tấn), 15 tấn heo hơi làm nghĩa vụ với Nhà nước, còn lại giết mổ phục vụ đời sống nhân dân... Hợp tác xã đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện 3 chức năng: ủy thác mua, đại lý bán và tự kinh doanh.

Xây dựng cơ bản: Thời kỳ đầu sau giải phóng, thực hiện chủ trương nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Chi bộ tập trung lãnh đạo nạo vét, tu sửa mương máng và làm mới công trình thủy lợi trên địa bàn và các công trình của huyện phục vụ việc khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp. Tổng số công làm thủy lợi là 5.364, khối lượng đào đất hơn 3.540m³.

Những năm sau trong giai đoạn này, thực hiện phương châm Nhà nước, nhân dân cùng làm, xã đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng cơ sở vật chất kinh tế - xã hội của xã, nhất là tiếp tục ưu tiên các công trình trọng điểm như thủy lợi, trường học, nhà trẻ, nhà kho của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, cụ thể đầu tư xây dựng 3 trạm bơm điện, 7 đập ngăn nước, 05 hồ

chứa nước; 11 hệ thống mương máng dẫn nước; 09 phòng học của trường học phổ thông và Mẫu giáo, 04 nhà kho quy mô lớn, 03 cơ sở kinh doanh, quầy hàng của hợp tác xã,...

Về công tác giáo dục: Sau ngày Đôn Dương hoàn toàn giải phóng, ngành giáo dục cách mạng tổ chức tái giảng năm học 1974 - 1975 với số lượng học sinh ít ỏi, chủ yếu là học sinh tiểu học. Đến năm học 1984 - 1985, toàn xã có 3.766 học sinh, trong đó có 655 cháu mẫu giáo, 100 em học sinh đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện Nghị quyết Huyện ủy về công tác giáo dục, Chi bộ đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo các nhà trường thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục của Đảng: học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội; thực hiện phong trào thi đua 02 tốt; làm tốt công tác vận động học sinh ra lớp (trên 95%), duy trì sĩ số (trên 97%); học chữ kết hợp với giáo dục hướng nghiệp, giáo dục đạo đức truyền thống địa phương gắn với thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của xã. Các trường phổ thông cơ sở chú trọng đến công tác hướng nghiệp như mở xưởng trường, phòng thí nghiệm, tổ may,... làm cho học sinh khi ra trường (lớp 9) đều có hiểu biết nhất định về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt. Công tác xây dựng cơ sở vật chất trường học được quan tâm; 09 trường học đều được tu sửa, xây dựng mới nhiều phòng học, mua sắm trang thiết bị trường học hàng năm. Năm 1984 kết hợp phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, đã xây dựng mới phân trường Hamasing, đóng hàng trăm bộ bàn ghế đúng quy cách.

Về y tế: Mặc dù thuốc men và cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, số cán bộ nhân viên phục vụ còn thiếu so với dân số, nhưng đội ngũ y sỹ trạm y tế xã có nhiều cố gắng, tận tình khám chữa bệnh, chăm lo đến sức khỏe nhân dân; tuyên truyền phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh, ngăn ngừa các bệnh xã hội, chú ý điều trị đông tây y kết hợp; phát triển vườn cây thuốc và điều trị bằng thuốc nam; châm cứu. Thực hiện chính sách cấp phát thuốc và điều trị châm cứu; bốc thuốc nam cho gia đình có công với cách mạng và đồng bào dân tộc thiểu số không phải trả tiền.

Về văn hóa: Trước ngày giải phóng, Lạc Nghiệp là trung tâm quận lỵ, do vậy nhân dân ở đây bị chế độ cũ quản lý, kèm kẹp khá chặt chẽ. Phong trào cách mạng lại mỏng, trong khi đó bọn địch tăng cường đầu độc chủ nghĩa thực dân kiểu mới khá nặng nề trên tất cả các lĩnh vực. Tình hình kinh tế - văn hóa chế độ cũ để lại cũng khá phức tạp. Hầu hết nhân dân sống bằng nghề buôn bán, dịch vụ, kinh tế phụ thuộc vào chiến tranh; đất đai bị bỏ hoang hóa. Đời sống văn hóa bị tiêm nhiễm bởi chủ nghĩa thực dân mới và cũ khá nặng nề, chạy theo lối sống xa hoa, thực dụng, phồn vinh giả tạo, nhất là trong giới trẻ. Ngoài ra, các hủ tục mê tín dị đoan, ma chay, cúng bái cũng đã ăn sâu trong tư tưởng quần chúng nhân dân. Song song với phong trào lao động sản xuất, phong trào xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa cũng được quan tâm chỉ đạo như giáo dục cho thanh niên nhân sinh quan chủ nghĩa cộng sản bằng nhiều hình thức; tuyên truyền giáo dục gương người tốt, việc tốt, những nhân tố mới trong học

tập, lao động sản xuất; tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ; thi đấu giao hữu bóng đá với đội bóng các xã trong và ngoài huyện nên đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân trong xã có phần cải thiện tốt.

Công tác an ninh quốc phòng: Sau ngày giải phóng, trên địa bàn xã có số lượng đông nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động tan rã và sinh sống (gồm gần 3.000 người). Tình hình an ninh chính trị diễn biến khá phức tạp. Hệ thống chính trị thiếu cán bộ đủ năng lực đảm đương những yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt, song về mặt chủ quan, Chi bộ Đảng chưa chú ý đến công tác tổ chức cán bộ, tạo nguồn phát triển thay thế những cán bộ có vấn đề về lịch sử chính trị, nhất là cán bộ ban thôn, khóm và lực lượng công an thôn, xã.

Các tổ chức chính trị phản động, một số đối tượng nguy cũ không chịu cải tạo đã ngấm ngầm tuyên truyền, lôi kéo một số tên, một số thanh niên thành lập các tổ chức chính trị phản động như: “Cây mùa xuân chiến sỹ” năm 1976, “Mặt trận tư sản giải phóng dân tộc”, ta đã phát hiện đấu tranh, triệt phá, bắt số đối tượng cầm đầu đưa đi cải tạo, giáo dục 11 đối tượng; các tổ chức phản động đã bị phát hiện sớm và kịp thời trấn áp nên chưa có những hoạt động gây ra những hậu quả làm thiệt hại đến tài sản, tính mạng của Nhà nước và nhân dân.

Về tình hình chống FULRO và bọn phản động: Từ 1975 - 1977, các thế lực thù địch âm mưu chia rẽ giữa dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số nhằm thực hiện ý đồ biến Tây Nguyên thành khu tự trị. Để làm được điều đó, chúng lợi dụng các tổ chức tôn giáo để vận động, phân hóa nhằm xây dựng chính quyền hai mặt ở thôn, buôn; lấy chính quyền của ta làm chính quyền của chúng. Địch tập trung ở thôn Kănkil và Hamasing bằng việc thành lập lực lượng vũ trang đứng chân ngoài rừng, tổ chức phục kích; bắn lén gây cho cách mạng một số khó khăn; nhưng được sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, lực lượng vũ trang của huyện cùng với xã nhanh chóng đập tan âm mưu, ý đồ xấu của bọn FULRO tại địa phương.

Liên tục từ năm 1977 - 1983, ta đã tổ chức truy quét 130 lần; ém phục 1.405 lần; đánh 04 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 15 tên, làm bị thương 01 tên, ra hàng 09 tên, thu hồi nhiều vũ khí, đạn dược; đánh phá vào hậu cứ của địch.

Tổ chức đánh địch tuyến ngoài kết hợp với công tác phát động quần chúng bên trong đã bóc gỡ được 02 chính quyền áp gần 12 tên; liên lạc tiếp tế 20 tên, liên lạc tình báo 03 tên, trong đó có 01 trung úy, 01 thiếu úy, 01 trung sỹ; 02 tên FULRO nằm trong lực lượng du kích xã.

Biện pháp chỉ đạo ngăn chặn, xóa bỏ tổ chức FULRO: Thực hiện Chỉ thị 04-CT/TW ngày 2/2/1977 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về tiếp tục đẩy mạnh truy quét FULRO; Huyện ủy Đơn Dương ra Chỉ thị số 10-CT/HU về việc thực hiện phương án phòng chống bạo loạn; xã đã đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tập trung ở 02 thôn đồng bào dân tộc thiểu số. Tấn công bóc gỡ FULRO nằm vùng, tranh thủ già làng, người có uy tín trong đồng bào để vận động, kêu gọi FULRO ngoài rừng ra hàng; giác

ngộ chính trị cho nhân dân vạch trần âm mưu, thủ đoạn, phương thức hoạt động của địch, nâng nhận thức và tinh thần cảnh giác cách mạng trong nhân dân, .

Đối với những đối tượng FULRO nằm vùng có tư tưởng ngoan cố, chống đối thì lập hồ sơ đề nghị tập trung cải tạo quản chế, cải tạo tại chỗ, đưa ra trước nhân dân kiểm điểm. Đồng thời cả hệ thống chính trị xã tập trung xây dựng thực lực tại chỗ, xây dựng ban thôn, đoàn thể, tổ an ninh nhân dân để họ tự quản lý giáo dục, nhất là số đối tượng nguy hiểm và những gia đình có người thân đang ở ngoài rừng.

Ổn định từng bước đời sống nhân dân, tiến hành định canh định cư, đưa dân vào những nơi có điều kiện để quản lý và đưa vào tập đoàn sản xuất, hướng dẫn những hình thức canh tác tiên bộ, cách làm ăn mới. Phối hợp với đội chiếu bóng huyện, các đội văn nghệ xã, thôn, tuyên truyền, vận động xây dựng quyền làm chủ tập thể, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo và thu hẹp cơ sở của một số tổ chức tôn giáo làm chỗ dựa cho FULRO hoạt động, bắt cải tạo, giáo dục những phần tử lợi dụng tôn giáo hoạt động phản cách mạng.

Lực lượng dân quân xã phối hợp các lực lượng vũ trang huyện thường xuyên ém phục tuyến ven thôn để đánh tiêu diệt lực lượng FULRO lén lút đột thôn xóm móc nối và xây dựng cơ sở bên trong.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể: Ngày 8/5/1977, huyện Đơn Dương tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp, xã Lạc Nghiệp bầu cử Hội đồng nhân dân khóa I gồm 45 đại biểu. Hội đồng nhân dân xã tiến hành kỳ họp thứ nhất, bầu 9 ủy viên ủy ban, ông Đoàn Văn Hải được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân khóa II (nhiệm kỳ 1979 - 1981) có 45 đại biểu, kỳ họp thứ nhất Hội đồng đã bầu đồng chí Nguyễn Kim Lân làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Khóa III (nhiệm kỳ 1981 - 1984), đồng chí Thái Văn Tồn được cử làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Khóa IV (nhiệm kỳ 1984 - 1986), đồng chí Nguyễn Ngọc Bích được cử làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, các ban nhân dân thôn đều có trưởng và phó thôn. Hội đồng nhân dân các khóa ban hành nhiều nghị quyết đẩy mạnh phong trào sản xuất, làm thủy lợi, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Năm 1977, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thành lập. Các đoàn thể chính trị được hình thành, thực hiện chủ trương của trên, các đoàn thể tiến hành đại hội nhiệm kỳ. Ban Chấp hành đoàn thể xã có 13 - 16 ủy viên, dưới thôn, xóm có Ban cán sự thôn; riêng tổ chức Đoàn có Chi đoàn thôn, xóm.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong những ngày đầu gặp nhiều khó khăn, nhất là công tác nhân sự của các ban nhân dân thôn; Hội Nông dân tập thể xã. Tháng 6 năm 1975, đồng chí Phạm Báng chuyển về từ Xuân Trường giữ chức vụ Bí thư Chi bộ kiêm Chủ tịch Ủy ban quân quản. Chi bộ chỉ có 04 đồng chí, trong đó có 01 đồng chí trên tăng cường về công tác.

Cuối năm 1977, đồng chí Phạm Báng được cử đi học tại Đà Nẵng. Huyện ủy tăng cường nhiều lượt cán bộ về đảm nhiệm chức vụ Bí thư Chi bộ: đồng chí Nguyễn Văn Chín, Bí thư Chi bộ giai đoạn 1977 - 1980, đồng chí Dương Thanh Thủy, Bí thư Huyện đoàn, làm Bí thư Chi bộ thời kỳ 1980 - 1982; Đại hội đảng viên Chi bộ xã Lạc Nghiệp ngày 19/12/1982 bầu đồng chí Đào Văn Thuận làm Bí thư Chi bộ. Tháng 4/1983, Huyện ủy có quyết định tăng cường đồng chí Nguyễn Văn Luân, nguyên Phó Ban Tổ chức Huyện ủy về công tác tại xã, đồng thời có quyết định bổ sung vào chi ủy, giữ chức vụ Bí thư Chi bộ. Chi bộ xã tập trung lãnh đạo, thực hiện Thông tư 22-TT/TW, Chỉ thị 35-CT/TW và Chỉ thị 72-CT/TW về kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên. Kết hợp chặt chẽ giữa việc học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, với sinh hoạt, thực hiện kiểm điểm phê và tự phê bình trong nội bộ Đảng, đồng thời Chi bộ xây dựng quy chế làm việc, đề cao ý thức kỷ luật của Đảng, làm cho mỗi đảng viên thấy rõ trách nhiệm của mình trong giai đoạn mới của cách mạng. Tình hình nội bộ có chuyển biến, những biểu hiện tiêu cực của đảng viên như sinh hoạt tùy tiện; xem thường tính tổ chức kỷ luật, hữu khuynh mất cảnh giác,...từng bước được đẩy lùi. Chi bộ quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn, nhất là cán bộ chủ chốt Ủy ban nhân dân, các ban ngành, đoàn thể xã; cán bộ nữ và cán bộ người dân tộc thiểu số. Năm 1981, Chi bộ có 15 đảng viên; năm 1983, Chi bộ có 17 đảng viên (trong đó có 01 tăng cường), tính từ năm 1976 bình quân mỗi năm chi bộ xã kết nạp được 01 đảng viên mới. Chấp hành Thông tư 24 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lâm Đồng, hướng dẫn của Huyện ủy; hàng năm Chi bộ tiến hành kiểm điểm cá nhân gắn với xem xét tư cách đảng viên. Đảng viên loại I, II chiếm trên 80%. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Chi bộ và đảng viên được nâng lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Sau 10 năm cùng cả nước bảo vệ thành quả cách mạng và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong bối cảnh hết sức khó khăn, phức tạp vừa phải đấu tranh với các đối tượng chống phá cách mạng, vừa khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Xã Lạc Nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Huyện ủy đã nhanh chóng thiết lập hệ thống chuyên chính vô sản từ xã đến thôn, có Chi bộ lãnh đạo, có chính quyền do nhân dân bầu ra, có Mặt trận và các đoàn thể quần chúng làm nòng cốt tiến hành công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Sản xuất được khôi phục, diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi tăng đều qua các năm; văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến, xây dựng được nhiều cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ đời sống nhân dân; đấu tranh có hiệu quả với bọn phản động lực lượng FULRO chống phá cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương. Bộ máy chính quyền, qua các lần bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục được củng cố kiện toàn, thanh lọc, loại khỏi chính quyền và các đoàn thể quần chúng có vấn đề lịch sử chính trị, đồng thời phát hiện bồi dưỡng những cán bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực công tác, có uy tín với quần chúng để bổ sung vào chính quyền, lực lượng công an, dân quân xã và đoàn thể chính trị từ xã xuống các

thôn. Đời sống tinh thần nhân dân có bước cải thiện, niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước, vào đội ngũ cán bộ, đảng viên được củng cố. Tuy nhiên, trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của xã còn nhiều tồn tại, yếu kém: Về sản xuất nông nghiệp, năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi còn thấp (lúa năng suất bình quân 27 tạ/ha), việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. Phong trào xây dựng tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp phát triển không đồng đều, kinh tế hộ gia đình không phát triển, đời sống nhiều hộ xã viên gặp khó khăn, chưa thật yên tâm khi vào làm ăn tập thể. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn còn tiềm ẩn nhiều nhân tố phức tạp, đặc biệt trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo có thể gây mất ổn định. Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực bổ sung vào bộ máy chính quyền, đoàn thể chậm trễ ảnh hưởng tới việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Mặt khác trong Chi ủy, chính quyền còn biểu hiện chủ quan, tư tưởng hữu khuynh, tinh thần đấu tranh trong nội bộ Đảng còn hạn chế.

CHƯƠNG II

THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, PHÂN ĐẦU VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI DÂN CHỦ, CÔNG BẰNG, VĂN MINH

I. Giai đoạn 1986 - 1990

Ngày 25/8/1986, Chi bộ xã Lạc Nghiệp tiến hành Đại hội đảng viên, Đại hội đã bầu Chi ủy gồm 5 đồng chí: đồng chí Nguyễn Văn Luân tiếp tục giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Ngọc Bích, Phó Bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Hồ Viết Phùng, đồng chí Võ Thị Hai, đồng chí Nguyễn Văn Thoa, Chi ủy viên. Đại hội xác định nhiệm vụ chung và phương hướng phấn đấu của xã trong 2 năm 1986 - 1987 và tầm nhìn đến năm 1990.

Tháng 12 năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng,... mà trước hết là đổi mới về kinh tế. Đại hội nhấn mạnh sự tồn tại khách quan của cơ cấu nhiều thành phần kinh tế. Đại hội đã đề ra 3 chương trình kinh tế lớn là chương trình lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt quan trọng về phát triển đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Đảng bộ tỉnh và huyện, Chi bộ đề ra Nghị quyết nhằm cụ thể hóa, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, cơ sở.

Bước vào thực hiện Nghị quyết, Chi bộ có những thuận lợi khá cơ bản: Đường lối đổi mới Đại hội IV đề ra đã giải phóng được năng lực sản xuất, xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Chi ủy, Ủy ban nhân dân, Mặt trận và các đoàn thể xã xây dựng chương trình công tác từng bước cụ thể hóa Nghị quyết Đảng cấp trên.

Từ thực tiễn của 10 năm ổn định và phát triển, Chi ủy, Chi bộ đã rút ra được những kinh nghiệm quý báu, năng động, sáng tạo hơn trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị ổn định.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ giai đoạn 1986 - 1990 đã đạt kết quả:

Tình hình phát triển kinh tế: Trước những khó khăn nhiều mặt nhưng dưới ánh sáng các Nghị quyết của Đảng, Chi bộ xã Lạc Nghiệp có những cố gắng vận dụng những quan điểm chính sách của Đảng trong phát triển kinh tế, xác định cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp, từng bước chuyển hướng cây trồng, vật nuôi phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường.

Nông nghiệp: đã chuyển 20 ha trồng lúa không đảm bảo năng suất sang trồng các loại cây công nghiệp ngắn và dài ngày, các họ đậu và rau thương phẩm có giá trị hàng hóa cao. Một số cây công nghiệp như mía, cà phê; cây ăn quả phát triển nhanh, diện tích tăng lên đáng kể.

Diện tích lúa hai vụ ổn định, sản xuất theo hướng thâm canh. Sau khi thực hiện khoán gọn, năng suất tăng lên từ 3,5 tấn lên 4,5 tấn/vụ như ở hợp tác xã Tân Hòa, Khóm 3, Quảng Lạc. Diện tích, sản lượng các loại cây trồng: mía, dâu tằm, cà phê, rau thương phẩm tăng lên đáng kể.

Lâm nghiệp: Đã trồng mới 51 ha, tỷ lệ sống đạt trên 70%.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông có những tiến bộ mới như: Hợp tác xã tín dụng hình thành, ban đầu có 9.100^d vốn tăng lên 10 triệu đồng, cho vay đầu tư sản xuất, chăn nuôi góp phần chống tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn. Hợp tác xã mua bán, ngoài nguồn vốn tự có, năm 1988 đã huy động thêm được 4 cây vàng từ nguồn vay của xã viên để kinh doanh, thu mua năm nguồn hàng, đáp ứng một phần các nhu cầu thiết yếu trong sản xuất và tiêu dùng cho nhân dân địa phương.

Trong 05 năm đã huy động được nhiều nguồn vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh và xây dựng phúc lợi xã hội như công trình điện Quảng Thiện, Tân Hòa, trường mẫu giáo Lâm Tuyên, cầu Khóm 3, mua sắm dụng cụ chế biến đường thủ công, các phương tiện vận tải phục vụ sản xuất, xây dựng chợ, đài tưởng niệm...

Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt được những kết quả nhất định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện.

Qua khảo sát toàn xã có 1.700 hộ với 11.897 khẩu thì có 150 hộ có đời sống khá (chiếm 8,8%), 1.270 hộ có cuộc sống trung bình (chiếm 74,6%) và 280 hộ có cuộc sống khó khăn (chiếm 16,58%). Kết quả trên cho thấy mức sống của nhân dân địa phương được nâng lên so với những ngày đầu sau giải phóng.

Công tác an ninh quân sự: An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản giữ vững. Chi bộ đã thường xuyên chỉ đạo duy trì phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc từ đó các vụ vi phạm pháp luật đều được ngăn

chặn, xử lý thích đáng. Việc xây dựng lực lượng vũ trang cơ sở được chú ý, bổ sung kiện toàn kịp thời. Thường xuyên tổ chức huấn luyện chính trị, quân sự, nghiệp vụ, nâng được ý thức trách nhiệm công tác của lực lượng vũ trang cơ sở. Việc giáo dục luật nghĩa vụ quân sự kết hợp với công tác gọi thanh niên nhập ngũ được chú trọng. Số lượng giao quân hàng năm đủ chỉ tiêu, không có trường hợp nào trốn khám, trốn nhập ngũ.

Hệ thống chính trị: Mặt trận và các đoàn thể quần chúng có nhiều cố gắng trong việc tập hợp đoàn viên, hội viên của mình, củng cố tổ chức cơ sở dưới thôn, khóm, phát triển đoàn viên, hội viên; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của Hội đoàn cấp trên góp phần cùng với chính quyền đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, mua công trái vượt chỉ tiêu, giữ gìn an ninh chính trị ở địa phương, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Tháng 12 năm 1989, Huyện ủy điều động đồng chí Nguyễn Văn Luân về công tác tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy, đồng thời điều động đồng chí Phan Tuấn Kiệt, Bí thư Đảng ủy thị trấn Thanh Mỹ về Chi bộ xã Lạc Nghiệp giữ chức vụ Bí thư.

Công tác xây dựng Đảng, qua thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Nghị quyết của tỉnh, huyện, Chi bộ có cố gắng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, củng cố niềm tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội địa phương, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị, chăm lo công tác phát triển đảng viên, tuy chưa mạnh toàn diện nhưng giữ vững và từng bước đưa phong trào đi lên.

Qua thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị cũng đạt được một số kết quả nhất định. Về tinh thần trách nhiệm, ý chí chiến đấu của đảng viên có nâng lên, thông qua kiểm điểm đảng viên hàng năm, đa số đảng viên trong chi bộ đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự lãnh đạo của Chi bộ còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót sau:

Lĩnh vực kinh tế còn lúng túng trong xác định cơ cấu kinh tế, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi. Năng suất, sản lượng tuy có tăng cục bộ nhưng nhìn chung còn thấp. Hoạt động của các tổ chức kinh tế hợp tác sản xuất cầm chừng, thiếu nguồn lực để phát triển vươn lên.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội còn nhiều thiếu sót: Chất lượng giáo dục chuyển biến không đều, cơ sở vật chất trường lớp một số điểm trường xuống cấp chưa được quan tâm đầu tư kinh phí để tu bổ, sửa chữa. Tỷ lệ tăng dân số còn cao (2,2%). Số hộ có cuộc sống khó khăn còn nhiều, chủ yếu là bà con dân tộc thiểu số và một số hộ người kinh thiếu đất sản xuất, không có ngành nghề cơ bản. Việc xây dựng nếp sống văn hóa mới bị buông lỏng, tệ mê tín dị đoan, nạn cờ bạc, lưu hành văn hóa phẩm đồi trụy chưa được chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời.

Công tác an ninh quân sự: Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc không duy trì thường xuyên. Công tác phát triển đoàn viên, đảng viên trong lực lượng vũ trang cơ sở chậm.

Về hệ thống chính trị: Hội đồng nhân dân xã chưa thực sự đại diện ý chí, nguyện vọng của cử tri. Chức năng quản lý Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực quản lý kinh tế của Ủy ban nhân dân còn lúng túng. Một số cán bộ các ban, ngành của xã làm việc thiếu nhiệt tình, trách nhiệm.

Mặt trận và các đoàn thể quần chúng xã còn hành chính hóa chưa gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổ chức bộ máy một số đoàn thể xã chậm được củng cố, chất lượng hoạt động yếu.

Công tác Đảng: Công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức của Chi ủy, Chi bộ bộc lộ nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Năng lực, sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên còn nhiều hạn chế. Việc bồi dưỡng đào tạo cán bộ kế cận còn lúng túng, tình trạng hụt hẫng cán bộ Đảng, chính quyền và một số đoàn thể xã kéo dài. Chi ủy, Chi bộ chưa thực sự quan tâm đến công tác kiểm tra.

Đánh giá chung sau gần 15 năm sau ngày giải phóng, xã Lạc Nghiệp đã có những thay đổi, kinh tế có bước phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng thương mại, dịch vụ. Cơ cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đáp ứng nhu cầu của người dân. Đời sống vật chất tinh thần của người dân được cải thiện. Lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đảm bảo. Hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, tăng cường.

Năm 1988, Ban Thường vụ Huyện ủy đã có chủ trương xem xét lại một số xã để có lộ trình chia tách, nâng cấp và đổi tên cho phù hợp với trình độ năng lực quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ như tách xã Ka Đô, xã Ka Đơn, nâng xã Lạc Nghiệp thành thị trấn D'ran.

Tháng 11 năm 1989, Hội đồng Bộ trưởng ký quyết định phục hồi thị trấn D'ran đối với xã Lạc Nghiệp đã mở ra thời kỳ phát triển mới của xã.

II. Giai đoạn 1991 - 1993

Tháng 10/1991, đồng chí Nguyễn Đình Thập, nguyên Phó Ban Tổ chức Huyện ủy được Huyện ủy tăng cường về giữ chức Bí thư chi bộ xã. Năm 1991, Huyện ủy có quyết định công nhận Đảng bộ thị trấn.



Đảng ủy thị trấn D'ran khóa I (Từ trái sang: Đ/c Huỳnh Việt Hải, đ/c Nguyễn Mạnh Hồng, đ/c Võ Thị Hai, đ/c Kiều Thái, đ/c Lê Ngọc Bích, đ/c Nguyễn Đình Thập (Bí thư Đảng ủy), đ/c Hà Văn Hai)

Đảng bộ lãnh đạo đạt những kết quả sau:

Kinh tế: Trong những năm của giai đoạn 1991 - 1993 tình hình thời tiết không thuận lợi nên sản xuất nông nghiệp gặp không ít khó khăn. Song nhờ có chính sách đổi mới của Đảng, nhất là Nghị quyết 10 nhằm giải phóng năng lực sản xuất đã tạo điều kiện cho nông dân yên tâm trong sản xuất, nhất là trong phát triển sản xuất hàng hóa.

Về sản xuất nông nghiệp, cây công nghiệp, dâu tăng lên 80 ha, gấp 4 lần so với năm 1987, cây mía 50 ha, sản lượng đường thô đạt 150 tấn; cây bắp 50 ha. Diện tích cây lúa nước, cây lương thực như mì, lang, bắp,... so với trước giảm, nhưng nhờ phát triển cây công nghiệp, cây rau thương phẩm, tăng diện tích cây ăn quả, đặc biệt phát triển mạnh giống dưa cayenne, đồng thời ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng hiệu quả kinh tế nâng cao thu nhập cho người sản xuất nên đời sống nhân dân có khá hơn trước. Những tiến bộ trên đây là do Đảng bộ vận dụng quan điểm đổi mới của Đảng, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất, thâm canh chiều sâu, chuyển đất lúa, đất trồng cây lương thực không hiệu quả sang trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao hơn.

Về lâm nghiệp: Đảng bộ, chính quyền tiếp tục lãnh, chỉ đạo bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng trên địa bàn có diện tích tương đối lớn, gắn quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân vùng ven rừng vì vậy cơ bản rừng được bảo vệ tương đối tốt. Hợp tác xã Tân Hòa nhận quản lý, bảo vệ rừng, đã trồng mới nhiều ha rừng; khai thác chế biến gỗ tròn, gỗ giấy, củi,...¹

Về tiểu thủ công nghiệp: Các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp sản xuất đường mía, xay xát lương thực, gạch ngói phát triển theo mùa vụ.

¹ Có thời điểm hợp tác xã Tân Hòa nhận quản lý, bảo vệ 1.844ha rừng, trồng mới 110ha rừng; khai thác gỗ tròn 3.731 m³, gỗ giấy 1.841m³, củi 2.758 ste,...

Phát triển mạnh mạng lưới thương nghiệp trên địa bàn, đặc biệt đã tổ chức nhân dân và doanh nghiệp cải tạo và mở rộng chợ D'ran Khang trang, thuận tiện trong buôn bán.

Việc sản xuất kinh doanh ở thị trấn có phần thông thoáng, nông sản hàng hóa phong phú, chất lượng có sự cạnh tranh để phát triển. Bên cạnh đó việc mở rộng quyền tự chủ cho các doanh nghiệp kinh doanh, các đơn vị sản xuất ở cơ sở được chú ý hơn. Các đơn vị Hợp tác xã nông nghiệp đã thực hiện chế độ khoán theo Nghị quyết 10 của Trung ương, lấy hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài. Từ đó đã phát huy được năng lực sản xuất, huy động được vốn đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất. Thu nhập hộ gia đình xã viên khá hơn trước. Hợp tác xã nông nghiệp Tân Hòa giữ vững tài sản cố định và vốn lưu động có nâng lên, thu nhập của xã viên khá.

Thực hiện việc định hướng các chương trình kinh tế của huyện đã giúp thị trấn sắp xếp lại lao động trong sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp.

Về ngân sách, trong nhiệm kỳ thị trấn cũng đã cố gắng thu thuế phí, tổ chức công khai các hộ tồn đọng thuế nông nghiệp, xử lý những hộ chạy lý, thiếu thuế. Do vậy, dần dần cũng đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho những nhu cầu thiết yếu, công tác an sinh xã hội và công tác quản lý điều hành của thị trấn.

Về giao thông nông thôn: Hàng năm thị trấn đã sửa chữa tu bổ đường sá, cầu cống, đặc biệt trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số để bà con thuận tiện trong việc đi lại nhất là trong mùa mưa, bão.

Sự nghiệp giáo dục được duy trì và có tiến bộ. Toàn thị trấn có 02 trường mẫu giáo, 02 trường cấp 1, 2 và 01 trường cấp 2, 3. Với mục tiêu giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội, do đó đã cổ động được sự đóng góp của toàn dân xây dựng trường lớp và các chi phí khác giúp cho nhà trường giảm bớt một phần khó khăn trong điều kiện ngân sách chỉ cho sự nghiệp giáo dục còn hạn hẹp. Chất lượng dạy và học chuyên biến khá rõ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ quản lý trường học và đội ngũ giáo viên được nâng cao.

Về y tế, đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Công tác khám chữa bệnh, kết hợp Đông Tây y; công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được thực hiện khá tốt. Thường xuyên phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

Công tác văn hóa - thông tin: Tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đời sống tinh thần của nhân dân phong phú hơn trước.

Về các đối tượng trong diện chính sách, đảm bảo theo chế độ quy định, việc hỗ trợ giúp đỡ gia đình neo đơn được chú ý hơn.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì thường xuyên. Xây dựng ý thức đề cao cảnh giác cho mọi người dân chống địch xâm

nhập, hạn chế, ngăn ngừa tác động chiến tranh tâm lý của kẻ địch. Lực lượng công an; từ công an thị trấn, tổ an ninh nhân dân, công an viên, các thôn, khóm thị trấn được củng cố cả về chất lượng và số lượng. Ý thức tổ chức chính trị và tinh thần trách nhiệm của lực lượng công an được nâng lên.

Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân được chú ý. Lực lượng dân quân tại chỗ, lực lượng cơ động tăng cường canh gác tuần tra công trình mục tiêu và địa bàn giáp ranh. Hàng năm việc giao quân đạt kết quả tốt. Những kết quả trên về công tác an ninh quân sự, trước hết là do sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, trách nhiệm của mỗi đảng viên và ý thức toàn dân trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nhưng chủ yếu là thị đội, công an thị trấn làm nòng cốt, tham mưu đắc lực cho Đảng ủy.

Việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trên địa bàn thị trấn đã có nhiều tiến bộ. Trên lĩnh vực kinh tế thể hiện tính năng động, đa dạng, phong phú; các thành phần kinh tế có sự bình đẳng và quyền tự chủ của đơn vị sản xuất ở cơ sở bước đầu hình thành. Dân chủ trong xã hội và trong hệ thống chính trị có tiến bộ, đã hướng dẫn quần chúng tham gia ý kiến vào các văn kiện dự thảo trình Đại hội Đảng bộ các cấp. Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có nhiều cố gắng. Việc tiếp dân, tổ chức sinh hoạt nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện của cơ sở đã từng bước lấy lại lòng tin của nhân dân đối với chính quyền.

Bộ máy, đội ngũ cán bộ Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thị trấn đã có chấn chỉnh một bước về tinh thần, trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân để thực hiện nhiệm vụ được giao trong tình hình mới.

Đảng ủy thường xuyên chỉ đạo các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời uốn nắn những biểu hiện lệch lạc trong quá trình tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân. Bên cạnh đó xác định chuẩn bị nhân tố cho việc kế thừa các chức danh chủ chốt Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị trấn trong nhiệm kỳ đến có vai trò hết sức quan trọng.

Mặt trận và các đoàn thể thị trấn phối kết hợp với Ủy ban nhân dân, khối nội chính tham gia phát động các phong trào hành động cách mạng một cách thiết thực như xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch; đấu tranh chống tiêu cực, chống tham nhũng, lành mạnh hóa xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, từng bước đã tạo được lòng tin đối với nhân dân.

Trong nhiệm kỳ, đã tiến hành tổ chức Đại hội cho 5 tổ chức đoàn thể, thay thế một số chức danh chủ chốt. Đảng ủy thường xuyên chỉ đạo hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Một số đoàn thể hoạt động nề nếp, có chất lượng như Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân thị trấn.

Công tác phát triển Đảng: Đây là công tác thường xuyên và cũng là công tác trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ, trong nhiệm kỳ đã phát triển được 7 đảng viên, nâng số đảng viên của Đảng bộ lên là 51.

Bên cạnh kết quả đạt được, sự lãnh đạo của Đảng bộ còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót sau:

Trong lĩnh vực kinh tế, trồng trọt và chăn nuôi phát triển không cân đối, đàn gia súc, gia cầm nhất là đàn heo giảm.

Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm.

Kinh tế hợp tác: Một số tập đoàn sản xuất vi phạm nguyên tắc tổ chức quản lý tài chính làm tổn thất tài sản xã hội chủ nghĩa, có đơn vị có nguy cơ phá sản. Hợp tác xã Nông nghiệp chưa làm đúng tinh thần Nghị quyết 10-NQ/TW, tổ chức làm dịch vụ hỗ trợ bà con xã viên nhưng thực chất là đưa hộ nông dân trở lại làm ăn cá thể. Hợp tác xã mua bán kinh doanh không hiệu quả. Hợp tác xã tín dụng hoạt động bế tắc.

Khu vực kinh tế tư nhân kinh doanh chủ yếu là dịch vụ, chưa mạnh dạn đầu tư và khai thác chế biến các nặt hàng nông sản có thế mạnh của địa phương.

Việc tu bổ, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong xã còn nhiều yếu kém.

Chất lượng giáo dục không đồng đều. Việc kết hợp môi trường giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội còn nhiều hạn chế. Hoạt động của Trạm y tế thị trấn chưa có biện pháp tích cực vận động nhân dân thực hiện sinh đẻ có kế hoạch; kết hợp Đông - Tây y trong khám chữa bệnh, xây dựng tủ thuốc ở thôn, xóm. Văn hóa thông tin, phong trào văn nghệ quần chúng, tổ chức các buổi hội diễn không thường xuyên. Việc quản lý văn hóa phẩm còn hủu khuynh, thiếu chặt chẽ nhất là các băng hình đồi trụy, phản động.

Thực hiện chính sách xã hội, số lao động trong năm đến độ tuổi và trong độ tuổi thiếu việc làm còn nhiều. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số do biến động về đất đai, thiếu đất sản xuất, tập quán canh tác lạc hậu đã chuyển về chỗ ở cũ, tiếp tục phá rừng làm rẫy, cuộc sống còn nhiều khó khăn.

Lĩnh vực an ninh trật tự, nhiều vụ việc tranh chấp, khiếu kiện, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân chậm giải quyết, còn để kéo dài. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc có nơi, có lúc chưa mạnh. Việc tấn công, trấn áp bọn tội phạm không được duy trì thường xuyên, liên tục.

Về hệ thống chính trị: Trong quá trình chuyển đổi cơ chế, nhận thức về công tác quản lý, điều hành bộ máy của cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban còn lúng túng, bên cạnh đó vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và sự phối hợp của Mặt trận và các ban, ngành đoàn thể thị trấn thiếu đồng bộ, do vậy kết quả đem lại thấp.

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể thiếu chiều sâu, chưa có những hoạt động thiết thực để tạo sự chuyển biến của các phong trào quần chúng. Đội ngũ cán bộ các đoàn thể năng lực, trình độ hạn chế, ít thiết tha với công việc. Năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên thiếu tính toàn diện và hạn chế nhiều mặt.

III. Giai đoạn 1993 - 1995

Đảng bộ tiến hành Đại hội lần II, Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ II (1993 - 1995) gồm 9 đồng chí, đồng chí Nguyễn Đình Thập tiếp tục giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy thị trấn.

Trong năm 1994, Huyện ủy điều động đồng chí Nguyễn Đình Thập về Huyện công tác, đồng chí Kiều Thái được phân công giữ chức vụ Quyền Bí thư Đảng ủy thị trấn.

Đảng bộ lãnh đạo đạt được những kết quả sau:

Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo điều kiện cho nhân dân yên tâm sản xuất, mạnh dạn chuyển đổi nhanh cơ cấu cây trồng theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường.

Về trồng trọt, đã phá thế độc canh, từng bước chuyển dần sang thâm canh, đa dạng hóa các loại cây trồng. Do bước đầu áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trong sản xuất nên đã tạo ra năng suất cao trong một số cây trồng chủ yếu.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở hai thôn phát triển hơn trước, đã lập vườn, trồng cây ăn quả. Việc cứu đói như vài năm trước đây đã có phần giảm. Một bộ phận bà con đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, không những trồng cây lương thực mà còn chuyển sang trồng cây họ đậu và cây rau thương phẩm, bước đầu đã tiếp cận cơ chế thị trường.



Cây hồng - một trong những đặc sản của thị trấn D'ran

Về chăn nuôi: Duy trì đàn trâu bò, đàn heo. Công tác tiêm phòng, thú y được quan tâm không để xảy ra dịch bệnh trên đàn gia súc. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, duy trì một xưởng gạch ngói, sản xuất phục vụ xây dựng; một cơ sở sản xuất xì dầu, nước chấm phục vụ cho địa phương, trong và ngoài tỉnh; ngành mộc gia dụng có bước phát triển. Về xây dựng cơ bản, tình hình đầu tư kinh phí để xây dựng trường lớp ở địa phương có nhiều chuyển biến, đáp ứng được việc học tập cho con em.

Giao thông đường nông thôn: Nhà nước đầu tư kinh phí; vận động nhân dân đóng góp tu sửa cống thoát nước, đường sá, cầu cống để thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển.

Thu nhập bình quân đầu người tăng, ước tính năm 1995 đạt 250 USD.

Thực hiện chủ trương giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo của Đảng, từng bước ổn định sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân; đầu tư cho nhân dân vay các nguồn vốn ưu tiên, vốn giải quyết việc làm, vốn tín chấp, vốn xóa đói giảm nghèo, đã tạo điều kiện cho những hộ đói nghèo vươn lên, đời sống từng bước được cải thiện. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số từng bước ổn định đời sống. Do thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng, hộ nhận rừng đã có thêm thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo và hạn chế được nạn phá rừng, làm nương rẫy. Tình trạng đói giáp hạt trong hai thôn đồng bào dân tộc giảm hơn trước.

Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: Mạng lưới giáo dục phát triển khá tốt, số lượng học sinh các cấp đều tăng¹. Chất lượng giáo dục được củng cố và được nâng lên, cơ bản xóa mù chữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ sở vật chất trường học được tăng cường đầu tư tu bổ và xây dựng mới.

Công tác y tế: Tập trung vào các chương trình y tế quốc gia như chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống sốt rét, phòng chống suy dinh dưỡng, bại liệt ở trẻ em được thực hiện tốt, đạt tỷ lệ 90%. Thành lập tủ thuốc ở các thôn đồng bào dân tộc thiểu số.

Thị trấn làm tốt các chính sách đối với các gia đình thương binh liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, xây dựng nhà tình nghĩa, gây quỹ tình thương, quỹ bảo trợ gia đình chính sách.

An ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thị trấn được giữ vững, các vụ trọng án không để xảy ra. Lực lượng công an viên, dân quân được củng cố, kiện toàn thường xuyên.

Công tác xây dựng hệ thống chính trị được tiến hành cùng với việc phát huy dân chủ trong nhân dân. Hoạt động của bộ máy Nhà nước tuy còn khó khăn và có những mặt yếu kém nhưng đã bao quát được các lĩnh vực đời sống xã hội. Việc sắp xếp các ban của Ủy ban nhân dân thị trấn đã làm được một bước theo chỉ đạo của cấp trên, nhất là sau bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp. Hoạt động của Hội đồng nhân dân bước đầu có đổi mới, phát huy được dân chủ, chất lượng các kỳ họp được cải tiến. Mặt trận và các đoàn thể tăng cường công tác vận động quần chúng xây dựng phong trào và đề ra những nhiệm vụ cụ thể, khắc phục tình trạng chung. Các chức danh Chủ tịch Mặt trận, Trưởng các đoàn thể thị trấn cơ bản đều là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về xây dựng Đảng: Sau khi thực hiện Nghị quyết Trung ương III về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Đảng ủy đã chấn chỉnh lại hệ thống tổ chức và vai trò

¹ Năm học 1994 - 1995: Mẫu giáo: 506 cháu, trong đó dân tộc thiểu số 43; Cấp I, 1.574 học sinh, trong đó dân tộc 148; Phổ thông cấp II - III, 1.380 học sinh.

lãnh đạo của Đảng ủy, Chi ủy, tổ chức cơ sở Đảng được tăng cường phù hợp với cơ chế mới. Đảng bộ thị trấn D'ran có 56 đảng viên, trong đó có 12 nữ, người dân tộc thiểu số 02, tăng cường 01, trên ½ là đảng viên hưu trí, số còn lại kết nạp sau năm 1995. Đảng viên phân bố trên địa bàn dân cư không đều, tuy vậy 12 thôn, khóm đều có đảng viên, trong 06 Chi bộ có 02 Chi bộ hành chính sự nghiệp (Lực lượng vũ trang - Giáo dục), có 04 Chi bộ nông thôn tổ chức theo địa bàn dân cư. Đội ngũ đảng viên và Chi ủy viên đều có trình độ sơ cấp, trung cấp lý luận chính trị.

Bên cạnh yêu cầu bồi dưỡng, nâng cao sức chiến đấu cho đảng viên là chủ yếu, song Đảng ủy, Chi ủy cũng chú trọng xem xét và xử lý đảng viên vi phạm, tiến hành phân loại đảng viên nhằm làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Việc kiểm tra đảng viên chấp hành tập trung vào những đảng viên đương chức, cán bộ cốt cán từ Đảng ủy đến Chi ủy, Chi bộ, đồng thời chú trọng những đồng chí có dư luận nổi lên, 30/56 đồng chí trong Đảng bộ được kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Qua kiểm tra đa số đều chấp hành tốt các nội dung, nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng.

Bên cạnh kết quả đạt được, sự lãnh đạo của Đảng bộ còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót sau:

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Năng suất cây trồng, vật nuôi còn thấp. Công tác khuyến nông còn chậm, thiếu chủ động, thiếu hiệu quả. Tiểu thủ công nghiệp yếu, công nghệ sản xuất còn lạc hậu, nhỏ bé, manh mún, phân tán, một số ngành nghề truyền thống chưa được phát huy, chậm phát triển. Các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng không còn hoạt động. Việc đầu tư xây dựng phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa đạt so với yêu cầu. Việc quản lý bảo vệ rừng thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội: Tỷ lệ phát triển dân số hàng năm ở mức cao, ảnh hưởng đến vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn. Công tác quản lý văn hóa, bài trừ văn hóa phẩm đồi trụy, độc hại còn buông lỏng, sơ hở. Công bằng xã hội còn nhiều bức xúc. Đời sống nhân dân tuy có nâng lên, nhưng sự phân hóa giàu nghèo đã thể hiện khá rõ trong các tầng lớp dân cư; một bộ phận nhân dân chưa thoát khỏi nghèo, còn thiếu việc làm. Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo còn cao, một bộ phận thiếu ăn khi giáp hạt.

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa được duy trì thường xuyên và đi vào chiều sâu. Xây dựng thực lực cách mạng tại thôn, khóm, chất lượng của lực lượng dân quân cơ động và tại chỗ còn yếu, thiếu. Việc xử lý các vi phạm trong thực hiện pháp lệnh nghĩa vụ quân sự chưa nghiêm.

Hệ thống chính trị tuy được củng cố nhưng có mặt chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình nhiệm vụ mới. Hiệu lực quản lý của chính quyền thấp, nhất là việc tổ chức thực hiện các chủ trương nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước cấp trên, các ban của Ủy ban còn hạn chế trong thực hiện chức năng tham

mu, do vậy nhiều vụ việc của nhân dân giải quyết không kịp thời. Mặt trận và các đoàn thể chưa duy trì thường xuyên các phong trào cách mạng trong quần chúng. Phương thức, nội dung hoạt động của đoàn thể tuy có cải tiến nhưng chưa bám sát nhiệm vụ chính trị, chưa chú trọng công tác củng cố tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ủy, Chi bộ trực thuộc chưa rõ nét. Chưa kịp thời xây dựng các nghị quyết chuyên đề để thực hiện có hiệu quả các nghị quyết cấp trên. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng còn lúng túng, chưa chuyển kịp với thực tiễn. Nhận thức trong cán bộ, đảng viên tuy được nâng lên song vẫn còn hạn chế. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ chưa quan tâm thực hiện đầy đủ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, đảng viên đi học dài ngày. Công tác kiểm tra Đảng còn ỷ lại vào Ủy ban kiểm tra cấp trên, chưa có kế hoạch thường xuyên kiểm tra việc sửa chữa khuyết điểm của đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng.

CHƯƠNG III

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2005)

I. Giai đoạn 1996 - 2000

Tháng 01 năm 1996, Đảng bộ tiến hành Đại hội lần thứ III (nhiệm kỳ 1996 - 2000). Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí; đồng chí Nguyễn Văn Việt được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Phương Triều, Phó Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hà Văn Hai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn, tuy trong điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ đã đạt được những kết quả trên tất cả các lĩnh vực sau:

Về kinh tế: Nền kinh tế của thị trấn có phát triển, ổn định; đời sống nhân dân được nâng cao, các phương tiện đi lại, tiện nghi sinh hoạt gia đình được mua sắm nhiều hơn. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số có phát triển hơn trước. Về trồng trọt đã phá thế độc canh, từng bước chuyển sang thâm canh tăng vụ, đa dạng hóa các loại cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu. Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, đã tạo ra năng suất cao trong một số sản phẩm chủ yếu. Nhờ đó các tiêu chí trong sản xuất nông nghiệp như năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi năm 2000 so với các năm trước đều tăng.

Về nông nghiệp: Diện tích gieo trồng hàng năm đạt kế hoạch giao. Tổng sản lượng quy thóc 742 tấn, đảm bảo lương thực bình quân đầu người.

Về chăn nuôi: Duy trì tổng đàn gia súc, thực hiện chương trình khuyến nông lai tạo đàn bò đạt kết quả. Đàn gà công nghiệp phát triển ở một số hộ gia đình. Công tác tiêm chủng kịp thời hạn chế dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

Về lâm nghiệp: Làm tốt công tác giao khoán bảo vệ rừng, nhiều hộ gia đình và các tổ chức Hội Cựu Chiến binh, Công an, thị đội,... đã nhận 1.300 ha rừng tự quản, trồng, chăm sóc và bảo vệ.

Tình hình quản lý đất đai ổn định, công tác đo đạc, xét cấp quyền sử dụng đất khép kín bản đồ địa chính thị trấn cơ bản đã hoàn thành. Hoàn thành việc phân định ranh giới hành chính, đã quy hoạch khu trung tâm.

Công tác xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng được chú trọng đầu tư, tập trung cho xây dựng giao thông nông thôn, cơ sở vật chất trường học và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong 5 năm đã vận động nhân dân đóng góp để tu sửa đường liên thôn Phú Thuận - Hamasing, công trình nước sạch ở 02 thôn Kănkil, Hamasing, xây dựng mới trường trung học bán công D'ran; trường mầm non D'ran; nhiều phòng học ở thôn Hòa Bình,...

Thu ngân sách đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch chỉ tiêu thu, chi ngân sách hàng năm.

Lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được mở rộng và phát triển; học sinh cấp 2, 3 hàng năm đều tăng. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn lực được nâng lên. Đội ngũ giáo viên các cấp từng bước chuẩn hóa. Đã hoàn thành phổ cập giáo dục bậc tiểu học. Chất lượng giáo dục toàn diện các cấp học được nâng lên. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,2% năm 1995 giảm xuống còn 1,6% năm 1999. Năm 2000, trên 95% trẻ em được tiêm chủng mở rộng. Các hoạt động văn hóa thể thao, thông tin tuyên truyền từng bước phục vụ cơ sở. Sóng truyền hình đã phủ hết địa bàn dân cư, tiếp phát các kênh, đài truyền hình Trung ương và của Tỉnh. Trạm truyền thanh thị trấn đã lắp đặt máy phát mới, đáp ứng nhu cầu thông tin của các tầng lớp nhân dân. Xây dựng nhiều câu lạc bộ gia đình văn hóa ở các thôn.

Đời sống của nhân dân được cải thiện, một số bộ phận dân cư có thu nhập cao, hộ nghèo giảm mạnh. Các đối tượng gia đình chính sách thường xuyên được chăm sóc, mức sống ngang mức trung bình ở khu dân cư.

Tình hình an ninh chính trị, quốc phòng: Qua phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc hàng năm đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời các âm mưu thủ đoạn của địch và các phần tử xấu chống đối Đảng và Nhà nước. Tích cực giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân, không để xảy ra điểm nóng. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong các tầng lớp nhân dân. Triển khai thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.

Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân: Tăng cường công tác sẵn sàng chiến đấu, gắn với đẩy mạnh củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân; phòng chống âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; củng cố nâng cao chất lượng dân quân và dự bị động viên.

Củng cố và xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường khối đoàn kết toàn dân và phát huy dân chủ trong nhân dân.

Hệ thống Nhà nước từ thị trấn đến thôn khóm được kiện toàn, nhất là thông qua bầu cử Hội đồng nhân dân thị trấn. Hoạt động của Hội đồng nhân dân từng bước được đổi mới, đã chú trọng nâng cao chất lượng các kỳ họp, tổ chức tiếp xúc cử tri. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương (khóa VII) về cải cách thủ tục hành chính có những cố gắng, bước đầu khắc phục tình trạng những nhiễu, gây phiền hà đối với nhân dân.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể có chuyển biến, từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đi sát cơ sở phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Công tác vận động tập hợp quần chúng, kết nạp đoàn viên, hội viên có những cố gắng. Từ đó đã góp phần vận động toàn dân tham gia thực hiện các phong trào của địa phương.

Đảng bộ, chi bộ đã tập trung lãnh đạo, tổ chức thực hiện công tác vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Mối quan hệ giữa cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể được củng cố, tăng cường. Việc phát huy dân chủ trong nhân dân có những cố gắng, nhất là trong triển khai thực hiện Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị, Nghị định 09/CP, 71/CP của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Đã tiến hành sắp xếp, củng cố tổ chức và hoạt động của các chi bộ. Chất lượng hoạt động của các chi bộ có những chuyển biến tích cực, số chi bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, khá ngày càng tăng: năm 1996 là 01, năm 1999: 02 chi bộ trong sạch vững mạnh, Đảng bộ 5 năm đạt Đảng bộ khá.

Công tác phát triển đảng viên mới được Đảng bộ quan tâm, trong 5 năm đã phát triển 15 đảng viên mới. Đến năm 2010 toàn Đảng bộ có 62 đồng chí, trong đó nữ 14, dân tộc thiểu số 03, đảng viên hưu trí, mất sức 24, kết nạp sau giải phóng đến nay 38 đồng chí, không còn thôn trắng đảng viên. Trong 07 chi bộ có 03 chi bộ hành chính sự nghiệp (Công an, Quân sự, Giáo dục), có 04 chi bộ nông thôn. Thông qua các lớp đào tạo ở các trường chính trị tỉnh và huyện, trình độ chuyên môn và lý luận của cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Công tác kiểm tra tổ chức cơ sở Đảng, chi bộ và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và các chủ trương của trên có những tiến bộ. Qua kiểm tra đã góp phần nâng cao nhận thức chính trị, củng cố đoàn kết nội bộ, kịp thời uốn nắn những lệch lạc sai phạm của cá nhân và giữ nghiêm kỷ luật Đảng. Trong nhiệm kỳ đã kiểm tra 07 chi bộ và $\frac{1}{4}$ số lượng đảng viên của Đảng bộ. Qua đó đã kịp thời phát hiện những khuyết điểm, sai phạm, xử lý kỷ luật 01 đồng chí, số còn lại kiểm điểm nghiêm túc. Công tác xử lý kỷ luật của Đảng trong nhiệm kỳ: đã xử lý kỷ luật 04 đảng viên, trong đó khai trừ 01, xóa tên 02 và khiển trách 01.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua, Đảng bộ cũng nhận thấy trong lãnh đạo, chỉ đạo còn bộc lộ nhiều yếu kém sau:

Về kinh tế: Kinh tế phát triển chưa vững chắc, sức cạnh tranh còn thấp, tốc độ tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của địa phương; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, năng suất vật nuôi, cây trồng còn thấp; công tác khuyến nông còn chậm; tiểu thủ công nghiệp chậm phát triển, sản xuất

vẫn còn manh mún, phân tán. Công tác đo đạc xét cấp quyền sử dụng ruộng đất còn chênh lệch lô thửa và ranh giới đất nông nghiệp, lâm nghiệp. Việc quản lý bảo vệ rừng thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, hiệu quả trồng rừng đạt thấp.

Về xã hội: Công bằng xã hội, đời sống nhân dân tuy có nâng lên nhưng sự phân hóa giàu nghèo còn thể hiện trong các tầng lớp dân cư, một bộ phận dân cư chưa thoát nghèo, thiếu việc làm; đời sống đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, một số hộ thiếu ăn khi giáp hạt. Tỷ lệ phát triển dân số hàng năm tuy có giảm (1,6%) nhưng vẫn còn cao.

Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: Tình hình an ninh nông thôn còn nhiều phức tạp; các tranh chấp trong nội bộ nhân dân còn xảy ra. Thi hành pháp luật chưa nghiêm, trật tự kỷ cương còn vi phạm, một số tệ nạn xã hội tuy có đấu tranh ngăn chặn song chưa giảm. Chất lượng xây dựng nền quốc phòng toàn dân (dân quân, tổ an ninh) chưa thật sự vững chắc, độ tin cậy chưa cao. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tuy được phát động nhưng chưa duy trì thường xuyên.

Hệ thống chính trị tuy được củng cố và tăng cường một bước, song còn yếu kém tồn tại, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới: Hiệu quả, hiệu lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân thị trấn và Ban nhân dân các thôn, tổ dân phố còn thấp. Vai trò tham mưu và phối hợp trong triển khai thực hiện của một số ban ngành còn yếu; chưa tạo ra sức mạnh tổng hợp thúc đẩy các phong trào kinh tế - xã hội địa phương. Mặt trận và các đoàn thể chưa duy trì thường xuyên các phong trào cách mạng trong quần chúng. Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể tuy có bước cải tiến nhưng chưa bám sát nhiệm vụ chính trị, chưa chú trọng công tác xây dựng, phát triển hội viên, đoàn viên, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh.

II. Giai đoạn 2000 - 2005

Ngày 20/9/2000, Đại hội Đảng bộ thị trấn D'ran lần thứ IV (nhiệm kỳ 2000 - 2005) được tiến hành. Về dự Đại hội có 62 đảng viên, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng ủy gồm 09 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 03 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Việt giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Phương Triều, Phó Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hà Văn Hai, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn. Đại hội đề ra mục tiêu; nhiệm vụ, giải pháp cụ thể 5 năm 2000-2005.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn D'ran lần IV (2000 - 2005) đã đạt được những kết quả khả quan:

Lĩnh vực kinh tế: Trong sản xuất nông nghiệp khuyến khích các hộ gia đình khai thác tiềm năng thế mạnh địa phương, đầu tư có trọng điểm cây trồng, vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế như đầu tư chăm sóc cây ăn quả và sản xuất cây rau thương phẩm, duy trì diện tích sản xuất lương thực. Phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nhằm tăng trưởng kinh tế.



Cây rau thương phẩm

Thu nhập bình quân đạt 5 triệu đồng/người/năm.

Về chăn nuôi: Phát triển đàn bò, chú trọng đàn bò lai sind, đàn heo siêu nạc tăng, khuyến khích nhân dân chăn nuôi gia súc, gia cầm, khôi phục đàn gà công nghiệp.

Về lâm nghiệp: Làm tốt công tác giao khoán bảo vệ rừng, giảm các vụ cháy rừng, diện tích rừng bị xâm hại giảm so với trước thời kỳ năm 2000.

Về kinh tế hợp tác xã, đã tiến hành giải thể 02 hợp tác xã Quảng Thiện, Tân Hòa.

Tiểu thủ công nghiệp: Chế biến nước tương, chao phát triển; mở rộng cơ sở chế biến trà. Sản xuất gạch ngói, khai thác cát đá phục vụ cho địa phương trong và ngoài tỉnh. Một số doanh nghiệp chế biến hàng nông sản mới hồng sấy khô, rượu vang đi vào hoạt động.

Ngành dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của thị trấn. Hệ thống điện thoại đã dẫn đến 12 thôn, khóm; toàn thị trấn đã có 1.380 máy, bình quân 9 người/máy đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

Việc xét cấp quyền sử dụng đất đai đạt 94% (884 ha/899 ha). Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm lấn chiếm đất công, lập lại kỷ cương trong quản lý đất đai.

Công tác thu ngân sách: Hàng năm đều có cố gắng thu đạt kế hoạch chỉ tiêu trên giao với mức thu tăng từ 8 đến 10%.

Lĩnh vực xã hội: Sự nghiệp giáo dục đào tạo có bước phát triển, ổn định mạng lưới trường lớp từng bước được hoàn chỉnh theo quy hoạch, kế hoạch. Thị trấn có 02 trường trung học, 03 trường tiểu học và 02 trường bán công mầm non.

Tỷ lệ huy động các cháu mẫu giáo 5 tuổi và học sinh cấp I, cấp II đạt 100%, hoàn thành phổ cập giáo dục bậc tiểu học và trung học cơ sở trong độ tuổi. Chất lượng giảng dạy học tập ngày càng được nâng cao. Học sinh đạt khá giỏi và tỷ lệ thi đậu tốt nghiệp các cấp đều tăng so với các năm về trước.

Công tác y tế: Chất lượng khám chữa bệnh được quan tâm hơn. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm. Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 01 tuổi hàng năm đạt 95%. 7/12 thôn, khóm đạt tiêu chuẩn y tế thôn bản.

Công tác xã hội hóa về dân số kế hoạch hóa gia đình có tiến bộ. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm.

Công tác xóa đói nghèo từng bước được xã hội hóa, số hộ nghèo còn 80 hộ bình quân hàng năm giảm 5,1%.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở thôn, khóm bước đầu được phát huy, nhân dân đã tham gia vào quản lý xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng. Về quân sự, công tác xây dựng lực lượng cơ động, tại chỗ, dự bị động viên; tổ chức diễn tập, tác chiến, huấn luyện, tuyển quân hàng năm đều đạt kế hoạch đề ra. Công tác an ninh nông thôn, đảm bảo trật tự an toàn xã hội đối với các thôn, khóm và 02 thôn đồng bào dân tộc thiểu số được chú ý, các ban ngành thường xuyên tuyên truyền chống các thế lực thù địch lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo để gây rối.

Xây dựng hệ thống chính trị: Bộ máy Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân từng bước được kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động. Hội đồng nhân dân đã thực hiện vai trò nhiệm vụ là đại diện cho ý chí nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, thể hiện trong hoạt động giám sát tại các kỳ họp, xem xét giải quyết phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết một số vấn đề bức xúc ở địa phương theo luật định. Duy trì công tác tiếp dân và kiểm tra đôn đốc việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Mặt trận và các đoàn thể thị trấn có nhiều cố gắng trong tổ chức các phong trào gắn liền với nhiệm vụ chính trị của địa phương và quyền lợi thiết thực của quần chúng. Công tác tổ chức của Mặt trận và đoàn thể từng bước được kiện toàn, củng cố. Qua tổng kết, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng được ngành cấp trên đánh giá đơn vị khá nhiều năm liền.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tổ chức triển khai nghiên cứu, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, qua đó nhận thức tư tưởng, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên. Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng, trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 16 đảng viên, nâng tổng số đảng viên lên 66 đồng chí. Chất lượng đảng viên được nâng lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua, Đảng bộ cũng nhận thấy trong lãnh đạo, chỉ đạo còn bộc lộ nhiều yếu kém sau:

Về kinh tế: cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nhiều năm chậm phát triển. Cơ cấu đầu tư cho cây trồng, vật nuôi còn thấp, chưa tập trung. Sản xuất kinh doanh còn lúng túng chủ yếu làm theo thời vụ, chạy theo cơ chế thị trường.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội: Cơ sở vật chất trang thiết bị trường học còn thiếu, chất lượng giáo dục đào tạo chưa cao. Công tác y tế còn những hạn chế, cơ sở vật chất chưa đảm bảo, mạng lưới y tế thôn bản còn mỏng. Tỷ lệ hộ nghèo có giảm nhưng chưa vững chắc. Đời sống nhân dân nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn, một bộ phận đồng bào dân tộc hàng năm phải trợ cấp, cứu đói.

Trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều nhân tố phức tạp, tai, tệ nạn xã hội còn xảy ra. Công tác xây dựng thực lực cách mạng địa phương thiếu vững chắc.

Về xây dựng hệ thống chính trị: Chính quyền phối hợp hoạt động với Mặt trận và các đoàn thể chưa thể hiện tính đồng bộ để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc vận động nhân dân tham gia phát triển kinh tế và thực hiện các chính sách xã hội. Công tác chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân chưa thường xuyên. Công tác quy hoạch cán bộ chưa thực sự coi trọng, thiếu tính ổn định lâu dài. Công tác kiểm tra Đảng, chưa có kế hoạch thường xuyên kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, kiểm tra hoạt động của các Chi bộ trực thuộc. Chất lượng kiểm tra một số nơi còn hình thức.

CHƯƠNG IV

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TĂNG TỐC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2005 - 2010

Ngày 12/7/2005, Đại hội Đảng bộ thị trấn D'ran lần thứ V (nhiệm kỳ 2005 -2010) được tiến hành, dự Đại hội có 65 đảng viên, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 10 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 03 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Việt giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Huy Hoàng, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn, đồng chí Huỳnh Thu, Thường trực Đảng ủy thị trấn.

Đại hội đề ra mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp đến năm 2010, Đại hội phát động đợt thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội IX Đảng bộ huyện. Từ ngày 10 đến ngày 13/9/2005, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX được tiến hành trọng thể. Đại hội lần này thảo luận và góp ý vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, dự thảo văn kiện trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII và dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VIII trình Đại hội đại biểu huyện lần thứ IX (nhiệm kỳ 2005 - 2010).

Đại hội xác định chủ đề: *“Đoàn kết, kỷ cương, tiếp tục đổi mới, phát huy nội lực và tranh thủ các nguồn lực xây dựng Đơn Dương ngày càng phát triển”*. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ IX, Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa VIII), Nghị quyết số 14-NQ/HU về

“Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đột phá, tăng tốc, phát triển kinh tế - xã hội”, Đảng bộ thị trấn ban hành Nghị quyết về *“Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đột phá, tăng tốc, phát triển kinh tế - xã hội thị trấn D’ran giai đoạn 2006 - 2010”*. Nhiều chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo hướng tăng tốc phát triển.

Quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Huyện ủy, nhất là Nghị quyết về đột phá, tăng tốc giai đoạn 2006 - 2010, Đảng ủy xây dựng Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU về *“Định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ giai đoạn 2006 - 2010”*, Chương trình hành động số 02-CTr/ĐU về *“Định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển lĩnh vực rau, hoa công nghệ cao giai đoạn 2006 - 2010”*, Báo cáo về thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy (khóa IX) về tập trung nguồn lực tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010.

I. Kết quả hoạt động qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn D’ran lần V, nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã đạt được những kết quả

Lĩnh vực kinh tế: Thực hiện chương trình chuyển đổi cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, nhân dân thị trấn đã chuyển đổi diện tích trồng lúa, trồng bắp và cây mỳ sang trồng các loại cây ăn trái và rau thương phẩm, riêng diện tích cây rau thương phẩm năm 2010 là 306,1 ha, tăng 23 ha so với đầu nhiệm kỳ.

Thực hiện chương trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của huyện toàn thị trấn đã có 10 hộ sản xuất rau trong nhà kính với diện tích 3 ha và nhiều hộ đã sản xuất rau theo mô hình phủ bạt với diện tích 50ha, do vậy đã giảm được chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Diện tích cây ăn quả tăng, trong đó thơm 210 ha, cây chanh dây 100 ha, cây công nghiệp có cây cà phê 260 ha.

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt 13,5% (chỉ tiêu Nghị quyết 14%).

Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 19 triệu đồng.

Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp, đến nay ngành nông - lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 70% (chỉ tiêu Nghị quyết 75%); công nghiệp - xây dựng 17% (chỉ tiêu Nghị quyết 20%); dịch vụ 13% (chỉ tiêu Nghị quyết 5%).

Công tác xét cấp quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

Lĩnh vực du lịch - thương mại dịch vụ: Tiến hành giải phóng mặt bằng xây dựng chợ Lạc Nghiệp giai đoạn I, cuối năm 2009 đã đưa vào sử dụng.

Giao thông vận tải: Làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp quốc lộ 27 và đã huy động nhân dân đóng góp để đầu tư, xây dựng, tu sửa đường liên thôn - liên xóm, làm đường lên nghĩa trang (Km2 - Lạc Thiện).

Xây dựng cơ bản: Thực hiện chương trình 134, 135, 168 trong 5 năm của nhiệm kỳ đã đầu tư xây dựng hội trường thôn, khai hoang giao đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, hỗ trợ làm nhà, xây dựng hệ thống nước sinh hoạt bằng giếng đào, nước tự chảy, mắc điện nhánh rẽ... với tổng vốn đầu tư trên 1,323 tỷ đồng, bên cạnh đó còn huy động nhân dân tu sửa đường giao thông nông thôn, tiến hành nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ cho sản xuất.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội: Chất lượng giáo dục được chú trọng ở tất cả các cấp học. Trình độ đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trường học và giáo viên ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới về giáo dục. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập từng bước được quan tâm đầu tư.

Công tác y tế được duy trì, thực hiện tốt các chương trình y tế Quốc gia, phòng chống dịch bệnh, thực hiện tốt các chính sách xã hội về y tế cho các đối tượng theo quy định. Nâng cao ý thức việc khám và điều trị bệnh cho nhân dân. Quan tâm củng cố đội ngũ công tác viên dân số và đội ngũ y tế thôn bản. Trạm xá thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2010 còn 12% (Nghị quyết 11%), tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,06% (Nghị quyết 1%).

Tỷ lệ hộ nghèo giảm, năm 2005 tỷ lệ hộ nghèo chiếm 16%, đến năm 2010 còn 6,78%, giảm 9,22% (trong đó vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2005 chiếm 58,5% đến năm 2010 còn 23,63%, giảm 34,87%).

Công tác xóa nhà tạm: Từ năm 2005 đến năm 2009 đã xóa được 99 căn (trong đó vùng đồng bào dân tộc 53 căn).

Hệ thống truyền thanh không dây đã được phủ sóng 70% địa bàn thị trấn. Hàng năm số thôn, khu phố đạt văn hóa được giữ vững, số hộ đăng ký và đạt gia đình văn hóa cao hơn năm trước.

Công tác quốc phòng an ninh: Trong nhiệm kỳ tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thị trấn cơ bản được ổn định và giữ vững. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được quan tâm chỉ đạo và tổ chức phát động rộng rãi. Hàng năm đều tổ chức huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dân quân cơ động, binh chủng, lực lượng tại chỗ và dự bị động viên; thực hiện tốt công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự, đăng ký độ tuổi 17, giao quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

Xây dựng hệ thống chính trị: Hoạt động của chính quyền cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hội đồng nhân dân duy trì kỳ họp theo quy định, chất lượng các kỳ họp được nâng lên. Nội dung nghị quyết từng kỳ họp có sự đổi mới, đã cụ thể hóa được các quan điểm chủ trương của cấp trên, nghị quyết của Đảng ủy và đã giải quyết được những vấn đề quan trọng, bức xúc của địa phương.

Bộ máy Ủy ban nhân dân thị trấn được sắp xếp, kiện toàn. Năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của cấp trên có tiến bộ. Ủy ban nhân dân thị trấn đã vận dụng chủ trương, Nghị quyết của Đảng, văn bản chỉ đạo của cơ quan Nhà nước cấp trên, đề cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả, đặc biệt là đã kết hợp chặt chẽ giữa triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với thực hiện khá tốt cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa.

Hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể chính trị từng bước được đổi mới, gắn bó với nhân dân. Vận động nhân dân tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất và các mô hình sản xuất có hiệu quả; thực hiện xóa đói, giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân. Vận động hội viên, đoàn viên tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, làm chỗ dựa xây dựng thể trận an ninh nhân dân ngay tại địa bàn dân cư, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Công tác xây dựng Đảng: Đảng bộ tập trung công tác giáo dục tư tưởng, chính trị. Tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự nhất trí trong toàn Đảng và toàn xã hội. Tiếp tục tổ chức quán triệt và thực hiện Chỉ thị 06-CT/TW của Bộ Chính trị về cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” được đông đảo cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân đồng tình tham gia ủng hộ, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị.

Về Tổ chức Đảng và đảng viên: Đảng bộ có 17 Chi bộ, 100% thôn, khu phố có chi bộ. Tổng số có 106 đảng viên, tăng 40 đảng viên so với đầu nhiệm kỳ. Công tác phát triển đảng viên mới được Đảng ủy quan tâm, trong nhiệm kỳ đã phát triển được 34 đảng viên. Các Chi bộ trực thuộc duy trì chế độ sinh hoạt định kỳ. Nội dung, hình thức và chất lượng sinh hoạt được nâng lên; thực hiện nghiêm các nguyên tắc cơ bản trong sinh hoạt. Hàng năm có từ 80% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; 70% Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, không có Chi bộ yếu kém. Từ năm 2005 đến năm 2007 Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh, năm 2008 và năm 2009 Đảng bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công tác cán bộ được quan tâm từ việc đào tạo, bồi dưỡng đến công tác quy hoạch, đánh giá cán bộ; trong nhiệm kỳ đã cử 10 đồng chí đi học đại học, 04 đồng chí học lớp trung cấp chính trị.

Công tác kiểm tra, giám sát: Trong nhiệm kỳ Ban Thường vụ Đảng ủy và Ủy ban kiểm tra Đảng ủy đã tiến hành kiểm tra 28 lượt chi bộ và kiểm tra 10 đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Qua kiểm tra Ủy ban kiểm tra Huyện ủy và Đảng ủy đã thi hành kỷ luật 05 đảng viên với hình thức kỷ luật: khiển trách 03, cảnh cáo 02, đồng thời xóa tên 01 đảng viên dự bị; nội dung vi phạm chủ yếu: lợi dụng chức vụ quyền hạn để tư lợi cá nhân.

Sau 5 năm (2005 - 2010), dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện; sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ và sự đồng

thuận của cả hệ thống chính trị nên các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn lần thứ V cơ bản hoàn thành.

Bên cạnh những thành quả đạt được vẫn còn một số khuyết điểm, hạn chế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của một thị trấn. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phát triển chậm. Một số công trình trọng điểm của thị trấn được Nghị quyết đề ra nhưng chưa được quan tâm đầu tư xây dựng.

Tình hình an ninh chính trị cơ bản ổn định, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn có nhiều diễn biến phức tạp. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chất lượng, hiệu quả chưa cao.

Hoạt động điều hành của Ủy ban nhân dân thiếu tính đồng bộ. Công tác quản lý đất đai tài nguyên, môi trường còn lỏng lẻo, chưa xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm lấn chiếm đất đai, đào bạt ta luy trái phép. Sự quản lý của Nhà nước đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội còn lỏng lẻo, đặc biệt lĩnh vực y tế như quản lý dược phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo của một số cán bộ chủ chốt chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay. Việc đổi mới phương thức, nội dung hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể còn chậm, chưa thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia.

Công tác tuyên truyền, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước được Đảng ủy quan tâm nhưng phương pháp chậm đổi mới để triển khai sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân. Công tác quản lý, giáo dục cán bộ đảng viên thiếu chặt chẽ và thường xuyên, một số đảng viên thiếu tu dưỡng rèn luyện, dẫn đến vi phạm pháp luật. Công tác phê và tự phê bình trong sinh hoạt Đảng còn hình thức. Công tác phát triển Đảng trong lực lượng dân quan, trong vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn chậm.

II. Đại hội VI Đảng bộ thị trấn D'ran và định hướng đến năm 2015

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 4/8/2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; Chỉ thị số 45-CT/TU ngày 22/10/2009 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Kế hoạch số 49-KH/HU ngày 10/11/2009 của Ban Thường vụ Huyện ủy về Đại hội Đảng bộ cấp huyện và cơ sở, ngày 25/5/2010, Đại hội Đảng bộ thị trấn D'ran lần thứ VI (nhiệm kỳ 2010 -2015) được tiến hành, dự Đại hội có 106 đảng viên. Đại hội thảo luận và góp ý vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X. Đồng thời, Đại hội tập trung trí tuệ, phát huy dân chủ để thảo luận và tham gia góp ý vào dự thảo báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn trình Đại hội Đảng bộ thị trấn D'ran lần thứ VI (nhiệm kỳ 2010 - 2015).

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn khóa VI (nhiệm kỳ 2010 - 2015) gồm 15 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 05 đồng chí, đồng chí Nguyễn Danh Sinh được bầu làm Bí thư, các đồng chí Lê Hữu Chúc và Nguyễn Huy Hoàng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy.

Đại hội Đảng bộ thị trấn D'ran lần thứ VI là sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng khẳng định sự đoàn kết, thống nhất ý chí trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; nêu cao quyết tâm thực hiện chủ đề Đại hội *“Tăng cường đoàn kết, kỷ cương, đổi mới toàn diện tranh thủ ngoại lực, phát huy nội lực, phát triển thị trấn D'ran nhanh và bền vững.”*



Đoàn Chủ tịch Đại hội VI Đảng bộ thị trấn D'ran (từ trái sang đ/c Hà Văn Hai, đ/c Nguyễn Văn Việt, đ/c Nguyễn Danh Sinh, đ/c Nguyễn Huy Hoàng, đ/c Lê Hữu Chúc, Đồng chí Lưu Tấn Huệ - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy phát biểu chỉ đạo Đại hội Đảng bộ thị trấn D'ran lần thứ VI, nhiệm kỳ 2010 - 2015)

Đại hội xác định phương hướng, mục tiêu phát triển 5 năm 2010 - 2015:

Củng cố, kiện toàn và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, đủ năng lực lãnh đạo, quản lý xã hội.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Coi trọng việc đào tạo nguồn nhân lực, tập trung cao cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở.

Tiếp tục chuyển đổi và phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; quan tâm đầu tư áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và tăng giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; quan tâm việc phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo, tạo điều kiện để kinh tế phát triển.

Đại hội thông qua những mục tiêu cụ thể đến năm 2015:

“Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt từ 15% trở lên, thu nhập bình quân đầu người đạt 38-40 triệu đồng/người. Tỷ trọng nông lâm nghiệp chiếm 50%. Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng chiếm 23%. Thương mại, dịch vụ chiếm 27%. Tổng thu ngân sách hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Hàng năm vận động 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường, tiếp tục xây dựng các trường học đạt chuẩn quốc gia. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối nhiệm kỳ còn dưới 3%, trong đó vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn dưới 10%. Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn dưới 1%. Hàng năm duy trì tỷ lệ hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, thôn, khu phố văn hóa, cơ quan đạt cơ quan văn hóa. Hàng năm phát triển từ 10 đảng viên mới trở lên. Hàng năm có 80% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, không có chi bộ yếu kém. Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh”.



*Trường Trung học cơ sở Lạc Nghiệp
đạt chuẩn quốc gia mức độ I năm 2015*



Trường Trung học phổ thông Hùng Vương



Thị trấn D'ran trên đường đổi mới

KẾT LUẬN

Hơn 70 năm qua, trên vùng đất hoang sơ, yên bình, bên cạnh dòng sông Đa Nhim hiền hòa các xóm làng mọc lên, các tên làng, tên xóm của Lạc Nghiệp - D'ran đã hình thành. Trải qua nhiều năm tháng, nhiều biến động lịch sử, ngày nay thị trấn D'ran phát triển tương đối toàn diện. Đảng bộ và nhân dân thị trấn D'ran tự hào về truyền thống của quê hương được kết tinh trong đấu tranh cách mạng và xây dựng cuộc sống mới.

1. D'ran là nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh của tỉnh Lâm Đồng. Ngay từ khi Đảng ra đời, một số cán bộ đã tuyên truyền, vận động, xây dựng phong trào cách mạng trong công nhân. Những cuộc đấu tranh dân chủ diễn ra có ảnh hưởng lớn đối với giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động, khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Cầu Đất - Xuân Trường thắng lợi mở đầu cuộc khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 ở Cà Rang, trung tâm quận lỵ D'ran.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, là vùng đất có vị trí chiến lược, kẻ thù tập trung lực lượng đàn áp, chống phá ác liệt nhưng phong trào vẫn được giữ vững. Cán bộ, chiến sỹ bám dân, bám địa bàn xây dựng cơ sở, tạo thế và lực phát triển mạnh mẽ. Phong trào cách mạng liên tiếp giành thắng lợi, Lạc Nghiệp là một trong những địa phương lực lượng vũ trang của ta đã hai lần tổ chức trận đánh lớn vào trung tâm quận lỵ tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên địch trong đó có quận trưởng, cố vấn Mỹ, thu nhiều vũ khí, đạn dược, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch làm chấn động quân địch cả miền Nam; là nơi các cơ sở cách mạng được xây dựng đều khắp, 8/10 ấp (trừ 02 ấp Lạc Thiện, Lạc Quảng); nơi có tổ chức cơ sở Đảng đầu tiên của huyện Đơn Dương; nơi có nhiều thanh niên thoát ly (chỉ sau Quảng Hiệp) bổ sung cho các đơn vị vũ trang của huyện, tỉnh và là địa phương được giải phóng sớm nhất của tỉnh Lâm Đồng chỉ sau Xuân Trường (Đà Lạt), cùng với huyện và cả nước góp phần vào sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết một lòng đi theo Đảng hoàn thành thắng lợi cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân: Trải qua các thời kỳ lịch sử, D'ran là nơi hội tụ cư dân của nhiều vùng đất nước, đồng bào Kinh và đồng bào các dân tộc ít người. Trước giải phóng, người dân đông nhất là ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận đến; sau giải phóng, người dân các tỉnh miền Bắc đến lập nghiệp ngày càng nhiều. Phong tục tập quán vùng miền tuy có khác nhau nhưng hầu hết đều ở những nơi có truyền thống cách mạng, là những người cùng khổ, hiểu được nỗi nhức nhối nước, sự áp bức bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến. Vì vậy, từ khi có sự lãnh đạo của Đảng, họ đã cùng nhau đoàn kết, đứng lên khởi nghĩa giành chính

quyền, làm chủ vận mệnh của mình. Trong những năm kháng chiến gian khổ, mặc dù sống trong vùng địch kiểm soát, nhân dân Lạc Nghiệp vẫn một lòng thủy chung với cách mạng, thường xuyên tiếp tế, nuôi dưỡng, che giấu cán bộ, bắt chấp mọi hiểm nguy, sự khùng bố tàn bạo của kẻ thù, biết bao đồng bào, đồng chí, chiến sỹ đã hy sinh hoặc để lại một phần xương máu vì sự nghiệp cách mạng.

3. Phát huy nguồn lực và sức mạnh của nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng mới: Những ngày đầu sau giải phóng với biết bao khó khăn, thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền nhân dân thị trấn D'ran đã tích cực khôi phục sản xuất, khai hoang phục hóa; định canh định cư, sản xuất lương thực thực phẩm, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế; các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai. Hàng loạt công trình cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội được đầu tư xây dựng như trường học, trạm y tế xã, Đài tưởng niệm, trụ sở Ủy ban, đường giao thông, điện lưới quốc gia. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. An ninh quốc phòng luôn được giữ vững ổn định. Trong đấu tranh giải quyết vấn đề FULRO, quân và dân thị trấn tổ chức nhiều trận đánh, tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên, thu nhiều vũ khí, tài liệu quan trọng,... kêu gọi những người làm đường lạc lối về hàng góp phần cùng với xã, thị trấn trong huyện giải quyết cơ bản vấn đề FULRO có vũ trang ngoài rừng năm 1983, thực hiện tốt Chỉ thị 04 của Trung ương.

Hệ thống chính trị từ xã đến thôn thường xuyên được củng cố, kiện toàn và hoạt động ngày càng có hiệu quả.

Đặc biệt sau gần 25 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân thị trấn tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần tự lực tự cường, tình đoàn kết lương giáo, đoàn kết dân tộc vượt qua khó khăn thử thách xây dựng thị trấn từng bước đạt chuẩn văn minh đô thị, phát triển nhanh, bền vững.

4. Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận và đoàn thể, coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ; xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Đảng bộ đặc biệt quan tâm, coi trọng công tác xây dựng Đảng và phát triển đảng viên; năm 1983 Chi bộ có 17 đảng viên; năm 1993 có 51 đảng viên; năm 2005, Đảng bộ có 66 đảng viên; đến năm 2010 có 106 Đảng viên; bình quân hàng năm phát triển từ 3 đến 4 đảng viên, các thôn, khóm đều có đảng viên, có Chi bộ và Đảng bộ thị trấn là một trong những Đảng bộ có đông đảng viên nhất của huyện. Các tổ chức quần chúng được quan tâm xây dựng ngay từ sau ngày giải phóng.

Xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng và củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Chi bộ ban hành Nghị quyết, chính quyền xã tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, Nghị quyết Chi bộ (Đảng bộ), Mặt trận, đoàn thể quần chúng nắm tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết, vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng.

Qua các nhiệm kỳ, Đảng bộ thị trấn D'ran đã chú ý nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý điều hành của chính quyền và sự phối hợp hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, xem đây là nhân tố quan trọng hàng đầu nhằm thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của thị trấn. Qua đó hệ thống chính trị của thị trấn và các thôn, khu phố được tiếp tục củng cố, kiện toàn. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện, thử thách và từng bước trưởng thành, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt thị trấn qua các thời kỳ đã nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, năng động, quyết đoán, biết phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương có nhiều mong muốn đưa thị trấn phát triển hơn hoặc ngang tầm với các xã, thị trấn khác, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Những thành tích và thiếu sót của phong trào cách mạng ở thị trấn đều phản ánh chất lượng đội ngũ cán bộ trong công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Thực hiện công tác giáo dục rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên; tính thống nhất ý chí và hành động trong Đảng bộ được đề cao. Xây dựng Đảng bộ thực sự trong sạch vững mạnh là mục tiêu, phương hướng chủ yếu trong nhiều nhiệm kỳ, là ước vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thị trấn. Đảng bộ tiếp tục tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị; giáo dục rèn luyện, quản lý tốt đội ngũ cán bộ, đảng viên, kịp thời ngăn chặn và kiên quyết đẩy lùi những biểu hiện suy thoái; tiêu cực tham nhũng trong cán bộ, đảng viên. Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh gắn liền với tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Ban Chấp hành Đảng bộ nhất thiết thật sự là khối đoàn kết thống nhất, không ngừng nâng cao trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo, nhất là vai trò của Bí thư, cấp ủy. Đảng bộ phải thật sự là hạt nhân lãnh đạo, là trung tâm đoàn kết của tầng lớp nhân dân thị trấn, từ đó khơi dậy các phong trào thi đua yêu nước hành động cách mạng hướng tới giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm của thị trấn trong mỗi giai đoạn.

* *

*

Tự hào về những truyền thống và thành tựu đạt được, Đảng bộ và nhân dân D'ran luôn trân trọng và ghi nhớ công ơn những hy sinh mất mát, những đóng góp về tinh thần và vật chất của biết bao đồng bào, đồng chí, chiến sỹ để thị trấn D'ran có ngày hôm nay - Trong sự nghiệp đổi mới vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa D'ran tiếp tục vững bước đi lên, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**DANH SÁCH BÍ THƯ, CẤP ỦY, BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
THỊ TRẤN D'RAN TRƯỚC VÀ SAU NĂM 1975**

- Năm 1967 - 1968: Đồng chí Sơn Hải.
- Năm 1968 - 1969: Đồng chí Lê Đình Biểu.
- Năm 1969 - 1970: Đồng chí Trần Ngọc Anh (Sáu Mù)
- Năm 1970 - 1971: Đồng chí Trần Sướng
- Năm 1971 - 1972: Đồng chí Nguyễn Hiến
- Năm 1972 - 1973: - Đồng chí Nguyễn Văn Luận
- Đồng chí Nguyễn Thị Hiền (Cô Ba Biểu)
- Năm 1973 - 1974: Hoạt động toàn đội công tác và bộ đội đóng trên địa bàn.
- Năm 1974 - 1975: Đồng chí Phan Công Chúng.

1975 - 1977

1. Đồng chí Phan Công Chúng - Bí thư (Từ tháng 4 đến tháng 6/1975)
2. Đồng chí Phạm Báng - Bí thư (Từ tháng 6/1975 đến 6/1977)

1977 - 1980

Đồng chí Nguyễn Văn Chín - Bí thư

1980 - 1982

Đồng chí Dương Thanh Thủy - Bí thư

1982 - 1983

- ### 1. Đồng chí Đào Văn Thuận - Bí thư

Tháng 4/1983 - 12/1989

Đồng chí Nguyễn Văn Luân - Bí thư

Tháng 12/1989 - 8/1991

Đồng chí Phan Tuấn Kiệt - Bí thư

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN D'RAN LẦN THỨ I
10/1991 - 1993**

1. Đồng chí Nguyễn Đình Thập - Bí thư
2. Đồng chí Hà Văn Hai
3. Đồng chí Lê Ngọc Bích
4. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng
5. Đồng chí Huỳnh Việt Hải.
6. Đồng chí Kiều Thái
7. Đồng chí Võ Thị Hai

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN D'RAN LẦN THỨ II
(1993 - 1995)**

1. Đồng chí Nguyễn Đình Thập - Bí thư
2. Đồng chí Kiều Thái
3. Đồng chí Hà Văn Hai
4. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng
5. Đồng chí Huỳnh Văn Hùng
6. Đồng chí Huỳnh Việt Hải
7. Đồng chí Võ Thị Hai
8. Đồng chí Trần Sanh.
9. Đồng chí Nguyễn Văn An

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN D'RAN LẦN THỨ III
(Nhiệm kỳ 1996 - 2000)**

1. Đồng chí Nguyễn Văn Việt - Bí thư
2. Đồng chí Nguyễn Phương Triều - Phó Bí thư
3. Đồng chí Hà Văn Hai
4. Đồng chí Võ Thị Hai
5. Đồng chí Huỳnh Việt Hải
6. Đồng chí Trần Sanh
7. Đồng chí Kiều Thái
8. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng
9. Đồng chí Huỳnh Văn Hùng

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN D'ARAN LẦN THỨ IV
(Nhiệm kỳ 2000 - 2005)**

1. Đồng chí Nguyễn Văn Việt - Bí thư
2. Đồng chí Nguyễn Phương Triều - Phó Bí thư
3. Đồng chí Hà Văn Hai
4. Đồng chí Nguyễn Huy Hoàng
5. Đồng chí Huỳnh Việt Hải
6. Đồng chí Trần Thị Quý
7. Đồng chí Phan Bùi Kỳ
8. Đồng chí Phan Tá Hân
9. Đồng chí Huỳnh Văn Hùng

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN D'ARAN LẦN THỨ V
(Nhiệm kỳ 2005 - 2010)**

1. Đồng chí Nguyễn Văn Việt - Bí thư
2. Đồng chí Nguyễn Huy Hoàng - Phó Bí thư
3. Đồng chí Hà Văn Hai
4. Đồng chí Huỳnh Thư
5. Đồng chí Nguyễn Viết Xuân
6. Đồng chí Phan Bùi Kỳ
7. Đồng chí Nguyễn Thị Hải Yến
8. Đồng chí Huỳnh Văn Hùng
9. Đồng chí Đoàn Văn Báo
10. Đồng chí Bùi Long Hùng
11. Đồng chí Lê Hữu Chức

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN D'ARAN LẦN THỨ VI
(Nhiệm kỳ 2010 - 2015)**

1. Đồng chí Nguyễn Danh Sinh - Bí thư
2. Đồng chí Lê Hữu Chức - Phó Bí thư
3. Đồng chí Nguyễn Huy Hoàng - Phó Bí thư

4. Đồng chí Phan Bùi Kỷ
5. Đồng chí Bùi Long Hùng
6. Đồng chí Nguyễn Viết Xuân
7. Đồng chí Bùi Thị Kim Hương
8. Đồng chí Nguyễn Ngọc Long
9. Đồng chí Hà U
10. Đồng chí Đoàn Văn Báo
11. Đồng chí Hà Văn Hai
12. Đồng chí Đào Duy Quang
13. Đồng chí Trần Thị Cúc
14. Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân
15. Đồng chí Đào Duy Hải

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH UBND THỊ TRẦN D'РАН
QUA CÁC THỜI KỲ (1975 - 2010)**

1975 - 1977

Đồng chí Phạm Báng

1977 - 1979

Đồng chí Đoàn Văn Hải

1979 - 1981

Đồng chí Nguyễn Kim Lân

1981 - 1984

Đồng chí Thái Văn Tồn

1984 - 1986

Đồng chí Nguyễn Ngọc Bích

1986 - 1989

Đồng chí Hồ Viết Phùng

1989 - 1994

Đồng chí Nguyễn Viết Xuân

1994 - 1999

Đồng chí Hà Văn Hai

1999 - 2004

Đồng chí Hà Văn Hai

Tháng 5/2004 - 2011

Đồng chí Nguyễn Huy Hoàng

BÍ THƯ THỊ TRẦN D' RAN
 Từ khi mới thành lập Chi bộ đến Đại hội khóa VI



Đồng chí PHAN CÔNG CHÚNG
 Bí thư Chi bộ
 (Tháng 4 - 6/1975)



Đồng chí PHẠM BÁNG
 Bí thư Chi bộ
 (Tháng 6/1975 - 6/1977)



Đồng chí NGUYỄN VĂN CHÍN
 Bí thư Chi bộ
 (1977 - 1980)



Đồng chí DƯƠNG THANH THỦY
 Bí thư Chi bộ
 (1980 - 1982)



Đồng chí ĐÀO VĂN THUẬN
 Bí thư Chi bộ
 (1982 - 1983)



Đồng chí NGUYỄN VĂN LUÂN
 Bí thư Chi bộ
 (4/1983 - 12/1989)



Đồng chí PHAN TUẤN KIẾT
Bí thư Chi bộ
(Tháng 12/1989 - 8/1991)



Đồng chí NGUYỄN ĐÌNH THẬP
Bí thư Đảng bộ
(Tháng 10/1991 - 1994)



Đồng chí KIỀU THÁI
Quyền Bí thư Đảng bộ
(1994 - 1996)



Đồng chí NGUYỄN VĂN VIỆT
Bí thư Đảng bộ
(1996 - 2010)



Đồng chí NGUYỄN DANH SINH
Bí thư Đảng bộ
(2010 - 2015)

DANH SÁCH

Các Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng

1. Hà Thị Trà
2. Hà Thị Hiến
3. Hồ Thị Cả
4. Lê Thị Đông
5. Lê Thị Lý
6. Nguyễn Thị Nghĩa
7. Lê Thị Hường
8. Trần Thị Quyền
9. Nguyễn Thị Nhâm

DANH SÁCH LIỆT SỸ

- | | |
|----------------------|---------------------|
| 1. Nguyễn Tư (Hiếu) | 49. Nguyễn Đình |
| 2. Trương Ánh | 50. Hồ Nghị |
| 3. Trần Thị Đi | 51. Nguyễn Văn Thọ |
| 4. Nguyễn Hiến | 52. Huỳnh Giới |
| 5. Nguyễn Truyện | 53. Nguyễn Mâu |
| 6. Huỳnh Trung | 54. Trịnh Chí |
| 7. Nguyễn Văn Thành | 55. Nguyễn Tấn Ninh |
| 8. Trương Thị Hương | 56. Nguyễn Đình Tám |
| 9. Nguyễn Tánh | 57. Trần Hược |
| 10. Trần Viết Hùng | 58. Nguyễn Đờn |
| 11. Nguyễn Quốc Bích | 59. Hồ Trung Đức |
| 12. Trần Máy | 60. Đoàn Quang |
| 13. Hồ Văn Trọng | 61. Nguyễn Phi |
| 14. Phạm Thị Nghĩa | 62. Tô Quang Năm |
| 15. Mai Đình Dinh | 63. Trần Ba |
| 16. Lê Ngọc Hai | 64. Trịnh Trợ |
| 17. Lê Lợi | 65. Lê Khinh |
| 18. Nguyễn Thương | 66. Nguyễn Bốn |

19. Lê Văn Xương
20. Huỳnh Ngọc Thanh
21. Huỳnh Thời
22. Huỳnh Đăng Hiền
23. Lương Duyệt
24. Lại Thiện Nhơn
25. Nguyễn Ngọc Minh
26. Nguyễn Hòa
27. Nguyễn Thanh
28. Nguyễn Chính
29. Lâm Duy Cả
30. Nguyễn Văn Hồng
31. Hà Mực
32. Trịnh Văn Kiện
33. Nguyễn Tú
34. Nguyễn Đình Lự
35. Nguyễn Cui
36. Đào May
37. Đào Thị Dân
38. Bùi Minh Tâm
39. Trần Hồng Kỳ
40. Võ Khôi Sỹ
41. Huỳnh Thị Vân
42. Huỳnh Kinh
43. Hoàng Minh Ánh
44. Hoàng Minh Châu
45. Nguyễn Thị Thụy
46. Lê Văn Bờ
47. Đặng Hiệp
48. Huỳnh Kim Thanh
67. Lê Văn Mận
68. Nguyễn Cang
69. Nguyễn Hữu Thọ
70. Nguyễn Khê
71. Nguyễn Mạo
72. Hà Văn Lượm
73. Hà Thị Lem
74. Nguyễn Nơi
75. Nguyễn Mọi Bê
76. Nguyễn Đức Thanh
77. Nguyễn Hữu Châu
78. Nguyễn Xích
79. Nguyễn Huế
80. Nguyễn Đoàn
81. Cao Sơn Lâm
82. Lê Tình
83. Trần Rẫy
84. Lê Văn Minh
85. Đặng Công Chương
86. Trần Đình Thụ
87. Lê Văn Sáu
88. Lê Văn Chương
89. Nguyễn Tích
90. Lê Văn Phú
91. Lê Đồng
92. Nguyễn Văn Ca
93. Võ Ngọc
94. Lê Hoàng Sanh
95. Huỳnh Út
96. Trần Phúc

THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG

1. Huy chương:

- Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất: 13 đồng chí.
- Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất: 14 đồng chí.
- Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng nhì: 01 đồng chí.
- Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì: 09 đồng chí.

2. Huân chương:

- Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất: 02 đồng chí.
- Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì: 05 đồng chí.
- Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba: 18 đồng chí.

3. Bằng khen:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thời kỳ chống Pháp: 02.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thời kỳ chống Mỹ: 01
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thời kỳ chống Pháp: 01.
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thời kỳ chống Mỹ: 02.

4. Bằng khen:

- Tập thể:

Bộ Nội vụ tặng Bằng khen đơn vị xuất sắc toàn quốc cho tập thể Công an thị trấn D'ran đã có thành tích trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 1987 và năm 1991.

- Cá nhân:

Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tặng Bằng khen cho ông Đoàn Văn Báo đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Hội năm 2008.

NHẬN HUY HIỆU ĐẢNG

Đến năm 2010 Đảng bộ thị trấn D'ran có 20 đồng chí được trao Huy hiệu Đảng. Trong đó:

- Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng: 4 đồng chí.
- Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng: 7 đồng chí.
- Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng: 9 đồng chí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1975 - 2005).Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
2. Địa chí Lâm Đồng. Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2001.
3. Sơ thảo truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương (1930 - 1975).
4. Lịch sử Đảng bộ huyện Đơn Dương (1975 - 2005).
5. Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đơn Dương (1945 - 2010)
6. Tài liệu tại kho lưu trữ Huyện ủy.
7. Nguyễn Hữu Tranh. *D'ran dưới mắt người nước ngoài*. Báo Lâm Đồng, Đà Lạt, số 229, 230, 231, 2015.
8. <https://www.facebook.com/LamnguyenLam/D'ranxua>.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
--------------------------	----------

PHẦN MỞ ĐẦU **ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VỀ TỰ NHIÊN VÀ QUÁ TRÌNH** **PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRẤN D'ARAN**

I. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.....	5
II. Thực trạng về phát triển kinh tế - xã hội (thời điểm 2010).....	7
1. Dân số - lao động:.....	7
2. Về phát triển các ngành kinh tế	8
3. Về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội:	8
III. Thị trấn D'ran trong quá trình hình thành và phát triển	10

PHẦN THỨ NHẤT **QUÂN DÂN D'ARAN ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC, THAM** **GIA NỔI DẬY GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ** **KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC** **(1930 - 1954)**

CHƯƠNG I **ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC VÀ NỔI DẬY GIÀNH** **CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1930 - 1945)**

I. Những cuộc đấu tranh chống áp bức từ năm 1930 đến năm 1945:.....	15
II. Quá trình tổ chức lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa ở quận D'ran.....	16
III. Khởi nghĩa giành chính quyền Cách mạng tháng 8 năm 1945.....	17

CHƯƠNG II **QUÂN DÂN D'ARAN THAM GIA XÂY DỰNG, BẢO VỆ** **CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG** **VÀ TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI**

I. Quân dân D'ran xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng chiến đấu chống Pháp tái chiếm (9/1945 - 01/1946).....	19
II. Đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân Pháp, củng cố và xây dựng lực lượng cách mạng (tháng 02/1946 đến tháng 01/1950)	20
III. Phát triển cơ sở, mở rộng phong trào, kháng chiến thắng lợi (1950 - 1954).....	23

PHẦN THỨ HAI

QUÂN DÂN LẠC NGHIỆP (D'ARAN) TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

CHƯƠNG I

GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐỊA PHƯƠNG (7/1954 - 7/1961)

I. Phong trào đấu tranh đòi hòa bình ở D'ran (tháng 7/1954 đến cuối năm 1955).....	24
II. Cùng cố lực lượng, chuyển hướng đấu tranh trong tình hình mới (1956-1961).....	25

CHƯƠNG II

QUÂN DÂN LẠC NGHIỆP TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, ĐẨY MẠNH ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ KẾT HỢP ĐẤU TRANH VŨ TRANG (Tháng 6/1961-1968)

I. Từ phong trào đấu tranh chính trị, đẩy mạnh phát triển cơ sở cách mạng, chống âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược của địch (1961 - 1964):.....	27
II. Quân và dân Lạc Nghiệp trong cuộc tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968	33

CHƯƠNG III

QUÂN VÀ DÂN LẠC NGHIỆP (D'ARAN) TRONG ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐỊCH, NẮM VỮNG THỜI CƠ TIẾN LÊN GIẢI PHÓNG XÃ NHÀ, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG (1969-1975)

I. Cùng cố thực lực cách mạng tại chỗ, làm thất bại âm mưu bình định ở địa phương (1969 - 1972):.....	34
II. Chống địch lấn chiếm, chuẩn bị lực lượng đón thời cơ góp phần giải phóng huyện Đơn Dương (1973 - 1975):.....	38

PHẦN THỨ BA

LẠC NGHIỆP (D'ARAN) TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (THÁNG 4/1975 - 2010)

CHƯƠNG I
THIẾT LẬP XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, GIỮ GÌN AN
NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI, KHÔI PHỤC SẢN
XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (Tháng 4/1975 - 1976)

- I. củng cố thực lực cách mạng, xây dựng chính quyền, ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh 42
- II. Tiếp tục củng cố chính quyền cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị (1977 - 1986)..... 44

CHƯƠNG II
THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, PHÂN ĐẦU
VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI DÂN CHỦ,
CÔNG BẰNG, VĂN MINH

- I. Giai đoạn 1986 - 1990 52
- II. Giai đoạn 1991 - 1993 55
- III. Giai đoạn 1993 - 1995 60

CHƯƠNG III
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO
HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2005)

- I. Giai đoạn 1996 - 2000 63
- II. Giai đoạn 2000 - 2005 66

CHƯƠNG IV
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO
HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2005)

- I. Kết quả hoạt động qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn D'ran lần V, nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã đạt được những kết quả 70
- II. Đại hội VI Đảng bộ thị trấn D'ran và định hướng đến năm 2015 73

KẾT LUẬN 77

PHỤ LỤC 80

Chỉ đạo biên soạn và chịu trách nhiệm xuất bản
LÊ HỮU CHỨC

Biên soạn
NGUYỄN THUẬT

Ban Chỉ đạo nội dung và biên tập
LƯU TẤN HUỆ
TRẦN XUÂN HỒNG
LÊ HỮU TÚC
DƯƠNG THỊ THANH TÚ
LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG
ĐẢNG ỦY THỊ TRẤN D'ARAN

Trình bày bìa và sửa bản in
ĐẢNG ỦY THỊ TRẤN D'ARAN